CÙ MAI CÔNG

GIA ĐỊNH
là nhớ
SÀI GÒN
là thương

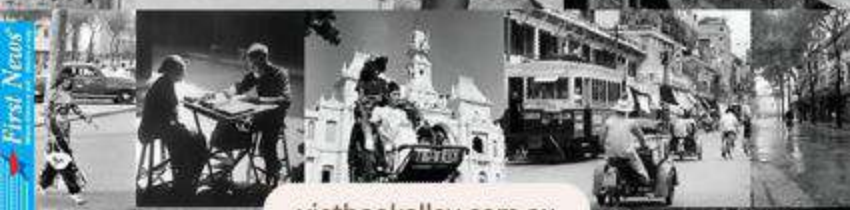

First News

vietbookalley.com.au

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

SÀI GÒN LÀ THƯƠNG

Chợ Bến Thành

Chợ Cũ

Nhịp sống mới của người Sài Gòn xưa trên đại lộ Charner

Chiêu Nam Lầu

Bức tượng có số phận "long đong" nhất Sài Gòn

"Trả lại em yêu khung trời đại học"

Khung trời hoa mộng trong "Con đường tình ta đi"

Hồ Con Rùa nhưng không có… rùa

Đại lộ Galliéni và những giấc mơ đổi đời

Con đường có một Sài Gòn thu nhỏ

GIA ĐỊNH LÀ NHỚ

Câu chuyện về hai ngôi thành Gia Định

Trần Văn Học - người vẽ trục đường đầu tiên của Sài Gòn

Bí ẩn ba con đường xéo giữa một Sài Gòn xưa vuông vức

Người Pháp đối mặt với các thách thức về quy hoạch của Sài Gòn - Chợ Lớn buổi đầu

Chợ Lớn sáp nhập vào Sài Gòn, không còn thành phố của riêng người Hoa

Quy hoạch Sài Gòn trước 1975: từ những cao ốc chọc trời đến khu ổ chuột

Vết tích tường thành cuối cùng giữa lòng Sài Gòn

Từ ngôi nhà thờ "bí ẩn" đến ngôi thánh đường xưa nhất đất Gia Định

Khu rừng cao su cuối cùng của Sài Gòn - Gia Định

Đất khởi nguồn rạch Nhiêu Lộc

LỜI KẾT

Tác phẩm: GIA ĐỊNH LÀ NHỚ - SÀI GÒN LÀ THƯƠNG

Tác giả: Cù Mai Công

Bản quyền © 2022 Cù Mai Công

Công ty First News – Trí Việt giữ bản quyền xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt trên toàn thế giới theo thỏa thuận hợp tác xuất bản với tác giả Cù Mai Công.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của First News đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế và Công ước Bảo hộ Bản quyền Sở hữu Trí tuệ Berne.

Thực hiện: Trường Giang

Quý độc giả có nhu cầu liên hệ, vui lòng gửi email về:

Bản thảo và bản quyền : rights@firstnews.com.vn

Phát hành : triviet@firstnews.com.vn

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT – FIRST NEWS

11H Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Ngôi Nhà Hạt Giống Tâm Hồn, Đường Sách Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP. HCM

Tel: (84.28) 38227979 – 38227980

www.firstnews.com.vn

www.hatgiongtamhon.vn

facebook.com/firstnewsbooks

facebook.com/hatgiongtamhon

LỜI NÓI ĐẦU

"Sài Gòn" và "Gia Định", cả hai cái tên thân thương này đều đã không còn được sử dụng như tên chính thức của vùng đất mà ngày nay là Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy vậy, mỗi tên gọi đều gợi lên những ký ức, hoài niệm khác nhau đối với mỗi người dân thành phố này.

Sài Gòn đối với thế hệ trước 1975 là bánh mì chợ Cũ, là hình ảnh tà áo dài thướt tha trên con đường Duy Tân "cây dài bóng mát", là thanh âm của những bản nhạc bolero trên đài phát thanh hằng đêm, là giờ giới nghiêm khi thành phố chìm vào tĩnh lặng... Còn đối với thế hệ 8x, Sài Gòn lại là một đô thị đông đúc đang rũ bỏ lớp áo cũ để khoác lên lớp áo mới tân thời, nhưng đâu đó vẫn còn chút hương xưa với những tà áo dài trắng trên con đường đầy lá me bay vào buổi tan trường… Cứ thế, hai chữ Sài Gòn gợi lên cả những kỷ niệm chung của cả một thế hệ và cả những nỗi niềm riêng của mỗi người. Nhắc đến Sài Gòn, ai mà không khỏi xao xuyến, ai mà không thương cho được…

Nếu như Sài Gòn vẫn còn được gọi tên, thì trái lại, Gia Định lại phần nào khiến ta có cảm giác vừa thân quen vừa xa cách. Sở dĩ thân quen vì địa danh Gia Định chỉ mới biến mất khoảng 50 năm nay thôi và những cư dân tỉnh Gia Định cũ vẫn còn đây. Nhưng xa cách có lẽ vì địa danh Gia Định đã được sử dụng cho nhiều địa giới hành chính khác nhau theo từng thời kỳ nên nó đã không thể định hình được một không gian ký ức riêng biệt trong tâm tưởng như Sài Gòn. Dù thế nào, hai chữ Gia Định lại gợi lên một cảm giác chung về một thời quá vãng của Prei Nokor, của vùng Đề Ngạn, của những trận đánh khốc liệt giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn mà những

nhân chứng sống cũng đã trở thành người thiên cổ. Và vì vậy, Gia Định là để nhớ, hay nói đúng hơn là để tưởng nhớ về một thời mà nơi đây vẫn còn là rừng rậm, đầm lầy, kinh rạch… Để ghi dấu công lao của các bậc tiền nhân đã vào Nam khẩn hoang, mở mang bờ cõi…

Mong rằng Gia Định là nhớ, Sài Gòn là thương có thể vừa như một thước phim để cùng quý vị tìm lại thời thanh xuân tươi đẹp của mình giữa một Sài Gòn rực rỡ, vừa như một chuyến du hành ngược thời gian để cùng tìm về một Gia Định trầm mặc, hoang sơ của những ngày đầu.

- Ban biên tập First News

SÀI GÒN

là thương

Ký ức, văn hóa & con người

Chợ Bến Thành

Nhiều điều chưa biết

Một bưu ảnh chợ Bến Thành cũ trên đại lộ Charner (nay là Nguyễn Huệ) cuối thế kỷ 19. Lúc này, kinh Lấp (kinh Charner) đã bị lấp (1887) và thay bằng đường rầy xe điện (tramway). Xa xa là tòa nhà trụ sở UBND TP. HCM hiện nay. Góc phải nhà thờ Đức Bà đã có hai tháp chuông nhọn (gắn năm 1895). Bưu thiếp ghi marché (chợ). - Ảnh tư liệu.

Chợ Bến Thành luôn là ngôi chợ nhộn nhịp trong những câu chuyện ký ức của thị dân hoặc được nói đến rất nhiều trong những đề tài

khảo cứu về vùng đất Sài Gòn - Gia Định xưa. Nó quen thuộc đến mức ai cũng nghĩ rằng đã biết hết về ngôi chợ này. Tuy nhiên, vẫn còn đó những điều mới mẻ sẽ khiến chúng ta không khỏi ngạc nhiên và thích thú về ngôi chợ hơn 100 tuổi.

Ngôi chợ nhiều tên gọi nhưng không có bảng tên

Năm 1860, chợ Bến Thành được người Pháp xây dựng đơn sơ nằm trên bờ kinh Lớn. Tuy ngôi chợ đã xuất hiện từ rất sớm trên nhiều bưu ảnh nhưng có một điều khá lạ là chưa bao giờ cái tên Bến Thành được viết một cách chính thức. Trên các bưu ảnh xưa, chợ được gọi bằng nhiều tên như chợ trung tâm/chợ chính (marché central); có khi chỉ ghi vỏn vẹn là chợ (marché); hoặc "táo bạo" nhất thì cũng chỉ ghi là chợ Sài Gòn (marché de Saigon).

Từ năm 1914, chợ Bến Thành được dời về vị trí như ta thấy hiện nay với quy mô rộng lớn và khang trang hơn. Dù vậy, trong các bưu ảnh vẫn không nhắc cái tên chợ Bến Thành: có bưu ảnh ghi là tòa nhà trung tâm (Les Halles Centrales); cũng có khi là chợ lớn (grand marché - không viết hoa kiểu tên riêng); nhưng đa số được ghi một cách chung chung là chợ trung tâm/chợ chính (marché central). Đó là kể sơ qua cách mà người Pháp gọi ngôi chợ này trên bưu ảnh, chứ trên thực tế thì cổng chợ chưa bao giờ treo bảng tên.

Càng lạ hơn, khi tiếp quản ngôi chợ Bến Thành từ người Pháp sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn vẫn không treo bảng tên ở cổng chợ. Ai đi chợ này thời đó đều thấy phía trên mặt tiền chính của chợ chỉ là một mảng tường quét vôi màu vàng cam.

Duy chỉ có một thời gian ngắn chợ được đặt tên là chợ Quách Thị Trang để ghi nhận sự kiện cô nữ sinh Quách Thị Trang ngã xuống trong cuộc biểu tình chống chế độ Ngô Đình Diệm tại công viên Diên Hồng (trước cửa Nam) năm 1963. Nhưng bảng tên chợ Quách Thị Trang cũng chỉ tồn tại thời gian ngắn rồi bị lặng lẽ gỡ đi. Hồi 1973, tôi cùng bạn bè lên nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi mua sách. Lúc đi ngang cổng chính của chợ, thấy treo kín các bảng quảng cáo kem đánh răng Perlon và giày Bata, đám học trò lớp Sáu chúng tôi cứ tưởng tên chợ là… Perlon hay Bata.

Người Sài Gòn xưa nay vẫn thường gọi là chợ Bến Thành

Mặc cho việc chợ không có bảng tên và không hiện diện trên các văn bản chính thức nào của chính quyền, người Sài Gòn từ những ngày đầu tiên vẫn luôn gọi là chợ Bến Thành. Không những thế, ngôi chợ còn được ưu ái vô ca dao hẳn hoi. Cụ thể năm 1904, Sài Gòn gặp một cơn bão rất lớn, thường gọi là bão năm Thìn. Trận bão lụt này làm thiệt mạng hàng ngàn người và được lưu truyền trong những câu ca dao xưa:

Bến Thành nóc chợ cũng bay

Đèn khí[1] nó ngã nằm ngay cùng đường.

[1] Xưa người ta thắp đèn trên đường phố ban đêm bằng khí đá. Chúng tôi chưa rõ "đèn khí" ở đây là của các hàng quán hay đèn đường. Nếu "đèn khí" của các hàng quán thì có thể đó là đèn khí đá (thập niên 1960, một số hàng quán ở Sài Gòn vẫn xài đèn khí đá, như ở vài khu ngoại ô, Ông Tạ chẳng hạn). Nếu "đèn khí" của cột đèn thì có thể là khí ga. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, vài con đường khu trung tâm Sài Gòn đã có đèn điện. Tuy nhiên, đa số dùng đèn dầu dừa, dầu hôi, có nơi vẫn dùng đèn khí (ga).

CHỢ QUÁCH THỊ TRANG
Per-lon
neige

Chợ từng mang tên nữ sinh Quách Thị Trang trong thời gian ngắn.

- Ảnh tư liệu.

Một câu ca dao khác lại vẽ ra khung cảnh tiếng còi tàu và tiếng lao xao của khách bộ hành khi tiến gần chợ Bến Thành:

Mười giờ tàu lại Bến Thành

Xúp lê còi thổi bộ hành lao xao

Trong Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca (xuất bản năm 1909), tác giả Nguyễn Liên Phong đã dành hơn 50 câu thơ nói về ngôi chợ này trước khi nó được dời sang vị trí mới:

Bến Thành chợ rộng tứ vi

Mấy cửa hàng xén ở thì quanh năm

Chỗ ăn, chỗ ở chỗ nằm....

Khi dời sang vị trí mới như hiện nay (từ năm 1914), ngôi chợ khang trang này lập tức trở thành niềm cảm hứng mới cho các tao nhân mặc khách:

Chợ Bến Thành mới

Kẻ lui người tới

Xem tứ diện rất xinh

Thấy em tốt dáng tốt hình

Chẳng hay em có chốn duyên tình hay chưa?

Hoặc:

Chợ Bến Thành dời đổi

Người sao khỏi hợp tan

Xa gần giữ nghĩa tào khang

Chớ ham quờn quới (quyền quý) mà đá vàng phụ nhau.

Phải chăng đó là cách người Sài Gòn - Gia Định xưa thể hiện nỗi niềm lưu luyến về một ngôi chợ có thật trong buổi đầu của vùng đất Bến Nghé này? Khác với thế hệ cố cựu, nhiều người sinh ra và lớn lên sau này, nhất là những người nhập cư từ xứ khác đến Sài Gòn, lại gọi tên chợ theo cách gọi của người Pháp: chợ Sài Gòn.

Chợ Sài Gòn cẩn đá

Chợ Rạch Giá cẩn xi mon (xi măng)

Giã em ở lại vuông tròn

Anh về xứ sở không còn ra vô (hoặc: Anh về ngoài nớ, khó còn ra vô).

Hoặc:

Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thủy

Chợ Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa

Viết thơ thăm hết nội nhà

Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em.

Hoặc:

Chiều nay chắc áo xa bâu (túi áo)

Chợ Sài Gòn anh ở, còn huyện Tổng Châu em về.

Đến năm 1975, người Sài Gòn cũng như các nơi quen gọi phần sót lại của ngôi chợ trên đường Nguyễn Huệ là chợ Cũ và chợ Bến Thành là chợ Mới hay chợ Sài Gòn. Sau năm 1975, chợ lần đầu tiên chính thức được đặt bảng tên chợ Bến Thành trước cổng chính (cổng Nam) và từ đó đến nay trở thành tên gọi phổ biến với mọi người.

Tại sao chính quyền thành phố Sài Gòn trong nhiều thời kỳ khác nhau lại không thực hiện một thao tác rất đơn giản, đó là đặt bảng hiệu là chợ Bến Thành cho phù hợp với thói quen gọi tên của người dân?

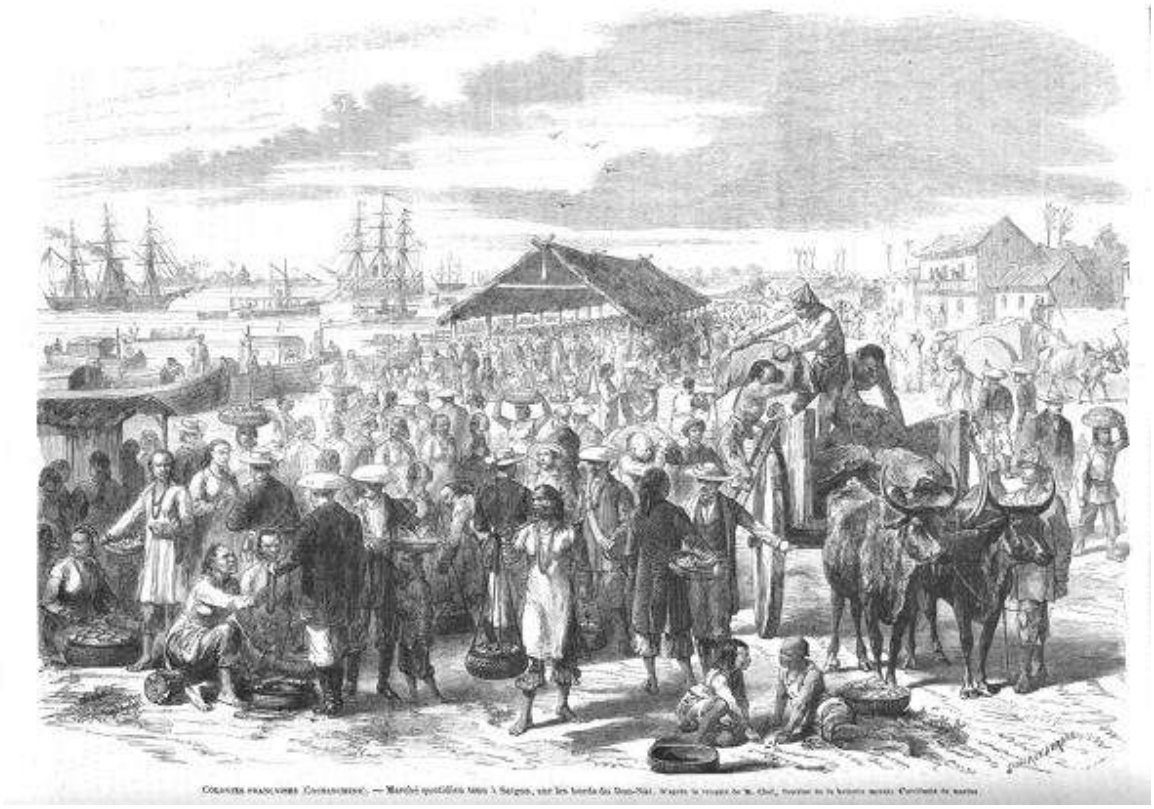

Chợ Vải đầu đường Nguyễn Huệ, nằm ngay bờ sông Sài Gòn hiện nay. Bức họa có tên "Un marché à Saigon" (Một chợ ở Saigon).

- Trích Tập san Le Monde Illustré 24-12-1864.

Thử lý giải điều này, người viết thấy rằng có một chi tiết quan trọng, đó là ngôi chợ cũ được xây dựng vào năm 1860 trên đường Charner[2] (và cả ngôi chợ mới được xây năm 1914 tại vị trí đầm Bồ-rệt) đều không được xây dựng trên nền chợ Bến Thành ban đầu. Có lẽ cũng chính vì thế mà chủ đầu tư xây dựng chưa bao giờ gọi cả hai ngôi chợ (cũ và mới) này là chợ Bến Thành.

[2] Nay là đường Nguyễn Huệ.

Bí ẩn vị trí đầu tiên của chợ Bến Thành

Chợ Bến Thành xuất hiện lần đầu tiên trong Gia Định thành thông chí, được Trịnh Hoài Đức miêu tả như sau:

"Chợ Bến Thành - Phố, chợ, nhà cửa trù mật, ở dọc theo bến sông. Chỗ đầu bến này có lệ đến đầu mùa xuân gặp ngày tế mạ có thao diễn thủy binh, nơi bến có đò ngang đón chở khách buôn ngoài biển lên bờ. Đầu phía bắc là ngòi Sa ngư, có gác cầu ván ngang qua, hai bên nách cầu có dãy phố ngói, tụ tập trăm thức hàng hóa, dọc bến sông ghe buôn lớn nhỏ đến đậu nối liền…"[3].

[3] Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 103.

Về vị trí của ngòi Sa Ngư có hai giả thiết. Đa số các nhà nghiên cứu am hiểu về Sài Gòn xưa như Trần Văn Giàu, Nguyễn Đình Đầu, Sơn Nam đều cho rằng ngòi Sa Ngư là một (trong hai) đường nước song song dẫn từ sông Sài Gòn hiện nay vô thành Phiên An[4]. Từ đó, kết luận rằng chợ Bến Thành đầu tiên nằm từ cột cờ Thủ Ngữ đến đầu đường Nguyễn Huệ hiện nay.

[4] Thời đầu thuộc Pháp là kinh Chợ Vải, sau gọi là kinh Charner, hiện nay là đường Nguyễn Huệ.

Tuy nhiên, cũng có giả thiết thứ hai cho rằng chợ Bến Thành nằm hai bên cầu Thị Nghè với lập luận rằng ngòi Sa Ngư là rạch Văn Thánh hiện nay. Cả hai đều có những chứng cứ, lập luận đáng tin cậy về vị trí chợ Bến Thành ban đầu.

Số phận chợ Bến Thành sau cuộc thảm sát mang tính hủy diệt

Cuộc thảm sát những người liên quan đến cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi vào năm 1835 mang tính hủy diệt lớn nhất trong lịch sử Việt Nam. Đến mức Trương Vĩnh Ký trong Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs (Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận) xuất bản sau đó 60 năm phải đau đớn thốt lên bằng tiếng Latin trong bài viết toàn tiếng Pháp: Vae victic (Khốn cho kẻ chiến bại).

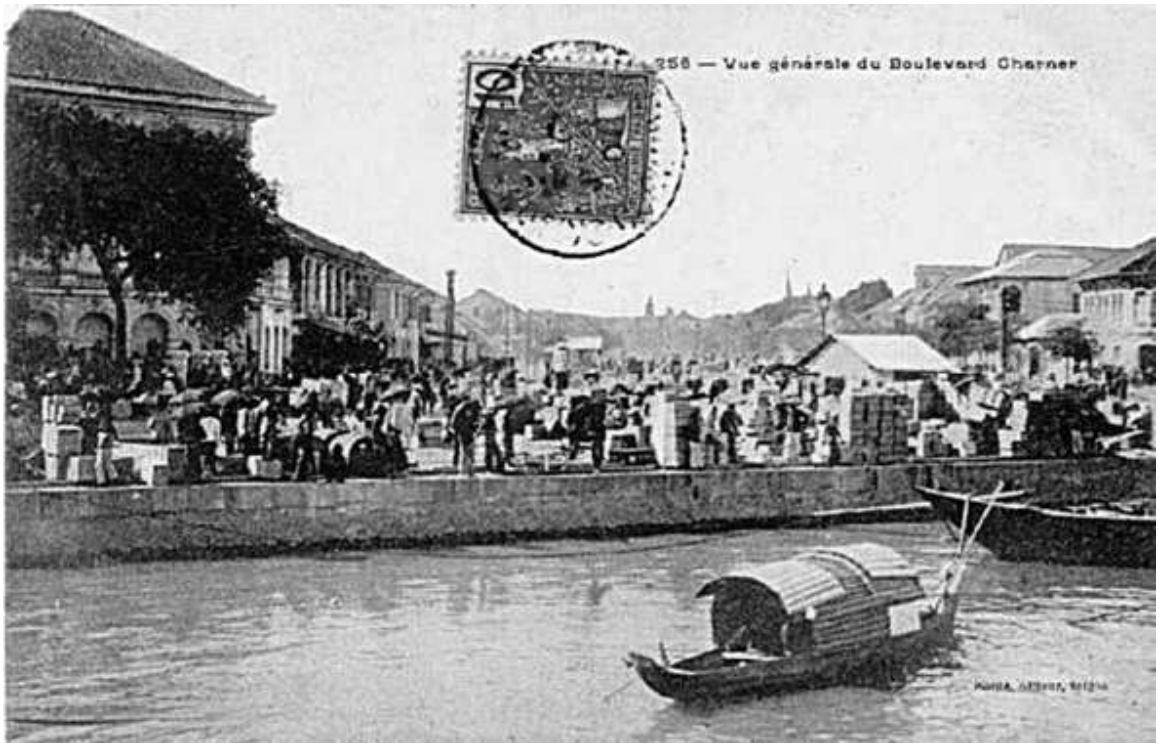

Sau khi kinh Chợ Vải bị lấp năm 1888, hàng hóa đến chợ Bến Thành phải tập kết ở đầu đường Charner. - Ảnh tư liệu.

Có những số liệu khác nhau về số người bị giết sau cuộc nổi dậy thất bại này. Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược ghi 1.831 người, Nguyễn Phan Quang căn cứ vào những bản mật tấu nói 1.284 người, Trương Vĩnh Ký trong Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận nói 1.137 người. Nhưng dù con số nào thì có lẽ những người trong và ngoài thành Gia Định[5] còn sống sau cuộc hãm thành đều đã bị giết sạch.

[5] Hiện nay là phạm vi bốn con đường: Lê Thánh Tôn - cổng chính thành, Tôn Đức Thắng - Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Đình Chiểu và Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Cũng theo Trương Vĩnh Ký thì những người buôn bán lẫn khách hàng thường đi chợ Bến Thành (vốn cách thành khoảng hơn 600m) chắc chắn đã bị "hành hình tức khắc"[6]. Đại Nam chính biên liệt truyện cũng có miêu tả sự kiện thảm sát này: "Bè đảng a dua, không cứ già trẻ trai gái, trong và ngoài thành (Gia Định - thành Quy) vài dặm (đều) chém ngay không xét xử (biền tru), rồi đào một hố to vất thây lấp đất (...)"[7].

[6] Trương Vĩnh Ký, Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận, Nguyễn Đình Đầu dịch, Nxb. Trẻ, 1997.

[7] Đại Nam chính biên liệt truyện, Nxb. Văn Học, 2004.

Thành phần tiểu thương và khách đi chợ xưa trong một hình vẽ năm 1885, gồm có người Việt, người Hoa và người Ấn Độ. Người Hoa đứng vị trí giữa hình cho thấy vai trò trung tâm của họ trong buôn bán lúc ấy. - Ảnh tư liệu.

Dĩ nhiên, số phận của chợ Bến Thành đầu tiên được Trịnh Hoài Đức mô tả trong Gia Định thành thông chí (viết trước đó khoảng 20 năm) cũng vì thế mà bị xóa sạch vết tích sau cơn bão lửa binh đao này.

Chợ Bến Thành còn lại gì sau bao cuộc bể dâu?

Chợ Sỏi là ngôi chợ xưa nằm ở khu vực cầu Khánh Hội và cầu Mống hiện nay[8]. Tuy nằm sát chợ Bến Thành và chịu chung số phận bị tàn phá sau các cuộc binh biến nhưng chợ Sỏi vẫn hiện rõ trên bản đồ của người Pháp và đồng thời cũng được miêu tả rõ ràng trong Gia Định thất thủ vịnh:

[8] Sau này khi chỉnh trang lại thành phố Sài Gòn, ngôi chợ nổi tiếng này đã không còn.

Từ Bến Thành trải qua chợ Sỏi

Loài tanh hôi lang lệ biết bao nhiêu

Nơi Chợ Lớn sắp tới Cầu Kho

Quân mọi rợ lẫy lừng nên quá lắm.

Trong đoạn trích trên, khi chợ Sỏi được ghi rõ là "chợ" thì Bến Thành chỉ còn tên và mất… "chợ". Có lẽ không hẳn do bị giới hạn câu chữ trong bài vịnh mà tác giả đã bỏ đi từ "chợ" trước chữ Bến Thành. Trong lời giới thiệu cho Cổ Gia Định phong cảnh vịnh do Trương Vĩnh Ký viết vào cuối thế kỷ 19, ông cũng đã ghi "trống không" là "Bến Thành" trong khi các chợ đều có tên:

"Cái điệu vịnh Gia Định, không rõ là của ai làm, làm có đối đáp, song quan, cách cú, bạt tất đủ, nói về địa cảnh Sài Gòn, thuở trước Tây (Phú Lang Sa) chưa lấy, bắt nội Bến Thành, Chợ Sỏi vô tới Chợ Lớn, Chợ Gạo…"

Ngay cả trong những bài ca dao khuyết danh thời đó cũng đều ghi tương tự:

Anh ngồi quạt quán Bến Thành

Thấy em có chốn anh đành quăng om

Anh ngồi quạt quán bà Hom

Hành khách chẳng có, đá om quăng lò

Hai ngày sau khi thành Gia Định thất thủ, quân dân Việt đã quay lại chiến trường, dùng thuật hỏa công đốt cháy toàn bộ nhà cửa xung quanh thành cũng như những gì còn lại của ngôi chợ này. Một số người tập trung quanh khu chợ xưa, cạnh con kinh xưa để thiết lập lại các hoạt động buôn bán. Thời điểm này không còn "trăm thức hàng hóa chất ngất trời" như trước nữa mà chủ yếu là mặt hàng vải vóc do những thương nhân Ấn Độ cung cấp. Từ đó dần dần hình thành nên khu chợ Vải, và con kinh xưa trở thành "kinh Chợ Vải".

Chợ Sài Gòn (Le Marché de Saigon) năm 1910. Những ngày cuối cùng trước khi dời sang chợ mới. - Ảnh tư liệu.

Bưu ảnh chợ Bến Thành năm 1921 vẫn ghi "Les Halles Centrales" (Tòa nhà, khu chợ trung tâm). - Ảnh tư liệu.

Bưu ảnh thập niên 1920 ghi: "A Saigon, un jour de grand marché" (Sài Gòn, một ngày ở chợ lớn). - Ảnh tư liệu.

Mặt tiền chợ Bến Thành trước năm 1975 không hề có bảng tên chợ. - Ảnh tư liệu.

Chợ Cũ

Hơn một thế kỷ lừng lẫy trên vỉa hè

Năm 1860, dù phải bận đối phó với các đợt phản công của quan quân nhà Nguyễn, người Pháp vẫn quyết định xây dựng ngôi chợ mới ngay trên khu vực vừa kiểm soát. Điều này cho thấy người Pháp đã nhận ra vị trí quan trọng của ngôi chợ nằm giữa lòng Sài Gòn này.

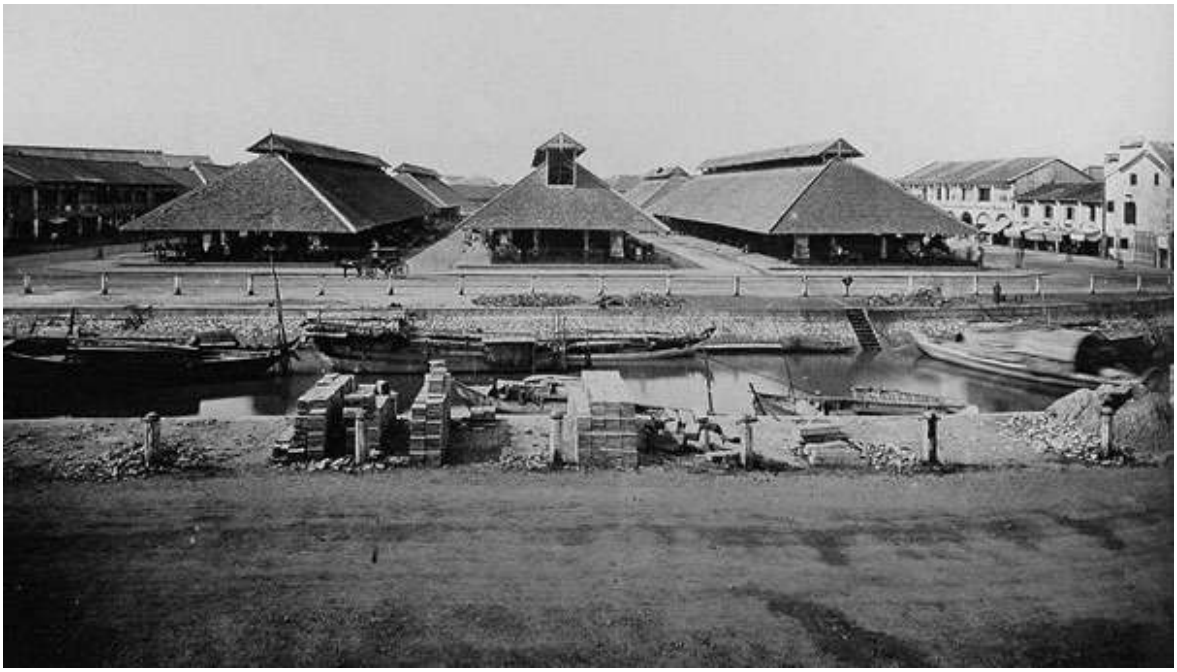

Chợ Bến Thành năm 1888 khi chưa lấp kinh, lúc này không còn nằm ở bến sông như ngôi chợ cũ mà được bố trí sâu trong kinh chợ Vải. Vị trí cụ thể hiện nay nằm trong phạm vi bốn con đường: Nguyễn Huệ, Hải Triều, Hồ Tùng Mậu và Ngô Đức Kế. - Ảnh tư liệu.

Chợ Bến Thành xưa hồi sinh mạnh mẽ

Ngôi chợ có năm gian được xây dựng rất nhanh bằng cột gỗ, mái lá và được đưa vào hoạt động ngay từ năm 1860. Đến năm 1870, một gian bị cháy và chợ được xây dựng lại bằng cột gạch, sườn gỗ và lợp ngói, riêng gian bán thịt thì được lợp tôn và lát đá granite. Ngôi chợ xây dựng lại này cũng có năm gian bày bán đồ khô, cá, thịt, thực phẩm và tạp hóa.

Chợ Bến Thành ngay lập tức hồi sinh mạnh mẽ, ghe thuyền các nơi đổ đến mua bán chật con kinh trước chợ và rạch Cầu Sấu[9] phía sau. Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca của Nguyễn Liên Phong (xuất bản năm 1909) đã dành 50 dòng thơ ca ngợi sự sầm uất của ngôi chợ này:

[9] Góc trái sau chợ (nay là Hàm Nghi), vốn là đường nước để lên xuống hàng hóa và khách đi chợ.

Bến Thành chợ rộng tứ vi

Mấy cửa hàng xén ở thì quanh năm (...)

Bánh trái biết mấy chục hàng

Bò heo thớt thịt nhảy tràn dọc ngang...

Nhiều năm hoạt động, ngôi chợ xuống cấp, cùng với đó là kinh Chợ Vải nhiều rác bốc mùi hôi thối ngay trước Tòa Thị Chính[10] đến mức cư dân xung quanh làm đơn phản đối lên Hội đồng thành phố Sài Gòn. Năm 1887, kinh Charner bị lấp hoàn toàn và trở thành đại lộ Charner, dân quen gọi là đường Kinh Lấp. Hai bên đại lộ, nhà của người Việt, Hoa, Ấn, Miên... san sát, buôn bán sầm uất. Xung quanh khu vực chợ là hàng loạt nhà hàng, khách sạn, tòa soạn báo…

[10] Nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân TP. HCM.

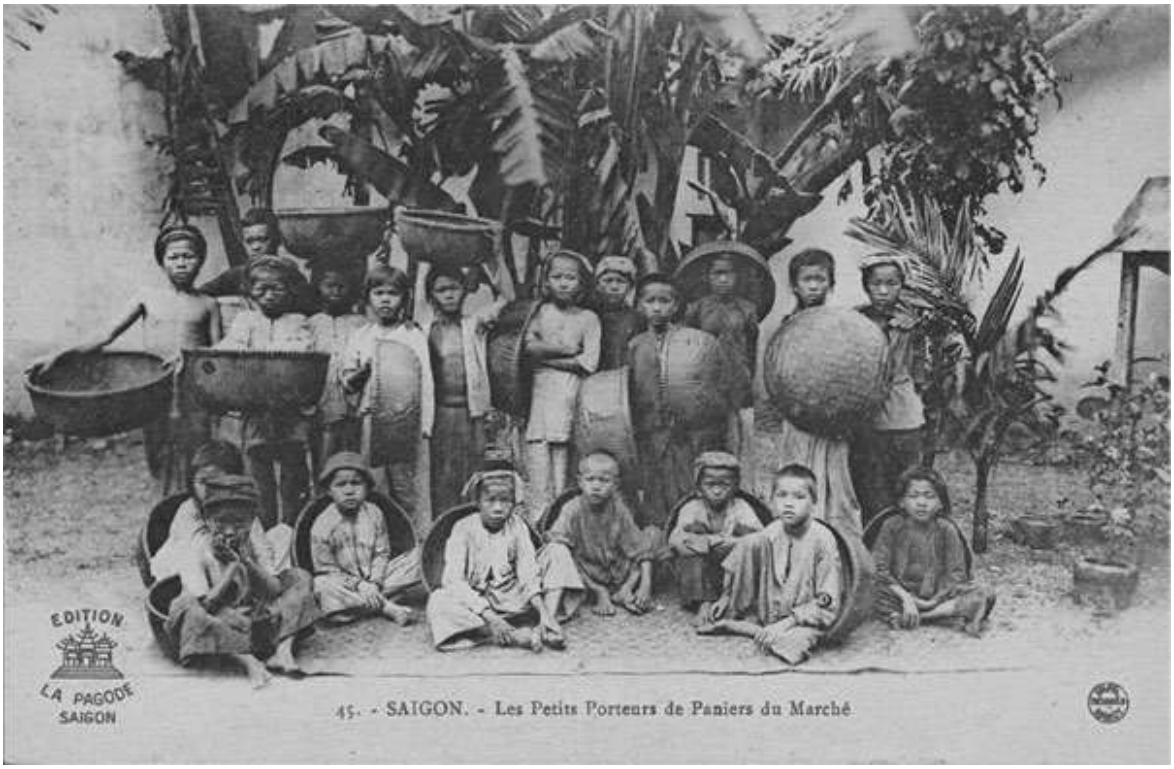

Đám con nít phụ bốc vác ở chợ Bến Thành năm 1907 hoặc phụ khách đi chợ mang hàng về (đựng trong đồ thúng). - Ảnh: Aurélien Pestel.

Hội đồng thành phố lên kế hoạch làm chợ Bến Thành mới tại vị trí khu vực đầm Bồ-rệt (marais Boresse) với kinh phí dự trù 400.000 franc, nhưng thực tế khi xây dựng là 975.000 franc. Sau khi chợ Bến Thành khai thị vào tháng 3-1914, khu vực chợ cũ bị giải tỏa để xây dựng ngân khố[11], riêng gian bán thịt lợp tôn phía sau được giữ lại. Chỉ một "mầm mống" đó thôi, chợ Cũ lại tiếp tục sống hơn một thế kỷ đến tận hôm nay.

[11] Trước 1975 là Tổng nha Ngân khố, nay là Kho bạc TP. HCM.

Chợ Cũ sầm uất với thịt quay bánh mì, cơm thố và... cà phê dĩa

Từ gian thịt được giữ lại nhưng đẩy ra phía sau, chợ Cũ hoạt động ngay vỉa hè đại lộ de la Somme (nay là Hàm Nghi) có mặt tiền rộng như ở đại lộ Charner. Vị trí mới này vừa có thể thông ra sông Sài Gòn lại vừa dễ dàng đi thẳng ra chợ Bến Thành mới cách đó vài trăm mét. Khi này, chợ Bến Thành cũ được người dân nói gọn thành chợ Cũ; còn chợ Bến Thành mới xây được gọi là chợ Mới.

Nhưng gian hàng thịt cuối cùng cũng bị giải tỏa. Tuy không có nhà lồng chợ, không có bảng tên và chỉ sống trên vỉa hè, vậy mà sức sống của chợ Cũ vẫn mãnh liệt đến mức "hùng cứ" cả hai con đường Tôn Thất Đạm và Hồ Tùng Mậu. Thậm chí phạm vi của chợ còn "mon men" ra tới Hải Triều, Pasteur... Ngoài những mặt hàng phổ thông, trong khi chợ Mới có thế mạnh về thực phẩm thì chợ Cũ còn khai thác thêm chuyện ăn uống. Vốn là khu vực sinh sống lâu đời của cư dân gốc Quảng Đông, chợ Cũ có nền ẩm thực Trung Hoa phong phú

không hề thua kém hàng quán ở Chợ Lớn. Vì thế, chợ Cũ dễ dàng trở thành địa điểm ẩm thực không thể thiếu không chỉ của dân Sài Gòn mà còn của dân Nam kỳ lục tỉnh nếu có dịp đến thành phố.

Gian hàng thịt còn sót lại khi xưa nhanh chóng "hóa thân" thành nhiều tiệm thịt quay bánh mì với da giòn, ngọt vị mật ong nhưng thịt rất mềm… lừng lẫy cho đến ngày nay. Chưa hết, còn những món cao lầu chợ Cũ, cà phê dĩa, hủ tiếu, bánh mì xíu mại... Có ai người Sài Gòn nghe nhắc đến mà không muốn lập tức ghé ăn?

Dãy tiệm thịt quay bánh mì san sát trên đường Hàm Nghi năm 1966.Tiệm Thiên Nhiên hiện nay (2022) vẫn còn. - Ảnh: Thomas W. Johnson.

Trong đó, hai món "tuyệt chiêu" nhất nhưng lại "rẻ rề" của khu chợ Cũ này là cơm thố và cà phê dĩa. Trước năm 1975, nhiều hôm Chủ nhật mấy thằng con nít chúng tôi được gia đình đưa đi Sở Thú chơi sau khi ghé chợ Cũ ăn đã đời. Ở chợ Cũ, đám nhỏ chúng tôi há hốc mồm khi thấy hàng trăm vị khách ngồi chồm hổm trên ghế. Khi ly cà phê nóng hổi bưng ra trên dĩa, mấy vị khách từ "thầy Hai" (công chức, trí thức) cho đến ông ba gác, đạp xích lô, thợ thuyền… đổ ra dĩa, thổi cho bớt nóng và... húp. Mùi cà phê nóng bay ngập, khách ngồi bên nhau chật chội có lẽ đã thành ký ức khó quên của người Sài Gòn về ngôi chợ này.

Còn cơm thố đựng trong các thố men hoa xanh nước biển, hấp trong chiếc xửng nhiều tầng bằng tre ăn với cá kho khô, canh cải bẹ nấu với cá thác lác ở mấy quán góc Tôn Thất Đạm - Hàm Nghi (hiện còn một quán trên đường Tôn Thất Đạm). Mỗi thố chừng một chén cơm nhỏ nên có ông chạy ba gác ăn một lần năm, sáu thố. Dân có tiền thì chỉ ăn một, hai thố nhưng thay vì kêu cá kho khô thì kêu gà nướng, bồ câu quay, cá hấp... Giàu nghèo gì cũng ngồi cạnh nhau ăn rất bình thường, chuyện trò với nhau rôm rả.

Hơn 200 năm có mặt trên đất Sài Gòn, chợ Bến Thành đã bao phen long đong, dời đổi, thậm chí có lúc tưởng đã không còn. Nhưng rồi ngôi chợ ấy lại hồi sinh mạnh mẽ, dù sống trên vỉa hè mà vẫn tồn tại cho đến nay. Hơn một thế kỷ... không nhà!

Con nít Sài Gòn trước quán thịt heo quay, vịt quay Thiên Nhiên trên đường Hàm Nghi năm 1966. Người đàn ông góc trái ảnh là thợ chính của tiệm Thiên Nhiên lúc đó. - Ảnh tư liệu.

Dãy tiệm thịt quay chợ Cũ nổi tiếng năm 1967 trên đường Hàm Nghi.
- Ảnh tư liệu.

Bánh mì chợ Cũ nức tiếng trước 1975. - Ảnh: Larry Burrows/LIFE

Nhịp sống mới của người Sài Gòn xưa trên đại lộ Charner

Sự ra đời của ngôi chợ Bến Thành bên bờ kinh Chợ Vải đã khiến cho những con đường phía sau chợ mà nay là Hàm Nghi, Hồ Tùng Mậu, Ngô Đức Kế, Hải Triều trở nên sầm uất với hàng loạt hàng ăn, quán nước hoạt động tấp nập từ rạng sáng đến gần khuya. Thậm chí còn có một số sòng bạc sau chợ thức thâu đêm.

Trong khi đó, đại lộ Charner (nay là Nguyễn Huệ) phía trước chợ lại được hình thành khá muộn do ban đầu là kinh Chợ Vải và đến năm 1887 mới được lấp hoàn toàn. Dù vậy, đại lộ Charner dần cho thấy vị trí đặc biệt của nó trong dòng chảy đời sống văn hóa - kinh tế - chính trị của người Sài Gòn.

Khách sạn - nhà hàng Coq d'Or (Gà trống vàng) ở ngã tư Charner - d'Ormay (nay là Mạc Thị Bưởi) bày cả bàn ghế ra ngoài vỉa hè cho khách uống cà phê. Vị trí này nay là khách sạn Palace. - Ảnh tư liệu.

"Đại lộ cà phê" đầu tiên của Sài Gòn

Nếu nói về những quán cà phê đầu tiên[12] trên đất Sài Gòn thì ắt hẳn là trên con đường Catinat[13] vì đây vốn là con đường đầu tiên được người Pháp tập trung chỉnh trang và xây dựng ngay sau khi kiểm soát hoàn toàn Sài Gòn. Đường Catinat nhanh chóng trở thành nơi tập trung các cửa tiệm vải, tiệm chụp ảnh, tòa soạn báo, công ty... sang trọng nên thu hút giới thượng lưu thời ấy tìm đến. Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca (1909) của tác giả Nguyễn Liên Phong đã mô tả:

[12] Niên giám Đông Dương đầu thế kỷ 20 ghi nhận ít nhất là có ba quán trên đường Catinat.

[13] Từ 1955-1975 đổi tên là đường Tự Do. Nay là Đồng Khởi.

Nhứt là đường Ca-ti-na

Hai bên lầu các, phố nhà phân minh (...)

Máy may mấy chỗ quá nhiều

Các tiệm tủ ghế dập dều (dìu) phô trương

Đồ sành, đồ cẩn, đồ đương (đan)

Đồ thêu, đồ chạm trữ (trổ?) thường thiếu chi (...)

Nhà in, nhà thuộc, nhà chà

Nhà hàng ăn ngủ với nhà lạc son...

Một góc chợ Bến Thành cũ nhìn ra bến Bạch Đằng ngày nay. Cạnh dãy cà phê Méridional là tòa nhà Wang-Tai (nay là trụ sở Hải quan TP. HCM). - Ảnh tư liệu.

Phạm Quỳnh cũng đã kể về đường Catinat sang trọng "bực nhứt" Sài Gòn ấy trong Một tháng ở Nam kỳ (1918): "Các cửa hàng lớn, hàng tây, hàng ta (phần nhiều người Bắc kỳ), hàng Chà (phần nhiều người Bombay bên Ấn Độ), hàng khách, chen nhau xin xít. Lại thêm có mấy nhà khách sạn lớn, nhà chớp bóng, nhà hát tây, nên chiều chiều cứ tự năm giờ trở đi kẻ đi người lại như nước chẩy. Người sang trọng, kẻ thượng lưu, tất mỗi buổi phải dạo qua đường Catinat một lượt mới là nền. Những trai thanh gái lịch đất Sài Gòn lấy đấy làm chốn cực phẩm phong lưu".

Tuy nhiên, Phạm Quỳnh cũng đã nhận ra mối quan hệ phát triển tất yếu của đại lộ Charner khi phải đáp ứng nhu cầu đang tăng mạnh của số đông trong khi đường Catinat kế bên bị hạn chế ở tầng lớp thượng lưu: "(Catinat) Đông đúc phồn thịnh đến nỗi đã phải mở một con đường chạy dọc theo, to lớn rộng rãi hơn nhiều, gọi là đường Charner (...)".

Những cây cà phê đầu tiên ở Việt Nam đã được trồng ở miền Bắc vào năm 1888 nhưng ly cà phê đầu tiên lại được rót bán tại Sài Gòn, có lẽ vì đây là mảnh đất dễ dàng dung nạp mọi nền văn hóa ẩm thực. Theo nhà văn Sơn Nam, chỉ năm năm sau khi Pháp đánh chiếm, người Pháp đã khai trương hai quán cà phê đầu tiên trên đất Sài Gòn: Café de Lyonnais trên đường Lagrandière (nay là Lý Tự Trọng) và Café de Paris trên đường Catinat.

Trong khi đó, đại lộ Charner dù được hình thành sau nhưng đã sớm trở thành con đường sầm uất nhất Sài Gòn tại thời điểm đó. Người ta đến đây không chỉ để đi chợ sáng mà còn có thể ghé uống ly cà phê, ăn bánh mì, ăn hủ tiếu, hút thuốc, đọc báo... tại vô số quán dọc hai bên đại lộ và khu vực xung quanh chợ.

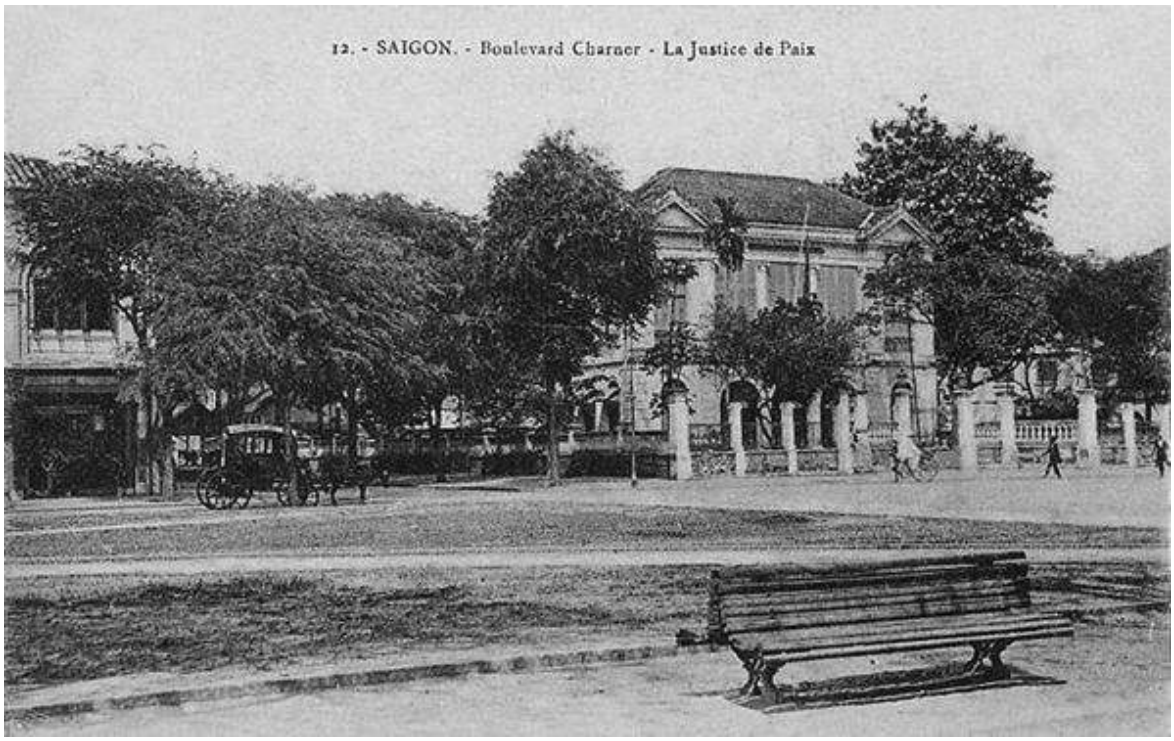

Tòa Hòa giải (Justice de Paix - hiện nay là vị trí tòa nhà Sun Wah). Xung quanh khu vực tòa nhà này rất nhiều quán cà phê, trong đó có cả quán mang tên cà phê Hòa Giải (Café de la Paix). - Ảnh tư liệu.

Năm 1910, chợ bị giải tỏa sau khi nhiều cư dân xung quanh than phiền và khiếu nại lên Hội đồng thành phố Sài Gòn về vấn nạn ô nhiễm. Niên giám Nam kỳ trước và sau khi giải tỏa chợ ghi nhận trên đại lộ Charner có nhiều quán cà phê. Điển hình là ngay bờ sông Sài Gòn, cửa ngõ vô đại lộ là Café de Marseille của ông Freund. Khách đông, sau này ông mới mở thêm quán nữa tên Cafe du Marché (Cà phê Chợ) bên hông chợ Bến Thành. Phía số lẻ gần bờ sông, qua tòa nhà Wang-Tai[14] là Café Méridional hoành tráng của bà Lachal với ba số nhà liền nhau 3-5-7 (chỉ còn cách hai căn số 9 và 11 tới chợ).

[14] Tòa nhà của ông Vương Thái, nay là trụ sở Hải quan TP. HCM.

Cà phê rõ ràng đã đáp ứng nhu cầu khách tứ xứ lẫn khách đi chợ lúc ấy nên mặt tiền Charner gần chợ lại có một quán khác cùng tên Café du Marché ở số 33, nhưng chủ là bà Truhaut; rồi hàng loạt quán cà phê nối tiếp nhau đoạn gần ngã tư Charner - d'Ormay (nay là Mạc Thị Bưởi): Café de Provence của bà Genon; Café de la Paix của bà Soudan (quán cà phê Paix gần như đối diện với tòa nhà Justice de Paix); Café de l'Orient của bà Tisseyre; xa xa một chút gần đại lộ Bonard là Café Américain của bà Nault...

Bánh mì "tấn công" hủ tiếu và xôi

Không chỉ cà phê, người Pháp đến đâu đem theo văn hóa bánh mì đến đó. Từ những tiệm bánh mì nhỏ chủ yếu cho người Pháp bên đường Catinat, nhiều tiệm bánh mì của người Pháp, người Việt, người Hoa nhanh chóng mở ra trên đại lộ Charner. Gần bờ sông cùng phía với chợ có tiệm bánh mì của ông Lương Phúc Tài; đoạn gần đại lộ Bonard có một số tiệm bánh mì của người Hoa xen lẫn với các tiệm tạp hóa, xẻng cuốc...

Thế nhưng nổi tiếng nhất là tiệm bánh mì ở cuối đường gần đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi) mà chủ lẫn thợ đều là người Pháp: Louis Roux. Nơi đây, bánh mì kiểu Pháp (baguette, bánh sừng bò bơ, bánh mì tròn mềm rưới đường, mật... mà hiện nay chúng ta vẫn ăn) được ra lò ngày hai lần: "Mỗi bữa sớm mai và chiều đều có bánh mới sốt dẻo và bánh sừng-bò chẩy beurre (bánh mặn). Ngày chủ nhật, thứ ba và thứ năm có bánh tròn mặn, bánh bò chế mật" (mẩu quảng cáo trên Nông Cổ Mín Đàm). Tờ báo này năm 1901 còn đăng một lời rao khác của tiệm này: "Phố bánh mì thiệt thợ Langsa làm (của ông Roux). Nội Saigon có một phố hàng này mà thôi ở tại đường Charner (tục danh đường Kinh Lấp) số 125. Xin anh em chớ lộn (...) Ai muốn

mua bánh để lâu đặng đi đường, hay là đi rừng đi rú thì cũng có bán" (nguyên văn quảng cáo xưa).

Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp bánh mì cho các "cơ binh" (lính Pháp), bánh mì của người Pháp đã chính thức tấn công "đất hủ tiếu" của người Hoa và gánh xôi buổi sáng của Việt ngay tại khu vực chợ Bến Thành. Cuộc tổng tấn công "phố bánh mì" của ông Roux này ngày càng mở rộng: mở thêm chi nhánh ngay đầu đường Charner; "tiến quân" sang chợ Tân Định (gần bánh mì Như Lan trên đường Hai Bà Trưng hiện nay); tràn sang "thủ phủ hủ tiếu" của người Hoa trên đường Des Marins[15]. Thậm chí, bánh mì của tiệm còn "đổ bộ" xuống lục tỉnh Nam kỳ, bước đầu là Biên Hòa, Vũng Tàu, rồi tới các tỉnh miền Tây: "Còn ở các hạt Tân-an, Bến-tre, Cái-bè, Cần-thơ, Hà-tiên, Sốc-trăng, Vĩnh-long và Sa-đéc, anh em ai muốn mua vật chi thì xin gởi thơ cho tôi, tên Roux tại Mỹtho...." (nguyên văn quảng cáo).

[15] Trần Hưng Đạo trong Chợ Lớn, đoạn từ An Bình đến Học Lạc.

Cách uống cà phê "độc nhất vô nhị" của người Sài Gòn xưa

"Tô - Ly - Điếu - Tờ" là bốn chữ có thể tóm tắt về bốn thói quen buổi sáng của nhiều người Sài Gòn từ xưa đến nay: tô hủ tiếu, ly cà phê, điếu thuốc và tờ báo."Chúng ta đã mang cà phê đến Đông Dương. Trong khi chỉ một số ít người dân Bắc kỳ (Tonkin) ngần ngại uống cà phê theo cách của chúng ta thì nhiều người Sài Gòn tiếp nhận nó vui vẻ nhưng uống theo cách của họ", đó là nhận xét của Mauvais, một du khách người Pháp sau một chuyến du hành Đông Dương vào cuối thế kỷ 19.

Như chúng ta đều biết, cách pha cà phê của người Pháp từ xưa đến nay là dùng dụng cụ lọc (phin cà phê). Còn cách pha cà phê khiến ông Mauvais "kinh ngạc" khi đến thăm ngôi chợ Bến Thành trên đại lộ Charner là "Người dân nơi đây đổ bột cà phê đã xay vô một chiếc ấm sành lớn có một vòi lớn để cầm và một vòi nhỏ để rót[16] rồi nấu lên như cách họ nấu thuốc uống. Khi rót, họ dùng một tấm vải mỏng đặt trên ly để lọc bã cà phê ra".

[16] Siêu sắc thuốc.

Một quán hủ tiếu của người Hoa trên đường Charner, trước chợ Bến Thành cũ năm 1908. - Ảnh tư liệu.

Phải chăng đây là cách uống cà phê mà sau này đã được biến thể thành cà phê vợt mà chúng ta vẫn còn thấy ở một vài quán vỉa hè Sài Gòn, Chợ Lớn hôm nay?

Cách uống có lẽ cũng khiến tác giả ngạc nhiên không kém: "Họ co một hoặc cả hai chân trên ghế và uống nhanh chứ không chậm rãi như chúng ta lẫn đồng bào[17] xứ Bắc kỳ của họ. Vừa uống, họ vừa bàn bạc hay kể công việc làm ăn, tin tức gì đó mà họ biết - xứ này quá rộng để một người biết hết mọi chuyện. Ai biết chữ[18] thì nhằm bữa có nhựt trình, thay vì đọc một mình như chúng ta thì một người đọc vừa đủ cho nhóm mình nghe chăm chú..."

[17] Nguyên văn: dong bao.

[18] Chữ Quốc ngữ.

Nhộn nhịp không khí buổi đầu của làng báo Việt

Không chỉ là nơi tập trung các hàng quán ăn uống, khu vực xung quanh đại lộ Charner còn là nơi đặt tòa soạn và tổ chức phát hành của hàng loạt tờ báo chữ Quốc ngữ lẫn tiếng Pháp. Việc này khiến cho đường Charner trở thành đầu mối thông tin quan trọng bậc nhất của báo chí Nam kỳ từ cuối thế kỷ 19.

Nhà văn Sơn Nam trong Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ nhận định: "Người Sài Gòn cũng ưa nghe tin tức, hay còn gọi là tìm lượng thông tin, bởi vậy báo chí là món ăn cần thiết. Họ đọc báo để tìm hiểu tình hình chung, đặc biệt là tin tức liên quan đến công việc làm ăn hàng ngày của mình. Thiếu lượng thông tin, hóa ra lạc hậu, thất bại trong việc làm ăn, vì tình hình luôn biến động từng giờ, từng phút. (...). Ngồi quán cà phê đọc báo, chờ bạn bè, ai không đọc báo thì lắng nghe người đã đọc tóm lược giùm".

Ngày 1-8-1901, Nông Cổ Mín Đàm[19] - tờ báo kinh tế tiếng Việt đầu tiên trên đất Sài Gòn - ra số đầu tiên và phát hành thứ Năm hằng tuần bằng chữ Quốc ngữ. Tòa soạn ban đầu đặt ở đường La Grandière (nay là Lý Tự Trọng) rất gần đại lộ Charner.

[19] Nghĩa là: uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn.

Ngày 15-11-1907, tờ Lục Tỉnh Tân Văn ra đời và cũng xuất bản vào ngày thứ Năm. Cả hai tờ có điểm chung là từng có chủ bút là nhà yêu nước Trần Chánh Chiếu nên dễ hiểu những số đầu tiên đã trở thành "tiếng nói của cuộc vận động Minh Tân, hướng theo cải cách, tự cường đang sôi động ở Bắc và Trung kỳ". Lục Tỉnh Tân Văn cổ vũ lòng yêu nước, chống Pháp và phong kiến tay sai, tư tưởng vong bản… nên đã trở thành tờ báo có uy tín nhất ở Nam kỳ lúc ấy. Nhiều cây bút miền Bắc, miền Trung đã vào Sài Gòn học nghề báo tại tờ báo này như: Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Khôi, Trần Huy Liệu, Tản Đà…

Bìa Phụ Nữ Tân Văn,
ngày 31-7-1930.
Nguồn: Thư viện Quốc gia Việt Nam.

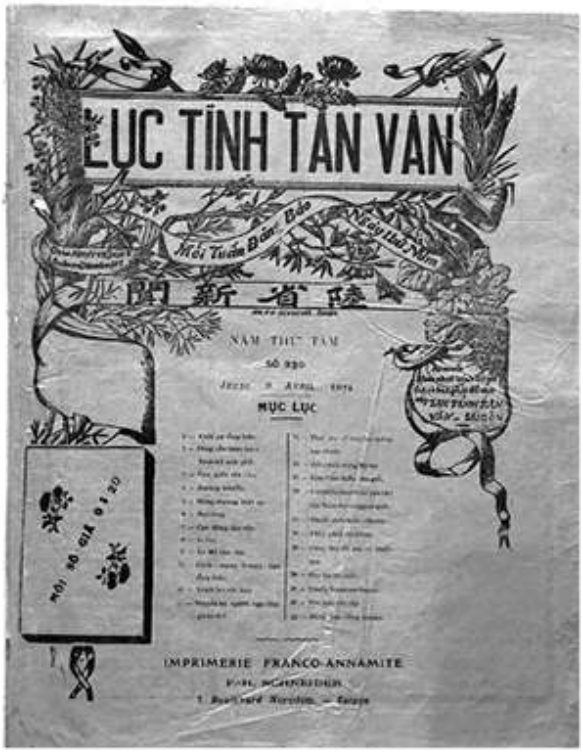

Bìa tuần báo Lục Tỉnh Tân Văn
số 320 năm 1914. - Ảnh tư liệu.

Ngoài ra, ngay đại lộ Charner cũng là nơi đặt tòa soạn hai tờ báo tiếng Pháp: Journal L'Indochine Française và Moniteur des Provinces (sau tờ này có thêm phiên bản tiếng Việt lấy tên Nhật báo tỉnh). Tờ Moniteur des Provinces được chính quyền Pháp lúc ấy cấp phép xuất bản cho ông Georges Garros, một luật sư người Pháp am hiểu và cấp tiến từng viết nhiều sách và bài nghiên cứu về Nam kỳ. Ông cũng có mối quan hệ bạn bè với nhiều người Việt yêu nước. Vì vậy, danh nghĩa là công báo nhưng rất thú vị khi Nhật báo tỉnh có đăng cả những bài viết của Gilbert Trần Chánh Chiếu kêu gọi canh tân xã hội Việt Nam thời thuộc Pháp.

Ngoài ra, những tờ báo chữ Quốc ngữ đầu tiên của lục tỉnh Nam kỳ như Gia Định báo (1865-1910), Nhật Trình Nam Kỳ (1883 - ?), Phan Yên báo (1898-1899), Thông Loại Khóa Trình (1988-1889), Phụ Nữ

Tân Văn (1926-1935)... dù có tòa soạn nằm trên những con đường lân cận cũng tìm đến phát hành tại đại lộ Charner vốn tập trung rất nhiều người Việt.

Không chỉ vậy, đại lộ Charner còn là tuyến giao thông quan trọng cho việc phát hành báo đi khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gò Vấp (tỉnh Gia Định) bằng các tuyến xe lửa bên đại lộ de la Somme và xe điện (đặt giữa đại lộ Charner), đồng thời có thể đi lục tỉnh Nam kỳ bằng tuyến đường thủy theo rạch Bến Nghé.

Rõ ràng, sau khi kinh Chợ Vải trước chợ Bến Thành bị lấp vào năm 1887, đại lộ Charner đã trở thành đầu mối thông tin lớn của Sài Gòn đi các tỉnh. Vì vậy, những tờ báo chữ Quốc ngữ này đăng khá nhiều những quảng cáo hướng đến không chỉ khách hàng cư ngụ tại vùng Sài Gòn - Chợ Lớn mà cả những khách hàng ở khắp lục tỉnh. Thậm chí, lò bánh mì lớn trên đại lộ Charner của ông Louis Roux ở số 125 đã bổ sung thêm "bánh tròn mặn, bánh bò chế mật" vào ngày thứ Năm là ngày phát hành của nhiều tờ báo Quốc ngữ.

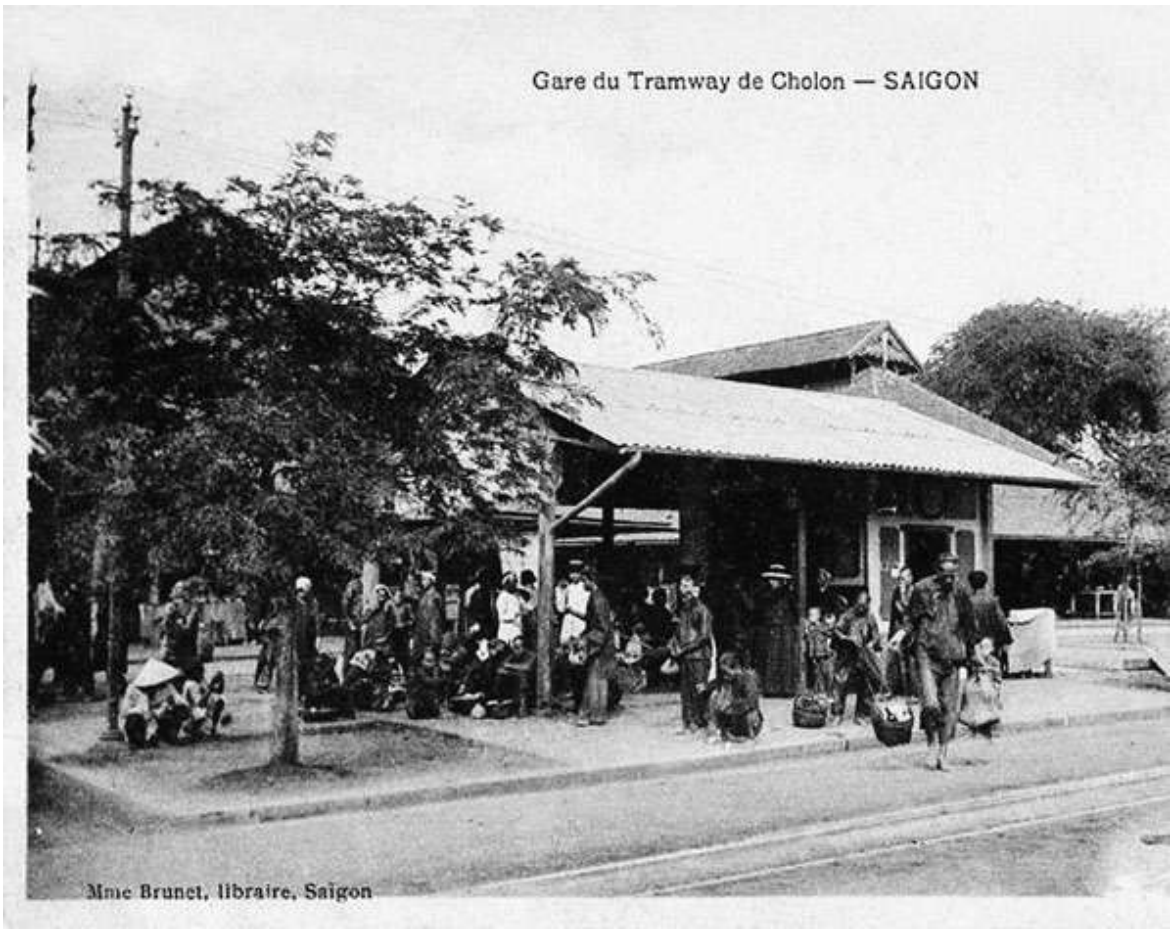

Ga xe điện Sài Gòn - Chợ Lớn ngay trước chợ Bến Thành cũ đầu thế kỷ 20. - Nguồn: Brunet.

Chiêu Nam Lầu

Nơi hội ngộ anh hào

Giữa đại lộ Charner kinh doanh sầm uất, ít ai ngờ có một ngôi nhà nổi tiếng vốn là nơi lui tới của những người yêu nước thuở ấy, đó là Chiêu Nam Lầu nằm ở số 49 đại lộ Charner. Từ năm 1899, ngôi nhà này ghi tên chủ nhân mới là Nguyễn An Khương - một chí sĩ lớn đầu thế kỷ 20 đồng thời cũng là một dịch giả, nhà báo, từng viết cho hai tờ báo Nông Cổ Mín Đàm và Lục Tỉnh Tân Văn. Cũng tại ngôi nhà này, đứa con út của ông - nhà cách mạng nổi tiếng Nguyễn An Ninh - đã ra đời.

Người Việt dựng đại nghiệp giữa đại lộ Charner

Đại lộ Charner nằm giữa hai con đường sang trọng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 là Catinat và de la Somme với hàng loạt công ty, cửa hàng thuộc thế mạnh kinh doanh của cư dân ba nền văn hóa lớn của thế giới: các tiệm vải sang trọng hầu như chủ là người Ấn Độ; quán ăn thì khó ai qua nổi người Hoa; còn khách sạn thì phần lớn là của người Pháp.

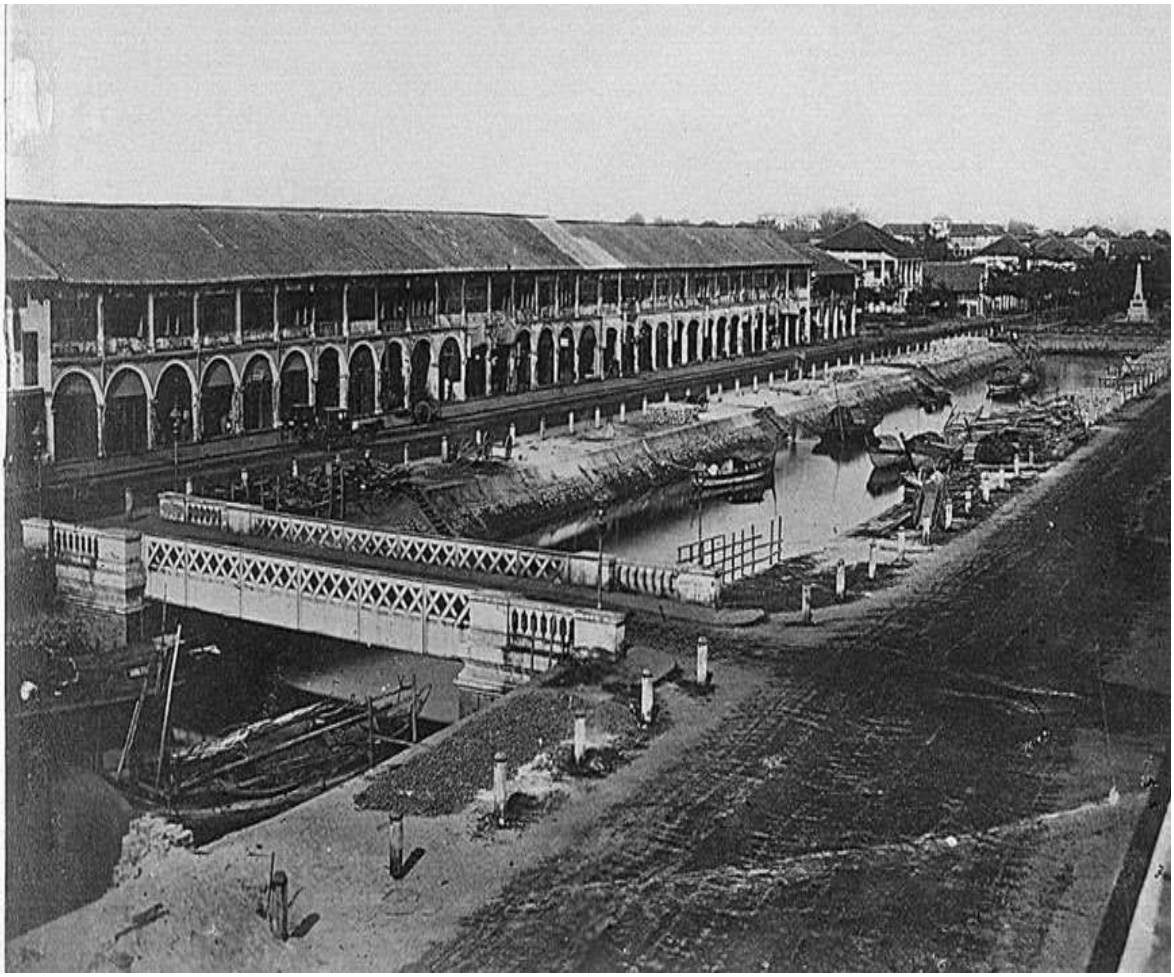

Dãy nhà bên trái khách sạn Chiêu Nam Lầu số 49.

- Ảnh: Émile Gsell.

Tuy Chiêu Nam Lầu nằm giữa khu vực đó nhưng lại kinh doanh thành công rực rỡ ở cả ba lĩnh vực: tiệm may, quán ăn và phòng trọ. Trước khi bị chính quyền Pháp đóng cửa, Chiêu Nam Lầu đã có 27 năm hoạt động (1899-1926) kinh doanh lừng lẫy giữa đại lộ sầm uất.

Về lĩnh vực nhà hàng khách sạn, vợ nhà chí sĩ Nguyễn An Khương vừa quản lý, điều hành nhân viên vừa xắn tay vô bếp nấu nướng những món ăn Nam bộ. Thuở ấy, đa số thương gia Sài Gòn - Chợ Lớn và giới điền chủ ở Nam kỳ lục tỉnh thường coi Chiêu Nam Lầu là một địa điểm "sành điệu" phải ghé qua mỗi khi có dịp đến đại lộ Charner và chợ Bến Thành.

Nơi hội ngộ của những nhà yêu nước

Bên cạnh nổi tiếng về mặt kinh doanh, có một điều đặc biệt nữa mà dân Sài Gòn lẫn Nam kỳ lúc ấy ngấm ngầm rỉ tai nhau về ngôi nhà số 49 Charner này: đây là nơi lui tới, tá túc của nhiều nhà ái quốc, nhà cách mạng lẫn những hoàng thân quốc thích chống Pháp như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh (nhà cách mạng này mất tại đây), Bùi Quang Chiêu, Trần Chánh Chiếu, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (cháu đích tôn bốn đời của vua Gia Long)...

Các nhà ái quốc Bắc và Trung kỳ đã tìm đến đây trong lời mời gọi của Chiêu Nam Lầu giữa một Sài Gòn yêu nước thương nòi, như một lời hát thời khẩn hoang: "Thương người xa xứ lạc loài tới đây...". Khi cụ Phan Bội Châu bí mật vào Sài Gòn và tá túc tại Chiêu Nam Lầu, ông chủ Nguyễn An Khương đã tổ chức cho cụ gặp gỡ những nhà điền chủ yêu

nước nổi tiếng lục tỉnh như Trần Chánh Chiếu (đại điền chủ Rạch Giá), Nguyễn Thần Hiến (điền chủ Cần Thơ)... Bộ ba Nguyễn An Khương - Trần Chánh Chiếu - Nguyễn Thần Hiến đã trở thành cơ sở kinh tài hỗ trợ nhiều du học sinh Nam kỳ trong phong trào Đông Du từ năm 1904.

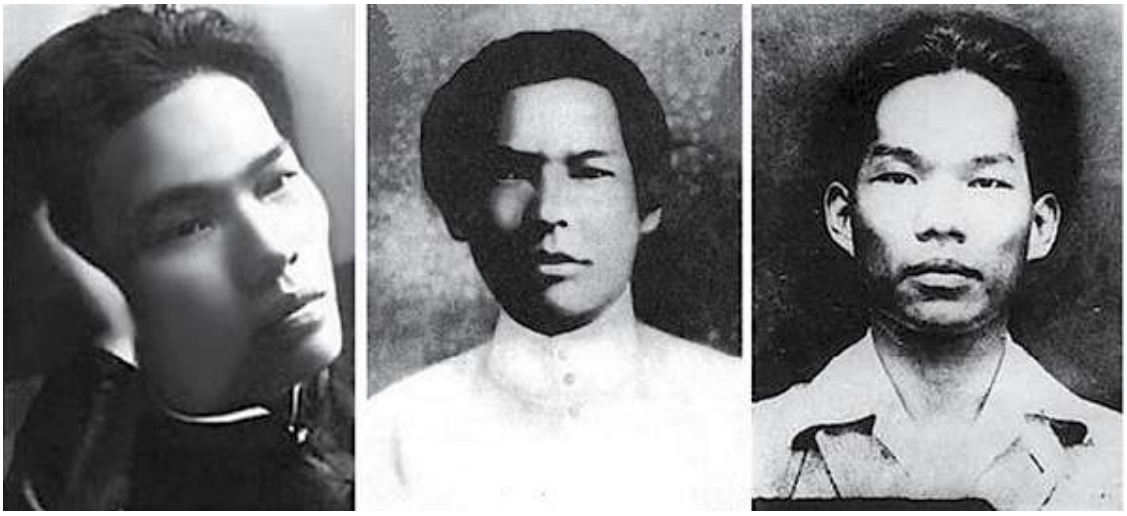

Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh (từ trái sang): sau khi du học Pháp, khi làm báo Tiếng Chuông Rè và khi bị Pháp bắt giam.

- Ảnh tư liệu của gia đình.

Nhà cách mạng Trần Chánh Chiếu đã mời ông chủ Chiêu Nam Lầu làm cộng tác (chủ bút, biên tập, viết bài) cho hai tờ báo của mình là Nông Cổ Mín Đàm và Lục Tỉnh Tân Văn với những bài báo kêu gọi ái quốc, duy tân.

Thần tượng yêu nước của giới trẻ Nam kỳ lục tỉnh

“Phải luôn giữ tiết, không vì bả vinh hoa mà đổi lòng đổi chí, phản bội quê hương và nòi giống” - đó là lời thề của người thanh niên Nguyễn An Ninh trước sự chứng giám của cha mình tại Lăng Ông Bà Chiểu năm 1918 trước khi du học Pháp.

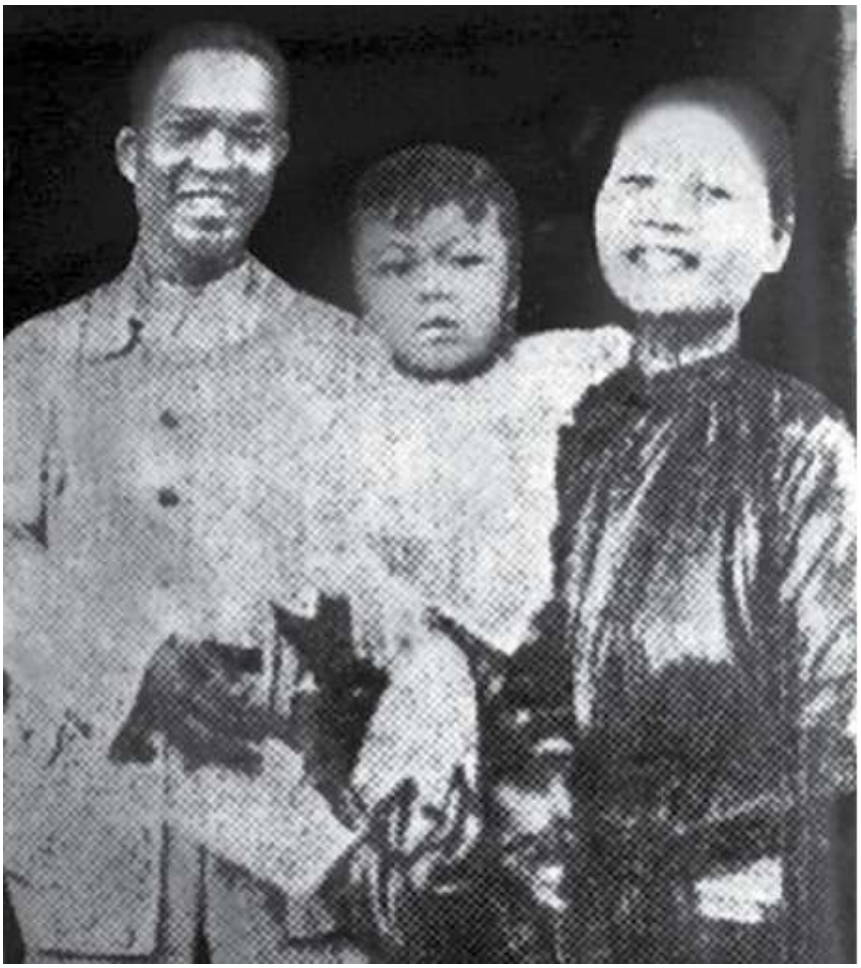

Nguyễn An Ninh và vợ, con trai Nguyễn An Tịnh trước khám lớn Sài Gòn năm 1937. - Ảnh tư liệu của gia đình.

Giữ đúng lời thề xưa với cha, Nguyễn An Ninh chỉ sau hai năm du học đã lao vào hoạt động cách mạng ngay trên đất Pháp từ năm 20 tuổi. Rồi hai năm sau, người cử nhân luật hạng xuất sắc của Đại học Sorbonne đã

trở về Sài Gòn, về lại đại lộ xưa để bỏ bộ âu phục, mặc áo bà ba, đi guốc, bỏ tóc xõa vai… và ôm từng chồng báo Tiếng Chuông Rè (mà ông làm chủ bút kiêm phóng viên, xếp chữ, rao bán) nhằm kêu gọi chống Pháp.

Giới trẻ Sài Gòn và lục tỉnh như GS. Trần Văn Giàu lúc đó coi "Nguyễn An Ninh là thần tượng của đồng bào lục tỉnh, của học sinh chúng tôi... Con người sôi nổi, đại chúng đó, hùng hồn ở diễn đàn, bén nhọn trên cột báo, không chút sợ Tây, tà, vào tù[20] như về quê..."[21].

[20] Nguyễn An Ninh đi tù năm lần và chết ở Côn Đảo năm 1943, khi ông 43 tuổi.

[21] Trần Văn Giàu, Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

Khi cụ Phan Châu Trinh trên giường bệnh tại Chiêu Nam Lầu thì nghe tin Nguyễn An Ninh bị Pháp bắt lúc 11 giờ 30 trưa ngày 24-3-1926. Ngay đêm đó, cụ đã ra đi. Đám tang nhà ái quốc vĩ đại Phan Châu Trinh là đám tang lớn nhất tại Sài Gòn cho đến nay với 100.000 người dự (chiếm một phần ba dân số Sài Gòn lúc ấy) mà báo chí Pháp nói ngày đó là ngày "Việt Nam thức tỉnh".

Kỳ Ngoại Hầu Cường Để cũng suýt bị mật vụ Pháp bắt khi đang ngủ tại Chiêu Nam Lầu[22]. Vua Thành Thái trước khi bị Pháp lưu đày sang đảo Réunion (ở Ấn Độ Dương) đã ghé Chiêu Nam Lầu may hàng chục bộ áo dài. Không chỉ hoàng thân người Việt mà cả hoàng tử Miến Điện (Myanmar) Myngoon Min trong cơn biến loạn quê hương cũng từng nương náu tại Chiêu Nam Lầu. Sau đó vì cảm phục, ông đã để lại công thức chế dầu cù là của hoàng gia Miến Điện mà sau này Nguyễn An

Ninh khi làm cách mạng đã sử dụng và bán ngay tại quê nhà là Hóc Môn, Bà Điểm. Người Hóc Môn xưa còn truyền miệng câu thơ:

[22] Trích Nguyễn An Ninh: Tôi chỉ làm cơn gió thổi - Hồi ký của Nguyễn Thị Minh (con gái Nguyễn An Ninh).

Cù là hay lắm mấy ông ơi

Dầu hiệu An Ninh thí nghiệm rồi

Quệt thử bên hông, chùm mật nhảy

Uống vô trong bụng, huyết tim sôi.

Những "thượng khách" trên đại lộ Charner

Trong khi những người yêu nước đang bàn chuyện quốc sự tại Chiêu Nam Lầu thì ở quán Café de la Paix[23] bên kia đường Charner, Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, một cộng sự đắc lực của thực dân Pháp thường tụ tập cà phê với những nhân vật giàu có, quan chức trong chính quyền Pháp ở Sài Gòn lúc đó như Paul Blanchy[24], Morin, Bonnet...

[23] Góc ngã tư Nguyễn Huệ - Mạc Thị Bưởi hiện nay.

[24] Thời Pháp được đặt tên cho đường Hai Bà Trưng hiện nay.

Sẽ là thiếu sót khi không nhắc đến Roland Garros, cái tên quen thuộc gắn liền với giải quần vợt nổi tiếng của Pháp ngày nay. Nhiều người có lẽ bất ngờ khi biết ông từng là một cư dân ở đại lộ Charner.

Nhà của cha mẹ Roland Garros ở số 117 (cạnh Tòa Hòa giải số 115 - nay là tòa nhà Sun Wah), khá gần Chiêu Nam Lầu số 49. Ông đã ở đây đến năm 12 tuổi và học tại Trường Chasseloup-Laubat (nay là Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn) trước Nguyễn An Ninh vài năm. Cha ông, ông George Garros, là một luật sư và là một nhà báo cấp tiến - bạn với nhiều người Việt yêu nước như Bùi Quang Chiêu, Lê Hoằng Mưu, Trần Chánh Chiếu... Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đức Hiệp, "rất nhiều người Sài Gòn cũ vẫn còn nhớ đã thấy Roland đùa giỡn với người chị gái trước văn phòng của ông George Garros trên đường Charner"[25].

[25] Nguyễn Đức Hiệp, Sài Gòn - Chợ Lớn -- Ký ức đô thị và con người, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ TP. HCM, 2016, trang 125.

Roland Garros. - Ảnh tư liệu.

Roland Garros cũng là phi công đầu tiên vượt Đại Tây Dương. Ông tử trận trong trận không chiến với máy bay Đức năm 1918 trong Thế chiến thứ nhất và được người Pháp tôn vinh là anh hùng. Thời Pháp, tên Roland Garros được đặt cho một con đường sau chợ Bến Thành mà nay là Thủ Khoa Huân.

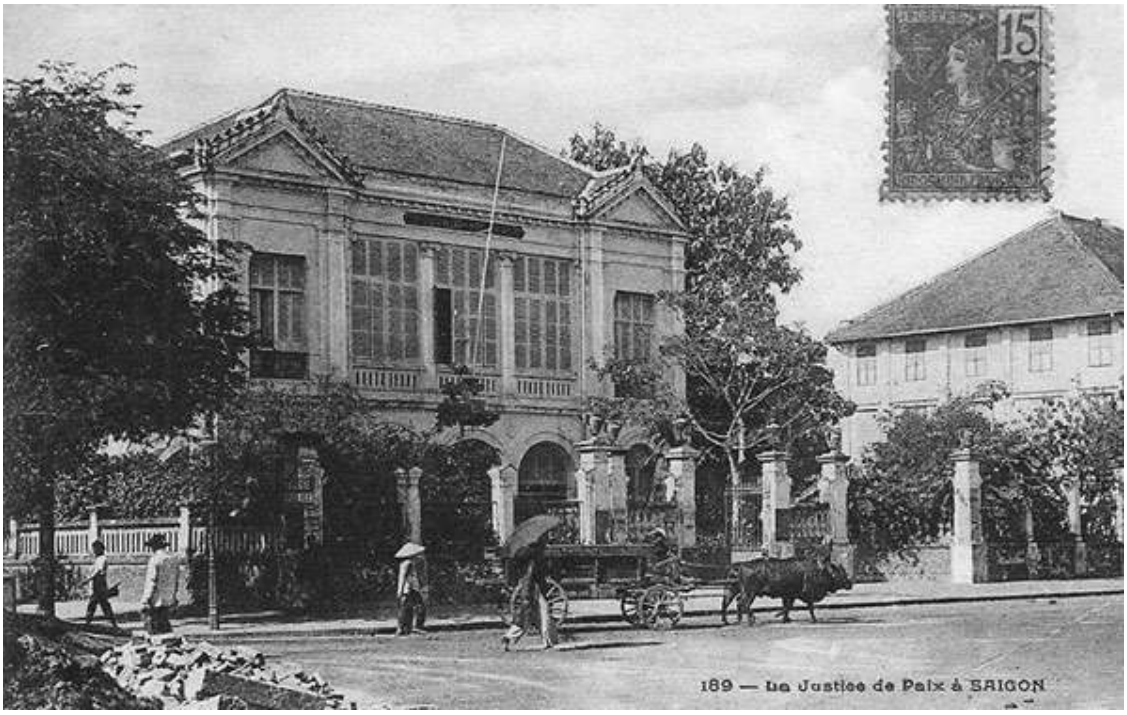

Tòa Hòa giải (Justice de Paix) số 115 đại lộ Charner. Nhà Roland Garros ở số 117 cạnh bên. - Ảnh tư liệu.

Bức tượng có số phận "long đong" nhất Sài Gòn

Ít ai biết rằng, ngay tại vị trí chợ Bến Thành cũ trên đường Charner từng là nơi "cư ngụ" của một vị "khách" đặc biệt, dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi. Đó là… tượng đài của Léon Gambetta - chính trị gia thuộc phái diều hâu khét tiếng của Pháp cuối thế kỷ 19.

Léon Gambetta (1838-1882) là thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Cộng hòa Pháp trong hai năm 1881-1882, đây cũng là khoảng thời gian Pháp đã xâm chiếm xong toàn bộ Nam kỳ lục tỉnh và chuẩn bị cho việc thôn tính hoàn toàn miền Bắc. Gambetta thuộc phái các nhà chính trị Pháp lúc ấy ủng hộ việc xâm chiếm mở rộng thuộc địa Pháp. Có lẽ vì vậy mà ngay sau khi Gambetta mất, một khu tượng đài đã được dựng lên ngay giữa trung tâm Sài Gòn - thủ phủ Nam kỳ, vốn là nơi quân Pháp tấn công và chiếm đóng đầu tiên.

Thông tin về bức tượng này không nhiều, trong sách Sài Gòn năm xưa, cụ Vương Hồng Sển cho biết rằng: "Còn lão Gambetta có cả đến hai pho tượng. Cái thứ nhất, do đô thành đặt cho thợ Falguière làm bên Pháp đem qua đây, bởi không lựa ngày ăn lạc thành, nên khiến trước dựng giữa đường Norodom-Pellerin[26], sau dời về Chợ Cũ, chỗ Tổng Ngân khố hiện nay, rốt đem về vườn Tao Đàn"[27].

[26] Nay là ngã tư Lê Duẩn và Pasteur.

[27] Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 69.

Bưu ảnh ghi rõ khu vực đặt tượng này là quảng trường (place). Phải chăng đây là tên gọi đầu tiên của công viên trước mặt Hội trường Thống Nhất hiện nay? - Nguồn: delcampe.net

Vị trí đặt tượng đầu tiên: ngã tư Norodom - Pellerin

12. - SAIGON. - Statue de Gambetta

Chính diện khu tượng đài Gambetta tại ngã tư Norodom - Pellerin đầu thế kỷ 20. - Ảnh tư liệu.

Quảng trường gồm ba khối tượng: Gambetta ở vị trí cao nhất; vai phải hướng về dinh Norodom[28]; bàn tay phải đặt trên nòng đại bác theo đúng chính sách ngoại giao pháo hạm của Pháp lúc ấy; tay trái chỉ về hướng Thảo Cầm Viên ngày nay; mặt tượng đài Gambetta nhìn về phía đường Hàn Thuyên; lưng quay về đường Alexandre de Rhodes ngày nay. Hai khối tượng còn lại tạc hai người lính Pháp trong các cuộc xâm chiếm thuộc địa.

[28] Dinh Toàn quyền Đông Dương, sau đổi tên là Dinh Độc Lập. Nay là Hội trường Thống Nhất.

Vị trí thứ hai: trên nền chợ Bến Thành cũ

Bưu thiếp ghi là Quảng trường Chợ Cũ - Tượng đài Gambetta. Phía sau là dãy nhà trên đường Hồ Tùng Mậu, bên phải là dãy nhà trên đường Ngô Đức Kế ngày nay. Khu vực này ngày nay là tòa nhà Bitexco. - Ảnh tư liệu.

Sau khi chợ Bến Thành mới khởi công năm 1912, chợ Bến Thành cũ trên đại lộ Charner bị giải tỏa. Toàn bộ khu đất chợ cũ được cải tạo thành quảng trường, đặt tên là Quảng trường Gambetta. Tất nhiên nhóm tượng đài Gambetta từ ngã tư Norodom - Pellerin phải dời về đây để tạo không gian thông thoáng cho xe cộ đi lại, nhất là thời gian này xe hơi đã xuất hiện đông đúc hơn trên đường phố Sài Gòn.

Nhóm tượng đài được đặt ở giữa quảng trường Gambetta: mặt chính nhìn ra đại lộ Charner; lưng hướng về đường Georges Guynemer (nay là Hồ Tùng Mậu); tay trái chỉ về phía đường Vannier (nay là Ngô Đức Kế); vai phải hướng về đường Phủ Kiệt (nay là Hải Triều).

Vị trí cuối cùng: Vườn Bờ-rô (hay vườn Ông Thượng)

Làm "cư dân" tại đại lộ Charner không được bao lâu, cả khối tượng đài này lại phải "lục tục" dời sang nơi ở mới để nhường chỗ cho tòa nhà kho bạc (tresor). Vị trí cuối cùng này là vườn Bờ-rô, tức công viên văn hóa Tao Đàn hiện nay.

Theo bản đồ Sài Gòn 1947, tượng được đặt tại điểm giao của đường Trương Định (đoạn qua công viên Tao Đàn ngày nay) và một đường nội bộ cắt ngang (đoạn nối dài của đường Bùi Thị Xuân ngày nay về hướng công viên).

Cám cảnh số phận "long đong" của tượng đài này, người Sài Gòn xưa có câu ca dao:

Trên Thượng thơ bán giấy[29]

[29] Tờ ly hôn.

Dưới Thủ Ngữ treo cờ

Kìa Ba[30] còn đứng chơ vơ

[30] Tượng đài Gambetta.

Nào khi núp bụi, núp bờ

Mủ di đánh dạo bây giờ bỏ em.

SAIGON — *Jardin de la Ville. Statue de Gambetta*

Vị trí cuối cùng của tượng đài Gambetta: cuối vườn Ông Thượng/vườn Bờ-Rô. - Ảnh tư liệu.

Trong quyển Sài Gòn năm xưa, cụ Vương Hồng Sển có đoạn miêu tả kết cục bi hài của bức tượng "đáng thương" này: "Kịp năm Nhựt đến, chánh phủ Pháp muốn thâu dụng số đồng dùng vào chiến tranh, sai thợ nấu lão Gambetta, thì hỡi ôi! Thân lão là ersatz, đồ đồng giả, không dùng được…"[31].

[31] Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 69.

“Trả lại em yêu khung trời đại học”

Trái ngược với không khí phố thị sầm uất của đường Charner, tản bộ theo đường Catinat về phía nhà thờ Đức Bà, chúng ta sẽ được chứng kiến một nhịp sống bình lặng và ít hối hả hơn với một không gian xanh mát và thơ mộng. Đây chính là “khung trời đại học” nổi tiếng trong thi ca trước năm 1975.

Hai ngôi trường trái ngược nằm cạnh nhau

Một buổi sáng cuối tuần, chúng tôi ngồi ở khu vực “cà phê bệt” góc ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Pasteur của sinh viên Đại học Kiến trúc và Đại học Kinh tế và cảm nhận được phần nào không khí ngày xưa với những hàng cổ thụ cao vút.

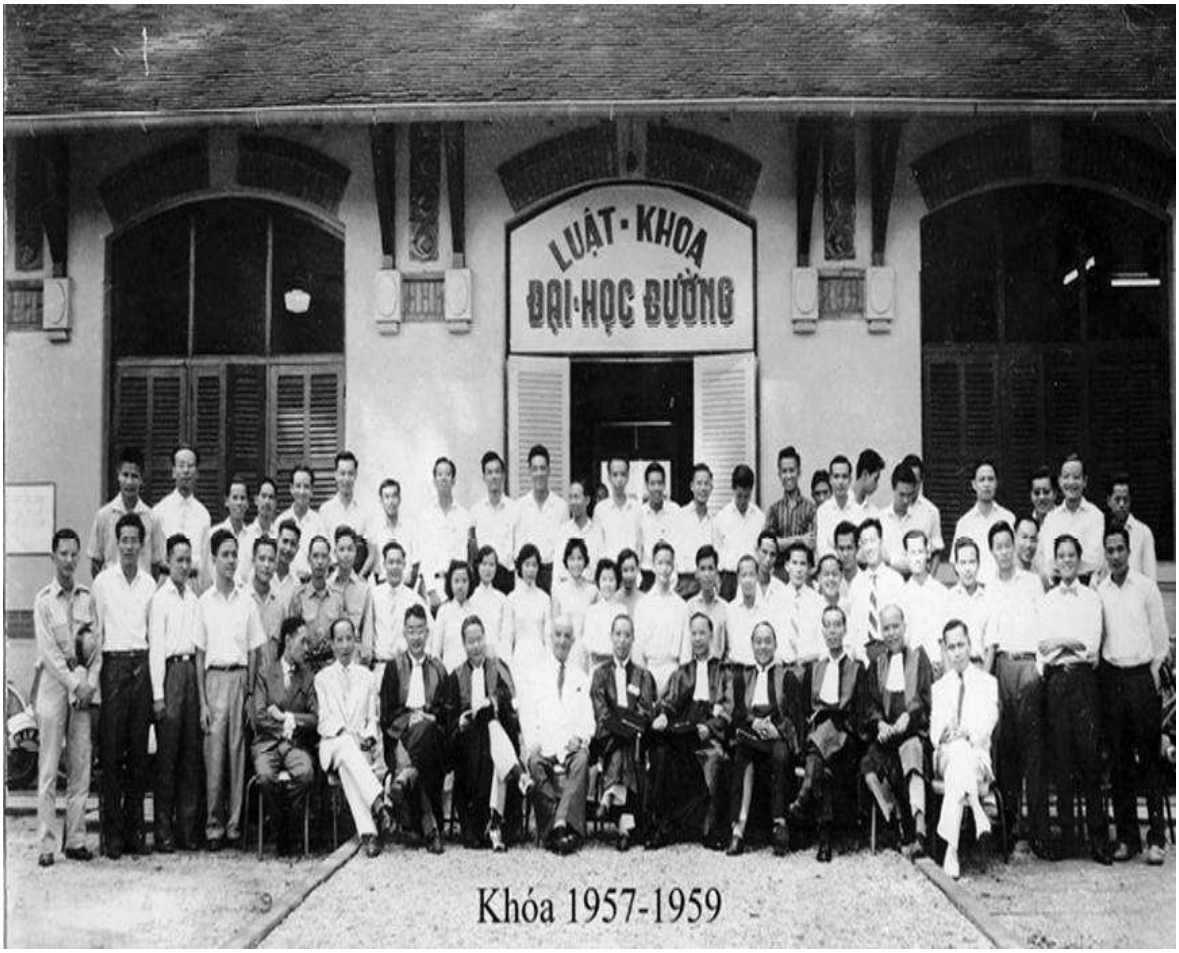

Sinh viên Đại học Luật khoa Sài Gòn khóa 1957-1959 cùng các giáo sư Luật. - Nguồn: Ái Hữu Luật Khoa.

Nguyễn Xuân Hoàng - chàng cựu sinh viên Luật khoa - khóa 1973-1974 nhớ lại: "Hồi đó học sinh ghi danh học luật đông lắm, trường lớp không đủ chỗ ngồi. Ghi danh học luật mấy chục ngàn đứa thì trường lớp lúc đó nhỏ xíu làm sao đủ chỗ ngồi được. Hồi đó học đại học không điểm danh nên sinh viên tản ra xung quanh "ôm cua"[32] là chuyện bình thường. Quanh trường toàn thấy sinh viên đứng ngồi, đi lại...".

[32] Cours nghĩa là khóa học, lớp học, giáo trình học; tạo nên từ "cúp cua" mà giờ học trò vẫn xài.

Trường Luật trước 1975 có tên chính thức là Luật khoa Đại học đường Sài Gòn, cổng trường ở số 17 Duy Tân[33]. Chiều dài trường nằm dọc theo nửa đoạn đường từ ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Phạm Ngọc Thạch đến Nguyễn Đình Chiểu - Pasteur hiện nay. Trường nhận hàng vạn sinh viên ghi danh học mỗi khóa mới. Theo giáo sư Nguyễn Văn Canh - Tiến sĩ Công pháp, nguyên Phụ tá Khoa trưởng từ 1973-1975, năm 1970 số sinh viên ghi danh học năm thứ nhất ban cử nhân là 13.000 sinh viên; bốn năm sau (1974) số sinh viên tốt nghiệp chỉ 715 (khoảng 5,5%). Nghĩa là rớt đến 94,5% và đây là tỉ lệ phổ biến suốt nhiều năm. Trong số sinh viên rớt có cô tiểu thư "Bắc 54" trong mộng của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên:

[33] Nay là số 17 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. HCM - cổng sau của trường Đại học Kinh tế.

Nghe nói em vừa thi rớt Luật

Môi trâm anh tàn héo nụ xa vời

Mắt công nương thầm khép mộng chân trời

Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng!...

(Duyên tình con gái Bắc)

Tỉ lệ rớt này xem ra không làm sờn lòng sĩ tử vì đến niên khóa 1974-1975 (niên khóa cuối cùng của trường) thì số sinh viên ghi danh học lên đến... 58.000 người. Trong khi đó, số sinh viên ghi danh học Kiến trúc chỉ năm, bảy trăm mỗi khóa, cụ thể như năm 1969 chỉ có 689 người. Tỉ lệ tốt nghiệp của trường này còn "đáng sợ" hơn. Giáo sư Nguyễn Quang Nhạc, Khoa trưởng Kiến trúc từ 1967-1970 (cha đẻ lễ hội "rửa tội" truyền thống của "dân Kiến" lâu nay) cho biết suốt 24 năm, từ 1951-1975 chỉ có 252 kiến trúc sư tốt nghiệp nơi đây.

Giáo sư, KTS Nguyễn Quang Nhạc (Khoa trưởng giai đoạn 1967-1970) trò chuyện cùng các sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Sài Gòn trước 1975. - Ảnh: uah.edu.vn

Không chỉ giảng dạy, giáo sư Nguyễn Quang Nhạc còn là một trong ba vị kiến trúc sư của Văn phòng Kiến trúc sư tư vụ Nguyễn Văn Hoa - Phạm Văn Thâng - Nguyễn Quang Nhạc nổi tiếng bậc nhất Sài Gòn -

Gia Định trước 1975. Văn phòng kiến trúc này nằm ở số 12 Duy Tân. Từ văn phòng này, hàng loạt tòa nhà, ngôi nhà, biệt thư tư nhân… có thiết kế lam đứng, lam ngang đặc trưng kiến trúc Sài Gòn trước 1975 đã ra đời[34].

[34] Một số công trình tiêu biểu như: Khách sạn Caravelle (cao ốc đầu tiên cao hơn 10 tầng tại Sài Gòn, và cũng là cao ốc đầu tiên có hệ thống trung ương điều hòa không khí), trụ sở ngân hàng Việt Nam Thương Tín, các nhà máy Cogido và Vinatexco, cao ốc 22-24 đường Gia Long (nay là đường Lý Tự Trọng), Phi cảng Liên Khàng - Đà Lạt, Phi cảng hành khách Tân Sơn Nhứt, Viện Đại học Cần Thơ… Nhà chính của kiến trúc sư Nguyễn Văn Hoa trước 1975 ở số 18 Phùng Khắc Khoan (hiện là trụ sở một tổng lãnh sự).

Văn phòng ấy nay là số 12 Phạm Ngọc Thạch, tòa soạn báo Khăn Quàng Đỏ - Mực Tím mà tôi làm việc tám năm (1985-1993). Khi tôi làm việc ở đây, khối nhà và khuôn viên tòa soạn vẫn còn như trước 1975 (hiện đã xây mới), nằm mát rượi, bình yên dưới những tàng cây sao dầu. Mùa hè, hoa sao bay rợp trời, lãng mạn cả một khung trời đại học đẹp như tranh và tới giờ những cánh hoa ấy vẫn còn bay trong thơ, nhạc: “Cánh hoa dầu xoay tít bay bay…” (Cánh hoa dầu - Nhạc sĩ Giáp Văn Thạch).

Khung trời đại học đầu tiên của Sài Gòn

Cả hai trường Luật khoa và Kiến trúc đều có lưng kề với trụ sở Viện Đại học Sài Gòn[35]. Trước 1975, Viện Đại học Sài Gòn gồm các trường đại học là phân khoa thành viên. Khoa trưởng của các phân khoa tương đương với hiệu trưởng trường đại học hiện nay.

[35] Nay là trụ sở Văn phòng đại diện Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Gần đó còn có trường Đại học Y khoa Sài Gòn[36] ở số 28 Trần Quý Cáp[37]. Chuyện sinh viên trường Luật khoa, Kiến trúc, Y khoa qua lại giao lưu tình cảm, hẹn hò nhau khá phổ biến trên những cung đường này. Cũng trên đường Trần Quý Cáp còn có một khu ký túc xá dành cho nữ sinh viên là Đại học xá Trần Quý Cáp (nam sinh viên thì ở Đại học xá Minh Mạng, nay là ký túc xá Ngô Gia Tự).

[36] Nay là Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh.

[37] Nay là Võ Văn Tần.

Đại học Văn khoa ngày đầu trên đường Nguyễn Trung Trực. - Ảnh tư liệu Đại học Văn khoa.

Con đường Duy Tân cây dài bóng mát,

Buổi chiều khuôn viên, mây trời xanh ngắt

(Trả lại em yêu - Phạm Duy)

Khu vực này chính là khung trời đại học đầu tiên nổi tiếng của Sài Gòn trước 1975 với trục lộ chính là đường Duy Tân. Cho đến nay, khung trời này vẫn rợp bóng những vòm cây xanh mát, không chỉ trên đường Duy Tân mà cả những con đường lân cận xung quanh các ngôi trường như đường Pasteur, Phan Đình Phùng[38], Trần Quý Cáp…

[38] Nay là Nguyễn Đình Chiểu.

Khi xưa, những vòm cây này có tán lá rất dày (có thể vì ít tỉa cành như hiện nay). Hồi đầu thập niên 1970, ngày Chủ nhật, ba tôi hay gọi taxi từ nhà ở vùng Ông Tạ chở các con lên Sở Thú (Thảo Cầm viên) chơi. Tôi nhớ mãi những vòm cây đường Trần Quý Cáp để ra hồ Con Rùa, như đi trong một đường hầm rợp cây lá. Khi ra khỏi những hàng cây cổ thụ là tới hồ Con Rùa lãng mạn với tàng cây soi bóng nước. Qua khỏi hồ Con Rùa đi về phía nhà thờ Đức Bà sẽ gặp trụ sở Tổng hội Sinh viên Sài Gòn[39] thì vẫn được che mát bởi hai hàng cây cao vút. Nhà thờ Đức Bà nằm cạnh công viên Thống Nhứt (nay là công viên 30-4) như một khu rừng với mật độ dày đặc của những hàng cây xanh làm say mê bao thế hệ học trò, sinh viên.

[39] Số 4 Duy Tân, nay là Nhà Văn hóa Thanh niên TP. HCM.

Ông Hoàng nhớ lại: “Trường Luật chật hẹp mà sinh viên lại quá đông, chúng tôi thường la cà trong những quán cóc. Nhiều nhất là xung quanh công trường Quốc tế, thường gọi là hồ Con Rùa, bên ngoài trụ sở Tổng hội Sinh viên hay góc Thư viện Quốc gia[40] trên đường Gia Long”[41].

[40] Nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. HCM.

[41] Nay là Lý Tự Trọng.

Không chỉ vậy, nhiều anh sinh viên Luật, Kiến trúc còn la cà sang trường Đại học Văn khoa Sài Gòn ở tận đường Gia Long. Không ít duyên tình đại học đã góp phần mở rộng thêm khung trời đại học Sài Gòn lúc ấy. Khi Đại học Văn khoa chuyển về đại lộ Cường Để[42] từ sau năm 1966, ngôi trường Văn khoa xưa bị phá đi để xây Thư viện Quốc gia thì đây vẫn tiếp tục là địa chỉ mà nhiều sinh viên tìm đến như một nơi học tập, kiếm tìm tư liệu và... tâm sự.

[42] Nay là Đinh Tiên Hoàng.

Khung trời hoa mộng trong “Con đường tình ta đi”

Một sáng mùa hè, trời Sài Gòn đầy mây. Tôi đứng giữa trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và khoa Dược (thuộc Đại học Y Dược) mà nghĩ về nơi từng là trường Văn khoa và trường Dược khoa trước năm 1975. Bỗng một chiếc dù xanh viền tím từ cổng trường Nhân văn sang bên kia đường trong khung cảnh mưa bay lất phất khiến trong đầu tôi chợt vang lên những ca từ quen thuộc “Con đường trời mưa êm, chiếc dù che màu tím” trong bài hát Con đường tình ta đi. Có lẽ nhạc sĩ Phạm Duy đã cảm xúc về một “người tình Văn khoa” nào đó cũng trong một khung cảnh thơ mộng như thế này.

Cổng trường Đại học Văn khoa (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn) trên đường Cường Để (nay thuộc đoạn Đinh Tiên Hoàng). - Ảnh tư liệu Đại học Văn khoa.

Cuộc chia ly "chấn động" khung trời đại học

Đầu tháng 11-1963, lực lượng đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm tấn công Lữ đoàn Phòng vệ Phủ tổng thống đóng ở thành Cộng Hòa trên đại lộ Thống Nhứt (nay là Lê Duẩn). Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, thành Cộng Hòa cũng chịu chung số phận. Tòa nhà được người Pháp xây dựng từ năm 1873 ở vị trí chính giữa thành Gia Định xưa đã bị chính quyền Sài Gòn giải tỏa toàn bộ và con đường chính vào cổng thành trở thành đường Cường Để nối dài[43].

[43] Đoạn đường ngắn này sau 1975 là một phần của đường Tôn Đức Thắng kéo dài đến xưởng Ba Son, sau đó cắt về trở thành một phần của Đinh Tiên Hoàng như hiện nay.

Thế là, nhờ sự kiện này mà một khung trời đại học mới đã được thành hình ngay trên khu vực của thành Cộng Hòa cũ. Năm 1964, trường Dược khoa chuyển về khu vực tòa nhà bên trái cổng thành, trong khi khu vực tòa nhà bên phải cổng thành giao cho trường Văn khoa vào năm 1967.

Trường Văn khoa trước đó vốn nằm tại vị trí mà sau này là Thư viện Quốc gia[44] trên đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng)[45]. Cuộc chia ly này ít nhiều làm rơi nước mắt những anh chàng, cô nàng sinh viên các trường trót quen nhau ở "khung trời đại học" cũ với trục đường

chính là Duy Tân. Có chàng Văn khoa còn than thở với nàng sinh viên Luật của mình: "Đời sao ngang trái, trớ trêu, Ta đây nàng đấy dựng lều hai nơi" (!).

[44] Nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. HCM

[45] Khuôn viên này chính là nơi quán Văn được dựng lên để tổ chức các buổi văn nghệ hằng tuần cho sinh viên. Tại đây, ca sĩ Khánh Ly lần đầu tiên hát "ca khúc da vàng" của Trịnh Công Sơn với đệm đàn của chính nhạc sĩ.

Trường Dược khoa, sau khi bị tách ra từ trường Y Dược Sài Gòn vào năm 1961, cũng đã có một thời gian tọa lạc tại góc ngã tư Công Lý[46] - Hiền Vương[47] trước khi dời về tòa nhà đối diện trường Văn khoa. Ngoài ra, "khung trời đại học" này còn một trường nữa là trường Cao đẳng Nông Lâm Súc nằm cạnh trường Dược khoa và đối diện đài truyền hình. Năm 1972, trường này đổi thành Học viện Nông nghiệp. Năm 1974, nâng cấp thành trường Đại học Nông nghiệp Sài Gòn. Sau 1975, đổi tên thành Đại học Nông lâm TP. HCM và dời về làng đại học Thủ Đức. Còn vị trí cũ sau đó trở thành trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II.

[46] Nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

[47] Nay là Võ Thị Sáu.

Cũng cần nói thêm, sau khi tách khỏi Đại học Y Dược, thầy trò trường Y khoa vẫn tiếp tục ở lại cơ sở 28 Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần) cho đến năm 1966. Sau khi Trung tâm Giáo dục Y khoa[48] xây dựng xong trên đường Hồng Bàng, các thầy trò mới dời sang địa điểm mới này.

[48] Do hai nhóm kiến trúc sư Mỹ-Việt thiết kế, trong đó có kiến trúc sư Ngô Viết Thụ (người thiết kế Dinh Độc Lập).

Trịnh Công Sơn đàn cho Khánh Ly hát tại quán Văn năm 1967.

- Ảnh tư liệu.

"Con đường thảnh thơi nằm nghe chuyện tình quanh năm"

Các chàng trai, cô gái sinh viên Văn khoa, Dược khoa, Nông Lâm Súc đã nhanh chóng thổi sức sống mới vào khung trời đại học này của mình. Đường Cường Để với hai hàng cổ thụ lâu đời nhất Sài Gòn khiến cho "khung trời" mới này cũng thơ mộng không kém con đường Duy Tân.

Số lượng sinh viên ở địa điểm mới này cũng khá ấn tượng. Niên khóa 1969-1970, tổng cộng sinh viên ba trường Văn khoa, Dược khoa và Nông Lâm Súc gần 20.000, trong đó riêng Văn khoa là 16.372 (trong khi đó hai trường Luật khoa và Kiến trúc chỉ hơn 14.000).

Qua khỏi cổng trường là những dãy nhà trệt và tòa nhà ba tầng chính giữa, mỗi tầng một giảng đường. Bên phải tòa nhà là Hội quán Văn khoa với món uống chủ lực cũng "hiền" như sinh viên Văn khoa là… đá chanh đã đi vào thi ca: "Uống ly chanh đường, uống môi em ngọt" (Trả lại em yêu - Phạm Duy). Hội quán cũng là nơi diễn ra chương trình văn nghệ sinh viên.

Cách khung trời đại học này không xa là Sở Thú và đường Nguyễn Bỉnh Khiêm tràn ngập bóng cây, nơi có ngôi trường Trưng Vương thơ mộng của những thầy trò ngày đầu tiên từ Hà Nội chuyển đến sau 1954:

Con đường mộng hoa xưa, vẫn từng đôi từng lứa

Con đường vào mộng mơ, con đường mặn mà

Hỡi người tình Văn khoa, bóng người trên hè phố

Lá đổ để đưa đường - Hỡi người tình Trưng Vương

(Con đường tình ta đi - Phạm Duy)

Dân Văn khoa có lẽ chẳng ai mà không mê thơ nhạc. Như ca sĩ Hoàng Oanh nổi tiếng luôn có chàng đưa đón trước và sau giờ học. Như chàng cựu sinh viên Nguyễn Cang đến giờ vẫn nhớ hình bóng cũ những cô nàng Văn khoa niên khóa 1973 -1974 của mình như vậy.

Chiều phai nắng bước ngang Văn khoa

Mấy bóng hồng như những nụ hoa

Có ai người Sài Gòn không biết, không nhớ những "khung trời đại học" và "con đường mộng hoa" nơi đây?

Một buổi sáng ghé qua nơi này, tôi vẫn cảm nhận rất rõ một "khung trời đại học" rộn rã yêu thương, như tiếng cười rúc rích của những nàng sinh viên Dược trên sân bóng rổ trong tiết thể dục thể thao, khi mưa buổi sáng lất phất trên những hàng cây cổ thụ Sài Gòn.

Hồ Con Rùa nhưng không có… rùa

Trên con đường Duy Tân "cây dài bóng mát" nổi tiếng trong thi ca miền Nam trước 1975, có một cảnh quan mà nếu thiếu vắng nó, có lẽ khung trời đại học này sẽ bớt đi vẻ lãng mạn nhiều lắm, đó là bùng binh hồ Con Rùa.

Tháp nước nhìn từ đường Blancubé đầu thế kỷ 20. Bên trong tháp là đường xoắn ốc lên trên. Thời Pháp thuộc, đoạn từ hồ Con Rùa ngày nay đến nhà thờ Đức Bà mang tên đường Blancubé. - Ảnh tư liệu.

Từ tháp nước tuyệt đẹp bị phá bỏ đến tượng Ba Hình

"Trước 1956, cái hồ này nhỏ xíu; giữa có tượng ba lính Pháp bằng đồng, dân Sài Gòn xưa gọi là tượng Ba Hình. Cái bùng binh (round point) xung quanh hồ xưa gọi là công trường Maréchal Joffre" - ông cụ Trần Văn D., người sống từ năm 1945 trên đường Nguyễn Đình Chiểu, gần khu vực hồ Con Rùa hiện nay, chia sẻ với chúng tôi những hồi ức xưa, trong lúc hàng trăm bạn trẻ đang tìm đến đây trong một buổi sáng cuối tuần.

Trí nhớ của cụ không sai. Công trường Maréchal Joffre nằm giữa giao lộ, đúng hơn là một ngã tư của ba con đường nay là Phạm Ngọc Thạch và Võ Văn Tần - Trần Cao Vân và là vòng xoay đầu tiên của thành phố Sài Gòn sau khi người Pháp vào. Trước khi có công trường, nơi đây từng là một tháp nước (chateau d'Eau) được xây dựng từ năm 1878 để cung cấp nước cho thành phố Sài Gòn. Những chiếc nắp gang đậy cống thoát nước trên vỉa hè quanh nhà thờ Đức Bà hiện nay vẫn còn thấy rõ năm đúc là 1878, tức cùng thời điểm xây dựng tháp nước.

Tháp được cấp nước từ 10 giếng, sau tăng lên 20 giếng nằm xung quanh tháp nước trung tâm. Cuối năm 1956, thời Đệ nhất Cộng hòa Ngô Đình Diệm, tài liệu của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ghi nhận xung quanh tháp nước trung tâm có 71 giếng khoan, nhưng thực tế, cũng theo tài liệu này, chỉ 36 giếng còn dùng được.

Tôi tập và dạy võ Karaté ở Nhà Văn hóa Thanh niên TP. HCM từ năm 1979. Sân võ của chúng tôi tập nằm bên cạnh một trong những giếng nước này. Nếu đi từ phía cổng phụ mặt đường Nguyễn Thị

Minh Khai, đối diện hội trường A của Nhà Văn hóa, ta sẽ thấy hiện nay vẫn còn một nắp đậy giếng. Nắp này bằng gang hay thép gì đó bên trên, dầy đến ba, bốn phân (cm), đường kính khoảng trên dưới hai mét rưỡi, nặng có lẽ đến vài trăm ký. Hồi năm 2017-2018, tôi vẫn còn thấy chiếc nắp giếng này nằm lộ thiên. Hiện nay, nó bị phủ lấp lên trên bằng xi măng. Thỉnh thoảng anh em bảo vệ mở nắp kiểm tra, tôi nhìn xuống thấy sâu lắm, khoảng gần 20 mét. Thành giếng có đoạn xây gạch, có đoạn ống bê tông cốt thép. Cũng theo tài liệu của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, gần đáy giếng có trụ lọc bằng cát - sỏi, nước qua trụ lọc chạy vào các ống ngang về giếng chính, khử trùng sơ bộ rồi bơm vào các hồ chứa, sau đó bơm lên tháp nước để đến từng nhà dân.

Một hồ chứa cách giếng nước này khoảng vài chục mét, cũng trong khuôn viên Nhà Văn hóa Thanh niên TP. HCM, nơi xưa là Trường thi Gia Định. Trường thi xưa vốn có ao hồ cho thí sinh sử dụng khi dựng lều thi. Không rõ hồ chứa này có trùng với ao hồ của Trường thi hay không, chưa nghe tài liệu nào ghi nhận.

Năm 1983, sân võ tôi có tham gia biểu diễn trong Festival Việt - Xô. Trong dịp này, hồ nước được phủ lên bằng những thanh gỗ lớn, dầy đến năm phân để đi qua như qua cầu. Có lúc sân võ của tôi tập ở khu vực sân tennis, nghe anh em bảo vệ lúc đó nói chỗ này khi xưa cũng là một hồ nước. Tài liệu lưu trữ của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn cho biết sức chứa ban đầu mỗi hồ này 4.000m³. Anh em bảo vệ ở đây lúc trước thỉnh thoảng leo xuống bắt được cá trê khủng, lên khoe với chúng tôi.

Hồi thập niên 1980, một cầu thang sắt trong hồ nước này được đưa lên làm cầu thang phụ bên hông lên tầng một của Nhà Văn hóa Thanh niên. Hơn trăm năm chìm trong nước, cầu thang sắt đặc này vẫn chắc chắn như mới làm. Cầu thang thời đó hình như không hàn

(tôi không thấy vết hàn) mà nung nóng tán rivet. Những con ốc tán gắn kết các chi tiết cầu thang trải qua thời gian như tiệp một khối với cầu thang. Chúng tôi lên xuống thường xuyên, không hề rung lắc.

Cầu thang lên xuống hồ chứa nước xưa.Hình chụp ngày 3-4-2017. - Ảnh: C.M.C.

Trở lại tháp nước, đây là một ngôi tháp xuất hiện trong bưu thiếp khá nhiều và được người Pháp ca ngợi là "Một tác phẩm tuyệt đẹp trên một nền móng rất cao và vững chãi với một cầu thang xoắn ốc gắn vô một cái lồng" (Louise Bourbonnaud - Les Indes et l'Extreme Orient, 1892).

Tuy nhiên, "tác phẩm tuyệt đẹp" này bị chính người Pháp phá bỏ năm 1921 vì không còn đủ sức đáp ứng nhu cầu sử dụng nước đang tăng mạnh của thành phố. Sau đó, tượng Ba Hình (biểu tượng cho cuộc xâm chiếm của người Pháp) được dựng lên thay thế tháp nước

cũ. Đến năm 1956, nhóm tượng này cũng bị chính quyền Sài Gòn phá bỏ mà không ai luyến tiếc. Dù tượng không còn, khu vực này vẫn được gọi là Công trường Chiến sĩ với cái hồ nhỏ ở giữa.

Thiết kế táo bạo và lãng mạn giữa Sài Gòn

Cụ D. hồi tưởng: "Trước 1972, khu vực hồ Con Rùa ít ai ghé chơi cả buổi như bây giờ lắm, có một cái hồ nước trơ trọi thì có gì mà chơi. Chủ yếu để dân chúng đi qua nghỉ chân chứ ít ai ghé vô".

Cái hồ nhỏ ấy nằm có phần đìu hiu dù giữa một khung trời đại học lãng mạn bao quanh bởi các trường đại học Luật khoa, Y khoa, Kiến trúc và "con đường Duy Tân cây dài bóng mát". Cho đến giữa thập niên 1960, khu vực này mới có sức sống hơn với thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Kỳ. Thiết kế này được chọn trong cuộc thi quy hoạch mới cho một công trường tuy rộng lớn nhưng nằm vắng vẻ giữa một Sài Gòn luôn nhộn nhịp này.

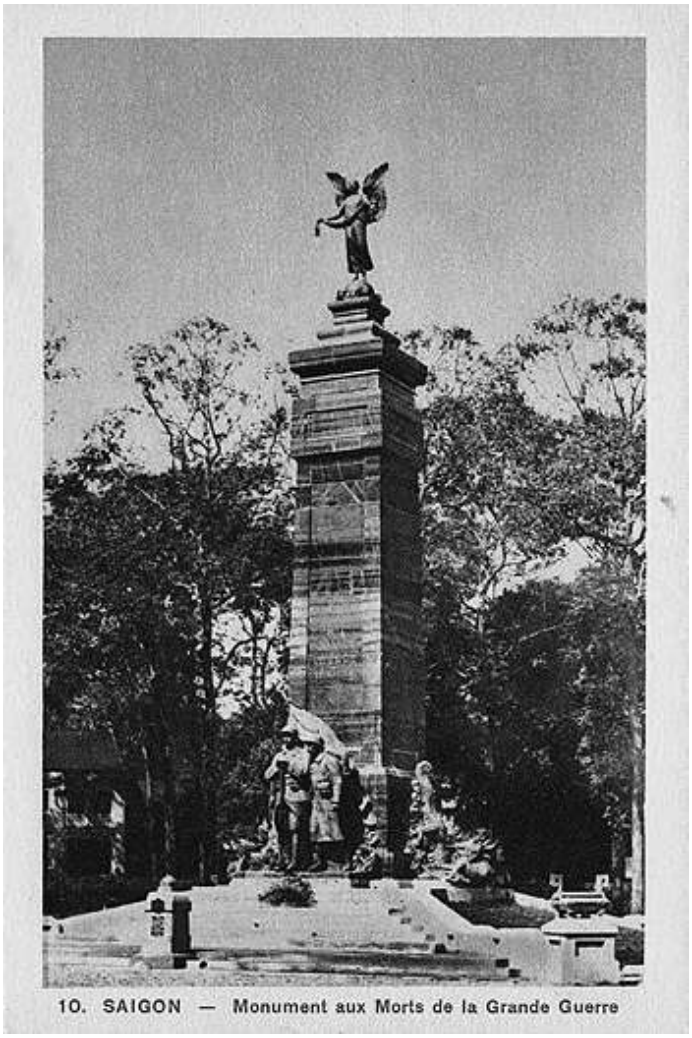

Đài kỷ niệm Chiến sĩ trận vong, hay còn gọi là tượng Ba Hình.

- Ảnh tư liệu.

Nhưng mãi cho đến cuộc trùng tu, tôn tạo từ năm 1972, khu công trường này mới thật sự trở nên sống động và trở thành hình ảnh kỷ niệm khó quên của bao thế hệ người trẻ Sài Gòn khi xa thành phố. Đó là các cột bê tông cao vút được dựng thêm ở chính giữa hồ. Trên mỗi cột là năm ngón tay xòe ra đón đỡ một nhụy hoa (bê tông) nhỏ,

thanh mảnh bên trong. Bên ngoài là vòng xoay giao thông, bên trong hồ cũng là một hệ thống lối đi xoắn ốc theo vòng xoay, hướng tới các cột trụ và một tấm bia ghi tên những nước công nhận Việt Nam Cộng Hòa lúc ấy. Bia ghi tên được thiết kế đặt trên một con rùa lớn bằng hợp kim đồng mà đám học trò chúng tôi khi đến đây đều leo lên cỡi và nghịch phá. Hầu như người nào khi đến đây chơi cũng phải tranh thủ chụp hình với con rùa này.

Thế là cái tên "hồ Con Rùa" ra đời, dù tên gọi chính thức của nó cho đến nay vẫn là Công trường Quốc tế. Thậm chí, dù con rùa đồng đã không còn sau một vụ phá hoại sau năm 1975 nhưng người ta vẫn gọi đó là "hồ Con Rùa". Thỉnh thoảng cũng có bạn trẻ tinh nghịch thả rùa phóng sinh vô đó nhưng làm sao những chú rùa tội nghiệp này có thể sống trong một cái hồ toàn bê tông và thường xuyên được làm vệ sinh.

Hồ Con Rùa năm 1972 với con rùa bằng đồng đội tấm bia. - Nguồn: Dick Leonhardt.

Bỏ qua những huyền thoại hư hư thực thực về long mạch, về chuyện trấn yểm của tổng thống Việt Nam Cộng Hòa lúc bấy giờ, có thể nói hồ Con Rùa mà những bạn trẻ tìm đến hiện nay có một thiết kế rất táo bạo. Thiết kế táo bạo rõ nhất mà xưa giờ ai đi qua cũng có thể thấy ngay, đó là một khu vui chơi, thư giãn cho người dân lại được dựng ngay ở một bùng binh, giao lộ có xe cộ qua lại tấp nập thường xuyên. Mọi nơi của thành phố này, cứ nơi nào có người, nhất là có nam thanh nữ tú tập trung, dập dìu là có hàng rong. Cứ tầm chiều tối,

cặp sát xung quanh hồ, lúc nào cũng có hàng chục xe hàng rong bán từ cá viên chiên, kem… đến bò bía. Cảnh sát trật tự, Công an phường đuổi hoài, dẹp hoài mà đâu vẫn cứ vào đấy. Thiết kế táo bạo như vậy với một bùng binh tới giờ coi bộ cũng hiếm, nếu không muốn nói là hầu như chưa thấy.

Ngay từ khi ra đời vào năm 1972, công trình này từng bị la hoảng khi những lối đi trên hồ uốn lượn mà không hề có lan can phòng chống... té hồ. Thế nhưng từ khi đưa vào sử dụng đến nay, chuyện té hồ hình như chưa bao giờ là vấn nạn cần phải xem xét, dù có thể thỉnh thoảng cũng có ai đó hụt chân té xuống cái hồ... "cạn sợt" này.

Cùng chúng tôi đi trên các lối đi lát đá rửa, chàng kiến trúc sư trẻ Đậu Việt Đức (nhà trên đường Phạm Ngọc Thạch) nhận định: "Vị kiến trúc sư thiết kế nơi đây đã khéo léo dẫn dắt tầm nhìn của người đi trên các con đường xoắn ốc trên hồ đến khu trung tâm (các cột bê tông và bia rùa) nên đã ít nhiều hạn chế tai nạn té hồ". Anh nói thêm: "Đây là thiết kế đơn giản nhưng lãng mạn một cách rất táo bạo - giữa một Sài Gòn ít nhiều chú trọng công năng, hình khối lúc ấy; nhất là thực hiện ở một khu vực dành cho bao người qua lại hằng ngày".

Và nét lãng mạn ấy đã vượt qua thử thách của thời gian, không chỉ vững chắc sau hơn nửa thế kỷ trên mặt hồ đội mưa nắng mà còn gây dấu ấn đối với bao thế hệ bạn trẻ, học trò, người dân Sài Gòn tìm đến và nhớ về, như một trong những địa điểm đáng yêu nhất Sài Gòn.

Khi còn làm việc ở báo Khăn Quàng Đỏ - Mực Tím sát bên hồ cho đến tận hôm nay, lúc nào tôi cũng thấy hàng trăm bạn trẻ tập trung sinh hoạt quanh bờ hồ. Có những đôi bạn ngồi chuyện trò trên cả những lối đi vào bên trong, chân buông xuống mặt hồ in bóng mây trời và hàng cây xanh mát trên đầu, không khỏi gợi nhớ đến hình ảnh

quen thuộc của những tà áo dài nữ sinh ngồi thả bóng xuống hồ trước 1975. Phía cầu thang lên đài cao có khi là một đôi trai gái với ánh mắt ngời hạnh phúc đang chụp hình cưới trong lúc một gia đình trẻ cùng hai con nhỏ đang tung tăng chân sáo vừa bước vào từ bên kia đường. Bản thân tôi nhiều lần cũng được bạn đọc tuổi mới lớn của báo Mực Tím kéo ra hồ chụp hình.

Dù trải qua bao đổi thay, hồ Con Rùa vẫn nằm im đó như chứng kiến thời thanh xuân của bao thế hệ học trò, lắng nghe những lời hẹn ước, cả niềm hạnh phúc lẫn tan vỡ của những đôi tình nhân, và cũng là nơi tìm về của sự đoàn viên gia đình. Hồ Con Rùa, cái tên tưởng bình dị thân quen bỗng trở thành ký ức khó quên của những người con Sài Gòn xa xứ.

Kiến trúc sư Nguyễn Văn Hoa (trái) và kiến trúc sư Nguyễn Quang Nhạc (phải). - Ảnh gia đình.

Tác giả Cù Mai Công khi làm báo Mực Tím với hai bạn đọc ở ngay vị trí hai vị kiến trúc sư chụp khi xưa. - Ảnh cá nhân.

Đại lộ Galliéni và những giấc mơ đổi đời

Năm 1914, khi đại lộ Charner (nay là Nguyễn Huệ) hơn 30 năm tuổi[49] và nghiễm nhiên trở thành con đường cố cựu của Sài Gòn với mọi thứ đã được thành hình vững chắc, thì ở phía Tây thành phố, một đại lộ non trẻ mang tên Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo) được khởi công để nối dài Sài Gòn và Chợ Lớn. Đại lộ này đã mở ra nhiều cơ hội cho những mảnh đời cần lao từ các nơi tìm đến Sài Gòn với ước mơ một ngày cuộc đời mình sẽ "sang trang mới".

[49] Tính từ thời điểm lấp hoàn toàn kinh Charner (kinh Chợ Vải).

Đại lộ Trần Hưng Đạo năm 1967. - Ảnh: flynariel.

Nếu không có việc dời chợ Bến Thành về vị trí đầm Bồ-rệt vào năm 1914, đại lộ Galliéni có lẽ sẽ mất thời gian lâu hơn để hình thành. Bởi trước đó 10 năm (1904), Đốc lý[50] Chợ Lớn từng đề nghị nối dài đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi) tới đường Des Marins[51] và Hội đồng thành phố Sài Gòn lúc ấy "lúc gật lúc không". Lý do có lẽ vì chi phí "san lấp mặt bằng" rất lớn khi khu vực rộng lớn giữa Sài Gòn và Chợ Lớn vốn là đầm lầy, "bưng nước đọng"[52], mồ mả, kênh rạch… xen lẫn với nhà dân… Chưa kể lúc đó đã có hai con đường thông Sài Gòn với Chợ Lớn là đường Dưới[53] và đường Trên[54].

[50] Tương đương chức Thị trưởng (maire).

[51] Năm 1952 đổi thành Đồng Khánh, nay là Trần Hưng Đạo đoạn từ An Bình tới Học Lạc.

[52] Từ của Vương Hồng Sển trong Sài Gòn năm xưa.

[53] Dọc theo rạch Bến Nghé - kinh Tàu Hủ, người Pháp gọi là arroyo Chinois.

[54] Đường Nguyễn Trãi hiện nay - nguyên là đường Cái Quan vốn có trước khi người Pháp đến.

Sau khi chợ Bến Thành đi vào hoạt động, với tầm nhìn xa, chính quyền thành phố nhận ra hai con đường nhỏ này khó đáp ứng được sự phát triển của Sài Gòn - Chợ Lớn trong mối quan hệ không thể thiếu nhau lâu nay. Thế là vùng "bưng nước đọng" bắt đầu từ đầm Bồ-rệt đã được lấp dần dần, không chỉ nối Sài Gòn - Chợ Lớn mà còn tạo thêm quỹ đất rất

lớn nằm giữa đường Trên và đường Dưới. Năm 1916, con đường hoàn thành và được trải đất đỏ với tên đại lộ (boulevard) Galliéni.

Tuy mang danh đại lộ nhưng như cụ Vương Hồng Sển mô tả trong Sài Gòn năm xưa: "Hai bên đường còn nhiều thửa ruộng hoang vu (...), khó biết đây là trung tâm đô thành hoa lệ. Nhà lụp sụp không hàng lối (...), dân lao động chen chúc, gái ăn sương đủ hạng..."[55]. Khó có ai hình dung được hình ảnh buổi đầu của đường Trần Hưng Đạo lại hoang sơ như thế. Nhưng chính nhờ sự mới mẻ này, bao nhiêu cơ hội lớn đã mở ra cho những ước mơ muốn đổi đời và Sài Gòn đã minh chứng rằng, sẽ không bao giờ là muộn cho những người đến sau…

[55] Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 86.

Đại lộ mở toang những cơ hội và ước mơ khởi nghiệp

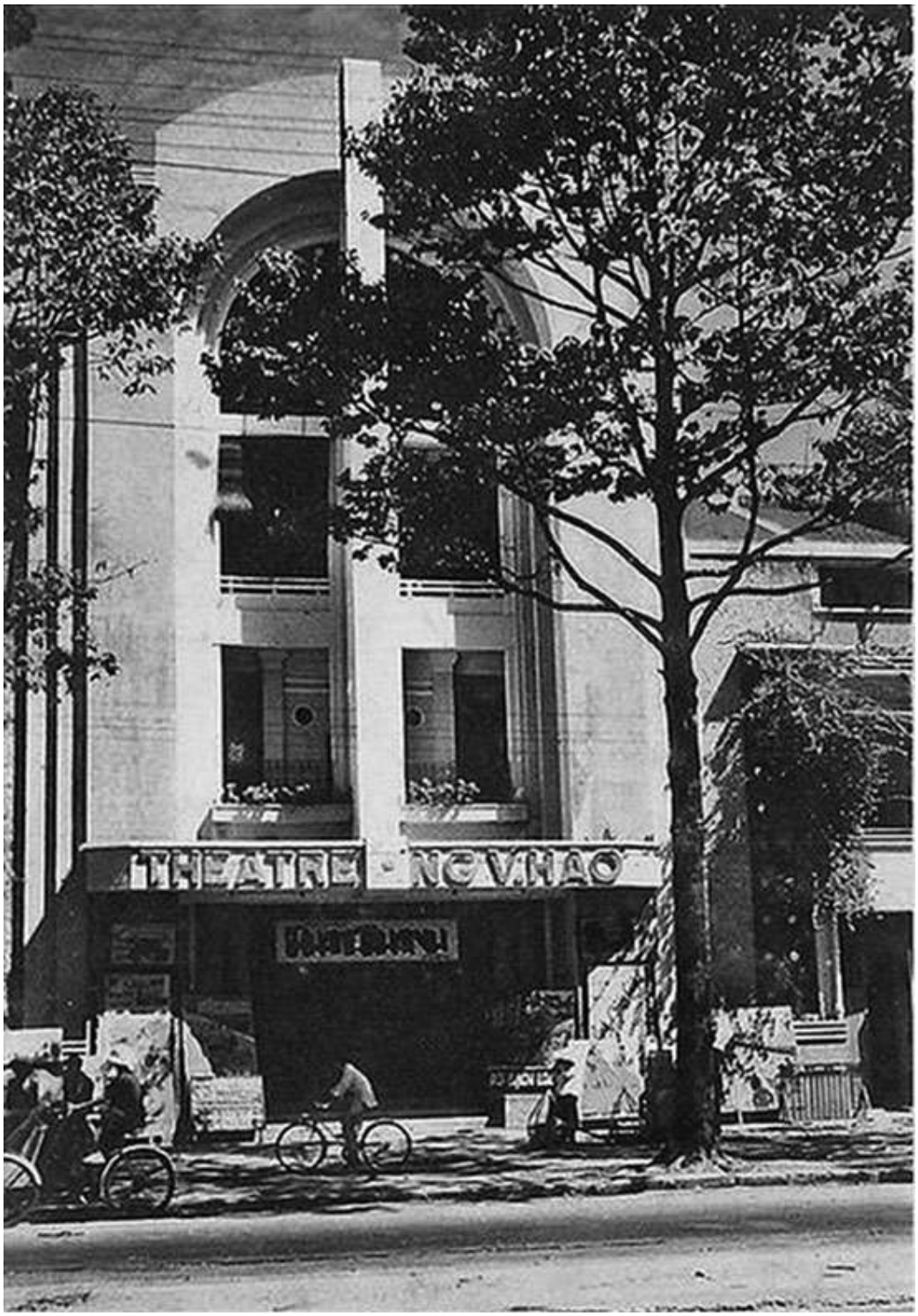

Rạp Nguyễn Văn Hảo. - Nguồn: delcampe.net.

Trước hết, đó là ước mơ của những cư dân địa phương vốn lâu nay bị bao quanh bởi những đầm lầy, gây khó khăn cho việc đi lại cũng như sinh kế. Những cư dân này thuở ban đầu sống ở đường Dưới dọc theo rạch Bến Nghé hoặc tập trung xung quanh đường Trên, tạo thành các cụm dân cư như cầu Kho, cầu Ông Lãnh, chợ Điều Khiển[56], chợ Hôm[57]...

[56] Góc Nguyễn Trãi - Phạm Ngũ Lão hiện nay.

[57] Gần Bệnh viện Nguyễn Trãi hiện nay.

Cơ hội càng lớn hơn khi năm 1928, đại lộ được trải đá granite và trải nhựa, rộng trên dưới 20 mét với hai hàng cây bên đường đã lên xanh chứ không mịt mù bụi đất như thuở ban đầu. Và chỉ ba năm sau (1931), đại lộ này đã đóng vai trò quan trọng dẫn đến quyết định kết nối Sài Gòn và Chợ Lớn thành một khối hành chính với tên Khu (Region) Sài Gòn - Chợ Lớn.

Xóm Lò Heo trên đường Lò Heo (nay là đường Nguyễn Thái Học) thành khu chợ Cầu Muối (dù rạch trên cầu đã lấp). Nhiều cây cầu như cầu Ông Lãnh, cầu Calmette, cầu chữ Y được bắc lên giúp cư dân Quận 4, Quận 8, vùng ngoại thành và các tỉnh miền Tây về gần hơn, nhanh hơn với vùng nội ô Sài Gòn - Chợ Lớn.

Trong số đó, có một chàng thanh niên Nguyễn Văn Hảo "tay trắng" từ Trà Vinh lên Sài Gòn lập nghiệp tại đại lộ Gallliéni với nghề buôn bán phụ tùng xe hơi và mở cây xăng bơm tay, ngay thời điểm mà xe cộ đã chạy tấp nập trên đường nhựa. Chỉ hơn 10 năm sau, anh đã dành dụm đủ tiền để mua đất và mở rạp hát hoành tráng ngay tại mặt tiền Gallliéni với ba tầng khán phòng 1.200 ghế mà giới nghệ sĩ Sài Gòn trước 1975 gọi là

“Hàng không mẫu hạm Nguyễn Văn Hảo” (nay là rạp Công Nhân - số 30 Trần Hưng Đạo).

Những năm 1940 là đỉnh cao sự nghiệp của ông chủ rạp Nguyễn Văn Hảo. Ngay lúc đó, cách rạp Nguyễn Văn Hảo không xa, có một chàng trai nghèo tên Nguyễn Thành Niệm từ tỉnh lên Sài Gòn, lặng lẽ mở một điểm sửa xe đạp trên vỉa hè tại góc đường Galliéni - Général Marchand[58].

[58] Nay là Nguyễn Cư Trinh.

Rạp Hưng Đạo là đại bản doanh của đoàn cải lương Thanh Minh - Thanh Nga từ năm 1967. - Ảnh tư liệu.

Như đã nói, cơ hội chưa bao giờ cạn dù với kẻ đến sau. Chăm chỉ, hiền lành và đầy khát vọng, chẳng mấy chốc, từ điểm sửa xe ấy, anh thuê luôn một góc ngôi nhà nơi mình ngồi phía trước ráp xe bán. Và 10 năm sau, anh thợ nghèo năm nào giờ đã làm chủ công ty Indo - Comptoirs chuyên buôn bán phụ tùng xe gắn máy, xe hơi với trụ sở là dãy phố 30 căn liền kề trên đường Galliéni gần đầu đường Général Marchand. Đến

đầu thập niên 1960, người Sài Gòn bỗng thấy xuất hiện một rạp hát mới tinh tại góc đường nơi anh thợ nghèo sửa xe 20 năm trước: rạp Hưng Đạo, cái tên được đặt theo tên mới của đại lộ Galliéni từ năm 1955.

Hai tấm gương lập nghiệp thành công này chỉ là hai trong rất nhiều câu chuyện đổi đời ngoạn mục như vậy trên đại lộ Galliéni. May mắn từ thời cuộc là có nhưng nó không dành cho người thiếu ước mơ, cần kiệm và nhạy bén với vùng đất mới, nhu cầu mới.

Cho đến tận thập niên 1990, tôi vẫn còn tận mắt chứng kiến một câu chuyện "cổ tích" tương tự xảy ra trên đại lộ này: đó là người sáng lập Hoàng Nam Group, ông chủ công ty nội thất P.X lớn nhất nước, có chi nhánh ở nhiều tỉnh thành lớn trong nước hiện nay. Vào một phần tư thế kỷ trước, năm 1997, ông đã khởi nghiệp lặng lẽ trên đại lộ Trần Hưng Đạo với một quán… cà phê "hát với nhau" tên Nini. Lúc đó, quán không nhiều khách, tôi và bạn bè là ca sĩ trẻ sau này nổi tiếng như H.N., N.V., Q.Đ., N.T.B… hay ghé ủng hộ. Ông chủ ấy giờ vẫn nhắc: "Em nhớ anh vô, hay ngồi trong góc quán, nhìn ra đường".

Quán cà phê này lúc đó ở gần một địa điểm không thể không nhắc đến, đó là tư gia của nhà văn hóa lớn Pétrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898) từ lâu nằm lặng lẽ cạnh nhà thờ Chợ Quán[59]. Khi Sài Gòn và Chợ Lớn thông đường, có lẽ ông cũng không ngờ rằng ngôi nhà mà mình đích thân thiết kế và xây dựng trước kia giờ bỗng nhiên "ra mặt tiền" đại lộ hiện đại và nhộn nhịp bậc nhất của vùng Sài Gòn - Chợ Lớn với sự có mặt của hàng chục salon xe hơi, rạp hát, khách sạn lớn... Thậm chí có cả sòng bạc tầm cỡ Đông Nam Á như Đại Thế Giới (Casino Grand Monde[60]), vốn là địa điểm quen thuộc của những người có "máu đỏ đen" và cũng một thời là nơi gây cảnh "tan nhà nát cửa" cho bao gia đình.

[59] Ngôi nhà này hiện nay vẫn còn, nằm tại ngã tư Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng.

[60] Nay là Nhà Văn hóa Quận 5.

Hơn một thế kỷ thăng trầm cùng thời cuộc

Hơn một thế kỷ đã trôi qua trên đại lộ nay mang tên Trần Hưng Đạo, hai hàng cây dầu non ngày nào giờ đã cao vút che mát suốt cả con đường dài. Nhìn những showroom đang trưng bày xe hơi đời mới nhất thế kỷ 21 khiến ta nhớ về những salon xưa kia của chàng trai Nguyễn Thành Niệm. Những rạp hát xưa vẫn còn đây nhưng có rạp đã bị "thay tên đổi họ", có rạp bị chuyển công năng để tiếp tục tồn tại, hoặc có rạp không may mắn bị bỏ hoang khiến những người yêu nghệ thuật không khỏi bùi ngùi tiếc nuối về một thời văn hóa vàng son của Sài Gòn - thời mà các rạp xi-nê, rạp hát luôn kín suất dù ngày hay đêm. Bánh trung thu Đồng Khánh lừng lẫy một thời vẫn còn đây nhưng tình trạng bánh giả tràn lan khiến thương hiệu hơn 70 năm tuổi này cũng nhiều phen điêu đứng. Cơm gà xối mỡ kiểu Sài Gòn nổi tiếng từ góc Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền trước 1975 giờ đã mở rộng khắp nơi nhưng mùi vị đã ít nhiều thay đổi…

Bao nhiêu phận đời đã cùng thăng trầm, vui buồn với con đường này suốt hơn một thế kỷ. Nhưng đó cũng chính là một Sài Gòn luôn hào hứng với đổi mới, một tinh thần quả cảm được kế thừa từ những bậc tiền nhân vô Nam mở cõi.

Khách bộ hành đang băng qua đường Trần Hưng Đạo để đi vào ga xe lửa. - Nguồn: James M. Kraft Collection.

Đại lộ Trần Hưng Đạo gần ngã tư Nguyễn Thái Học năm 1968.

- Ảnh: Brian Wickham.

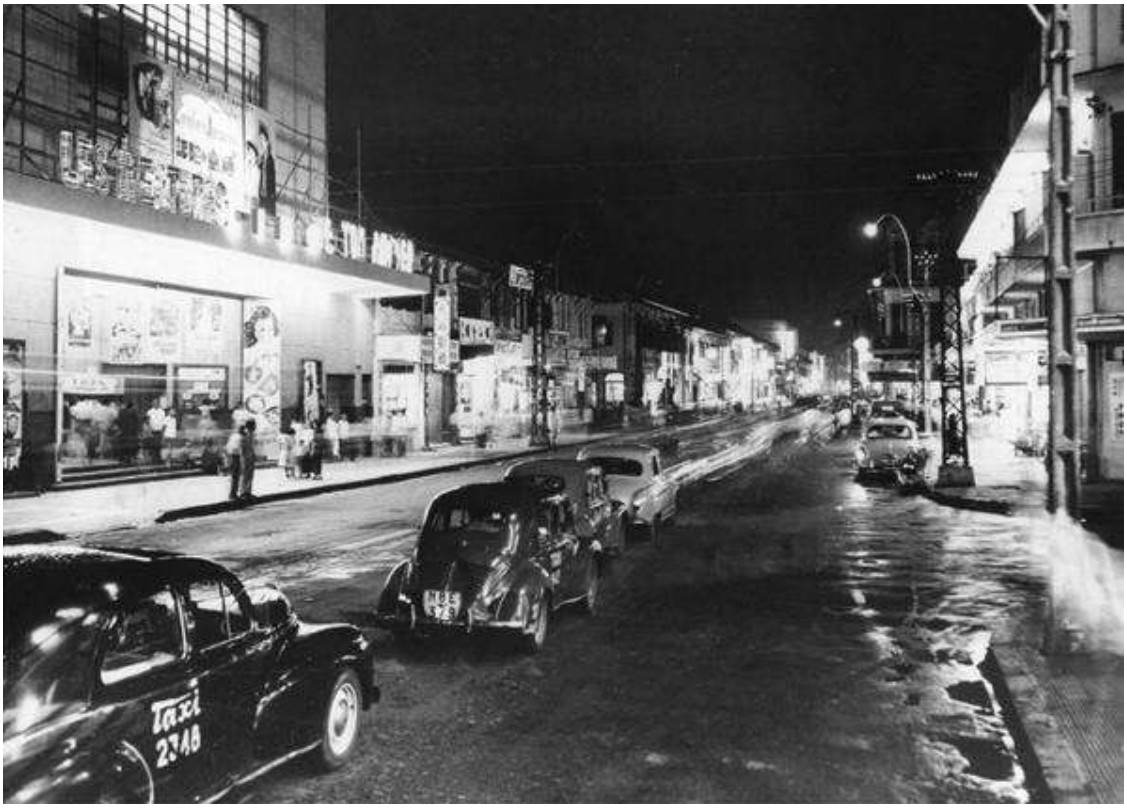

Đường Đồng Khánh năm 1958 - Nguồn: UPI Press Photo.

Chợ Xã Tây tại góc đường Đồng Khánh - Phù Đổng Thiên Vương.

- Ảnh tư liệu.

Con đường có một Sài Gòn thu nhỏ

Đường Trần Quang Khải nhìn về hướng Cầu Bông năm 1966. - Nguồn: David J. Glazener Collection.

Dài non một cây số vắt ngang qua chân cầu Bông và cầu Kiệu, đường Trần Quang Khải[61] tựa như đất "phên giậu" của Quận 1 trước ba quận

liền kề (Quận 3, Phú Nhuận, Bình Thạnh) với những địa danh quen thuộc một thời như hẻm Văn Hiến, xóm Chùa, xóm Cầu tiêu, kinh Nhiêu Lộc… Một đồng nghiệp của tôi nhận xét: "Con đường như một TP. HCM thu nhỏ: có nhà cao tầng ngất ngưởng và có mảnh nylon lạc xoong vỉa hè; bà con lao động chắt chiu từng đồng và kẻ đổ tiền theo suối… bia ôm; phố vi tính bên hẻm không tên…".

[61] Thuộc Phường Tân Định, Quận 1.

Duyên kiếp "dân tứ xứ - đất ngoài rìa"

"Nhà cao tầng ngất ngưởng" mà người đồng nghiệp ở trên nhắc đến chính là một khách sạn 11 tầng, vốn là tòa nhà cao nhất trên đường Trần Quang Khải. Không lâu sau, khách sạn này đã bị chính quyền thành phố ra quyết định dỡ bỏ đến quá một nửa số tầng vì vi phạm chiều cao cho phép trong giấy phép xây dựng. Thế nhưng, ngay đối diện "cao ốc" này, những cư dân hẻm 102 (rộng chưa tới một mét) hằng ngày vẫn bày bán trên vỉa hè đủ mọi thứ trên đời mà không rõ đã qua mấy đời chủ: giày dép, xăng-đan, bù-loong ốc vít, kính gọng vàng (giả), băng cát-xét… Cảnh tượng cứ như những ngày mới vừa sau giải phóng.

"Đất ngoài rìa - dân tứ xứ mà", anh Lê Quang Phong - một cư dân sống hơn nửa thế kỷ tại hẻm 68 nói tưởng như đùa nhưng lại rất chính xác.

Thật vậy, vùng đất này hàng trăm năm trước vốn nằm rìa của những công trình quan trọng xưa. Trên tấm bản đồ do Trần Văn Học vẽ năm 1815, ta đã thấy thấp thoáng hình dáng một con đường suýt soát với một đoạn lũy cổ Bán Bích bằng đất do quan điều khiển Đàm An hầu Nguyễn Cửu Đàm sai đắp từ 1772 bao quanh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn nhằm

phòng chống các cuộc tấn công từ hướng tây của quân Xiêm và Chân Lạp.

Lúc Pháp đánh chiếm Sài Gòn, con đường Trần Quang Khải và khu vực hai bên đường vốn nằm bên ngoài tường thành Gia Định. Vì vậy, khi thành Gia Định thất thủ, nơi này trở thành vùng đệm giữa khu Đất Hộ[62] (nơi cư trú của dân Tây và những người theo Tây) và khu Phú Nhuận bên kia cầu Kiệu (tạm coi như vẫn là của ta). Để từ đó, vào năm 1885, viên Đề đốc Nguyễn Văn Bường đã cùng những nghĩa quân yêu nước vượt qua cầu Kiệu để tấn công Đất Hộ. Tận những ngày sau Cách mạng Tháng Tám, những cụ ông, cụ bà sống lâu năm nơi đây nhớ lại: "Vài ngày là thấy xác người đàng mình bị Tây giết lẫn xác Tây, Việt gian tấp vào hai bên bờ".

[62] Tương đương Phường Đa Kao, Quận 1 ngày nay.

Một buổi trưa ngồi dưới tàng cây sao dầu có tuổi dễ đến gần thế kỷ, gần 20 năm trước, tôi được bà cụ Nguyễn Thị Xiếu, lúc ấy 68 tuổi, kể lại: "Hồi ông Phan Ngô cho đào móng xây trường Văn Hiến (nay là Trường Tiểu học Trần Quang Khải) trước ngày giải phóng, trúng một hầm toàn giầy bốt cao su đi vùng bùn sình của lính Nhật hay Pháp gì đó, bà con trong xóm xô ra lấy về cân bán cao su ký. Tui lúc đó còn trẻ cũng quơ được một mớ".

Bà cụ Xiếu sống hầu như cả đời trên con đường này với đủ nghề: làm lò cơm rượu, gánh nước mướn (hồi chưa có nước máy), bán chè, cháo, hủ tiếu… và lúc đó là mưu sinh cả ngày trên vỉa hè với xấp vé số. Cụ hồi tưởng: "Ba má tui dân Gò Vấp, hồi đàng mình nổi (Cách mạng Tháng Tám) nghe nói đất này toàn bà con nghèo với nhau nên dễ xoay xở làm ăn, đùm bọc nhau chạy về đây".

Giờ thì họ đã thành dân cố cựu và có hộ khẩu thường trú rồi. "Người cũ" lại tiếp tục công việc đón "người mới" từ khắp nơi tìm đến. Có lẽ đồng cảnh nghèo dễ sống với nhau, cho nên sau khi khu nhà sàn trên kinh Nhiêu Lộc bị giải tỏa, nhiều cư dân dù đã được tái định cư ở nơi mới khang trang hơn vẫn quay về "chốn xưa". Anh Trương Viết Lộc - người tài xế xe ôm bao nhiêu năm đã quen sống với dòng kinh, tuy nay đã dời về chung cư ở Gò Vấp nhưng ngày ngày vẫn ngồi đón khách trước một cửa hàng thời trang đối diện với ngôi đình cổ Nam Chơn.

Nói đến đình Nam Chơn thì không thể không nhắc đến sân võ nổi tiếng này. Sân đình này ngày xưa có lẽ cũng là nơi luyện tập võ nghệ của những cư dân lưu tán xứ Quảng thế kỷ 19, rồi sau này là của những đội Thanh niên Tiền phong năm 1945. Vài chục năm nay, sân đình đã trở thành sân tập của môn phái Nam Huỳnh Đạo. Nếu có dịp đi ngang đường Trần Quang Khải và ngó vào sân đình, người ta sẽ luôn bắt gặp hình ảnh những võ sinh trong bộ võ phục màu đen hăng say luyện tập từ sáng tinh mơ cho đến tối mịt. Bà cụ Xiếu thủng thỉnh kể: "Dân đây mê võ. Thời tui còn trẻ có ông Sáu Nhỏ ở xóm Văn Hiến, võ nghệ đầy mình, đá đến trâu rống, nổi danh giang hồ vì trọng nghĩa tình…".

"Bể dâu đã bao đổi dời…"

Bà Sáu "bình dân", chủ tiệm cơm tấm xưa ở góc đường Trần Quang Khải - Hai Bà Trưng vốn cũng là một người đàn bà "cứng cỏi xứ Gò Vấp"[63] tìm đến đây từ năm 1946, chỉ tay về phía khách sạn đối diện: "Hồi đó là nhà bảo sanh, 12 đứa con của tui đều được sanh ở đó". Rồi bà kể tiếp: "Trào Pháp nó[64] tên Bôn Be (Paul Bert), từ dãy số chẵn cuối đường đổ ra sông (kinh Nhiêu Lộc) toàn nhà lá lụp xụp của xóm Chùa, dân xóm đó có tiếng từ thời tôi còn con gái".

[63] Được nhắc đến trong bài Gia Định phú: "Cứng cỏi bấy thứ đàn bà xứ Gò Vấp".

[64] Đường Trần Quang Khải.

Có lẽ bà cụ muốn nói đến những cư dân xóm Chùa nổi tiếng yêu nước và luôn có mặt trong hàng ngũ nghĩa quân nổi dậy chống Pháp từ thời Đề Bường[65] cho đến Cách mạng Tháng Tám.

[65] Đề đốc Nguyễn Văn Bường.

Xóm Chùa chỉ là một trong nhiều khu vực quần tụ quanh đường Trần Quang Khải mà đến nay dân trong vùng vẫn gọi theo những tên gọi cũ. Trong xóm Chùa lại chia nhánh thành xóm chùa Tam Bảo, xóm chùa Vạn Thọ… rồi bên cạnh đó còn có xóm Cầu tiêu, xóm Văn Hiến, xóm lò xôi rượu… Thậm chí, có những tên gọi rất xưa như xóm Vạn Chài[66] xuất phát từ thời nhánh kinh này còn rộng như con sông, tấp nập "trên bến dưới thuyền".

[66] Hồi 2003 vẫn còn một đội lân trong xóm mang tên "đội lân Vạn Chài".

Đình Phú Hòa lọt thỏm giữa những tòa nhà cao tầng xung quanh. - Ảnh: T.G.

Rùng mình nhất là xóm Cầu tiêu với ba "chi nhánh": cầu Vạn Chài, cầu Bảy Biển, cầu Cây Mít. Mỗi "chi nhánh" gồm 10 nhà cầu chia đều 5-5 dành cho nam phía trước, nữ phía sau. Một bạn gái ở xóm Cầu tiêu "chi nhánh" Bảy Biển lắc đầu: "Nhớ lại mà… rởn da gà, nào xếp hàng chờ nhau, cãi cọ um sùm từ bốn năm giờ sáng đợi tới lượt; nào ngồi cầu cạnh nhau mà chuyện trò lung tung đủ chuyện; rồi những quý bà quý cô lơ đễnh rớt đồng hồ, dây chuyền vàng khi ngồi cầu, quên phắt bụng dạ, lần bước xuống kênh để mò". Và cả cảnh những cô gái, những em gái tuổi mới lớn ngồi trên cầu bỗng la oai oái vì phát hiện có một "thằng mất dạy" đang lấp ló bên dưới. Người trong xóm chạy ra chụp cổ thì "thằng mất dạy" kêu là "người ta mò vớt trùn chỉ đặng bán chớ ai thèm" (!)…

Hiện nay, con đường dọc bờ kè kinh Nhiêu Lộc (nay đã mang tên Hoàng Sa) đã "thay da đổi thịt" đến không ngờ. Còn nhớ hồi trước khi giải tỏa, những tay "giựt dọc" trên đường Trần Quang Khải chạy thoát vào vô số ngõ hẻm đâm ra khu nhà sàn lụp xụp và nhảy tõm xuống dòng kinh đen là coi như nạn nhân "trơ mắt ếch".

"Khác xưa nhiều lắm…", bà Sáu "bình dân" bảo thế khi nhắc chuyện cách đây vài chục năm, thời mà cả khu vực dễ đến vài chục "đình chùa miếu mạo" không ít được khai sinh từ sau hồi thành Gia Định thất thủ năm 1859[67]. Cũng lạ khi một số ngôi đình, chùa có tuổi hàng thế kỷ mới đây còn được ghi trong Tập 4 quyển Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (1998) vậy mà tìm đỏ mắt vẫn không thấy. Hỏi ra mới biết những ngôi đình chùa xưa giờ đã trở thành điểm dịch vụ Internet bề thế, cửa hàng này nọ…

[67] Được nhắc trong bài Gia Định thất thủ vịnh: "Chốn chốn dựng đền thiêng miếu thánh".

Có lần dự lễ hội kỳ yên tổ chức hàng năm của đình Phú Hòa, giữa những hoành phi liễn đối cổ xưa, tôi như được sống trong không gian thiêng liêng của những cư dân ngày xưa đi mở cõi. Trước thần Thành hoàng của ngôi đình là "Nam Hải đại tướng quân" (cá voi), tức vị thần độ trì những con dân Ngũ Quảng xưa vốn sống nghề chài lưới, vượt biển tìm đến đất này. Thế nhưng trong cơn lốc thời kinh tế thị trường, ngôi đình cổ này cũng không còn được nguyên vẹn khi một góc mặt tiền của nó từ lâu đã được trổ cửa thành điểm kinh doanh. Hồ Tường - nhà nghiên cứu văn hóa dân gian và khá am hiểu về đình chùa trong khu vực này - xuýt xoa bảo: "Nó suýt thành gara xe (!) nếu không kịp can thiệp…".

Dọc theo đường Trần Quang Khải và khu vực lân cận, hiện nay là vô số nhà hàng khách sạn. Khách uống bia giờ cũng khác cái hồi sau 1945. Hồi trước, khách đứng uống ngay cạnh quầy bia hơi vỉa hè của bà Sáu với những chiếc thùng thiếc chứa vài chục lít bia có chèn đá bọt xung quanh giữ lạnh (mà bà Sáu gọi là "bớp líp xăng"). Còn bây giờ, "người ta vô mấy cái phòng kín mít trong nhà hàng ba bốn tầng để uống bia, thiệt lạ".

Và đời sống của cư dân nơi này tất nhiên có những thay đổi đến kinh ngạc. Một sáng nọ, tôi được chứng kiến một đám cưới "đặc biệt" trong hẻm 68. Nhà đàng trai vốn chỉ nhỏ chừng chục mét vuông cho một hộ khẩu gồm cha mẹ và hàng chục đứa con, nên khi nhà gái đến lạy bàn thờ tổ tiên, đàng trai phải kê bàn tiếp khách ở góc hẻm phía trước, còn chiếc xe đẩy bán chè của bà mẹ chồng thì được gửi sang nhà hàng xóm. Thế nhưng chiều hôm đó, tiệc cưới của họ lại được tổ chức khá xôm tụ ở một điểm sang trọng. Nhiều hàng xóm trầm trồ: "Hai đứa đều có học, đang làm ở một khách sạn lớn ngoài Sài Gòn… Bọn trẻ xóm này giờ không bèo nhèo quá như ba má nó".

Thiệt ra, đâu chỉ "bọn trẻ". Bậc cha chú nơi đây giờ cũng khác trước nhiều lắm. Đám cưới đôi bạn trẻ kia làm sao được nhiều người biết đến như đám cưới của một chú rể "thất thập cổ lai hy", vốn cũng là dân cố cựu khu nhà sàn trước khi giải tỏa. Đám cưới đó tới giờ cũng vài chục năm rồi mà tôi còn nhớ rõ vì "chú rể" hồi đầu thập niên 1990 dạy võ bên cạnh sân võ của tôi ở Nhà Văn hóa Thanh niên TP. HCM. "Chú rể" vốn là truyền nhân của một môn phái võ dân tộc, đồng thời cũng là một họa sĩ tài hoa với những nét cọ mềm mại. Ông từng có buổi triển lãm tranh riêng ở nhà hát Bến Thành. Vào một ngày cuối năm, lúc tôi đang ngồi uống nước ven đường thì bỗng thấy đôi vợ chồng chở nhau trên xe gắn máy chạy ngang qua. Cảnh tượng gia đình trông rất hạnh phúc. Chị bán thuốc lá ven đường nói vui: "Ông hồng hào và dường như tươi trẻ hơn xưa. Giờ người ta có nhà xịn ở chung cư mới rồi, đang 'vẽ' lại đời mình".

Cách đây gần 20 năm, những ngày cuối năm 2003, người chủ quán cà phê vỉa hè quen thuộc đến nhẵn mặt lực lượng tém dẹp lòng lề đường nơi đây bảo: "Mai mốt hẻm 68 sẽ băng qua kinh Nhiêu Lộc sang quận Bình Thạnh bên kia bằng cây cầu mới, nghe nói là cầu Bông 2[68]", rồi buông thõng một câu không rõ vui buồn: "Lúc đó, chắc hẻm này thành lộ?!…".

[68] Hiện nay là cầu Hoàng Hoa Thám.

Giờ thì đúng là hẻm đã thành lộ từ lâu. Khi chúng tôi hỏi thăm những tên tuổi giang hồ lừng lẫy một thời như Cu đen, bé Năm, bé Chín, Lệ Cụt, Hùng Be… ngay bà con "cựu trào" cũng không rõ những người này đang ở đâu. Một người cho hay: "Có đứa đi cải tạo trong tù, có đứa đang cai nghiện… lâu lắm rồi, không thấy mặt mũi đâu".

"Nói cho ngay, bà con ở đây bao đời nay toàn dân lao động chí thú chớ giang hồ, xã hội đen gì đâu! Chỉ vài tên tuổi mà mang tiếng", chị Ngọc Thủy - cư dân hẻm 68 từ trước 1975 phân trần.

Trên đường Trần Quang Khải cách đây 20 năm còn có một cái nghề mà có lẽ ít nơi nào trong thành phố còn làm, đó là nghề "lộn sên". Bởi giá một sợi sên mới toanh, hàng "xịn" chỉ vài chục ngàn đồng chứ đâu phải thiếu thốn gì như thời bao cấp. Một thợ "lộn sên" than thở: "Cả buổi lộn được một sợi sên, công vài ngàn mà bị tém dẹp lòng lề đường tịch thu đồ nghề hoài". Rồi cô Ngọc Điệp, bí thư Đoàn Phường Tân Định lúc ấy, cũng than: "Phường cũng cực với dân làm nghề này. Bày đầy vỉa hè, dơ dáy, bà con càm ràm hoài. Vừa tịch thu xong, quay lại đã thấy có sợi sên khác bày ra rồi".

Có điều than thì than vậy chứ lúc đó chính cô bí thư cũng là dân địa phương nên biết rõ "đó là nồi cơm người ta". Trong đó, có cả đoàn viên

rất tích cực công tác Đoàn của mình hiện cũng ngày ngày đục, tán để bán lại cho những khách hàng nghèo sử dụng tiếp những sợi dây sên vốn đã xài nát.

“Con đường lạ lắm, cái xấu và tốt ở đây đôi khi rất gần, lẫn lộn trong nhau; những điều mâu thuẫn cùng tồn tại bên nhau…”. Tôi nhớ hoài câu này của Ngọc Điệp khi trầm ngâm tâm sự với chúng tôi bên một quán nước vỉa hè.

GIA ĐỊNH

là nhớ

Hơn 300 năm hình thành và phát triển

Câu chuyện về hai ngôi thành Gia Định

"Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, một bàn cờ thế phút sa tay"[69], nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã đau đớn thốt lên như vậy trong bài thơ Chạy giặc khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha - Philippines tiến vào Sài Gòn ngày 17-2-1859. Có lẽ ông đã bàng hoàng trước sự kiện thành Gia Định thất thủ quá nhanh chóng.

[69] Không rõ nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu lúc ấy nhắc đến chợ nào trong khu vực trung tâm Sài Gòn hiện nay. Cụ Đồ Chiểu vốn sinh ra ở quê mẹ làng Tân Thới, tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, nay là Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực này xưa buôn bán sầm uất, có nhiều chợ cặp sát rạch Bến Nghé và sông Sài Gòn - nơi các tàu chiến Pháp đi qua khi đánh thành Gia Định.

Liên quân Pháp và Tây Ban Nha tấn công thành Gia Định ngày 17-2-1859. - Ảnh tư liệu.

“Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây…”

Ngày 29-1-1859, sau khi bị cầm chân ở Đà Nẵng, viên tướng chỉ huy liên quân là Charles Rigault de Genouilly gửi thư về Bộ Hải quân Pháp ở Paris đề xuất đánh thành Gia Định với nhiều lý do: (1) đánh Sài Gòn[70] không phải hành quân bộ; (2) Sài Gòn là vựa thóc nuôi Huế; (3) thương gia Hồng Kông thúc giục nhà cầm quyền Anh đánh Sài Gòn.

[70] Từ "Sài Gòn" do tướng Genouilly viết trong thư.

Bốn ngày sau, một lực lượng lớn của liên quân và tàu chiến rời Đà Nẵng tiến về biển Vũng Tàu. Đến ngày 11-2, 2.000 liên quân Pháp - Tây Ban Nha (trong đó có 450 quân Philippines) và tám tàu chiến đã có mặt tại cửa sông Cần Giờ. Tuy nhiên, cuộc tiến quân của liên quân trên chặng đường này phải mất gần năm ngày và khá vất vả do hàng chục đồn trại của quân dân ta trên sông Cần Giờ phản kháng dữ dội, dù mỗi đồn chỉ vài chục đến 100 quân.

Chiều tối 15-2, quân nhà Nguyễn đấu pháo dữ dội suốt đêm với liên quân ở hai pháo đài cửa ngõ vào thành Gia Định là Vàm Cỏ và Cá Trê[71] cho đến tận trưa hôm sau mới thất thủ. Quân nhà Nguyễn còn dự định đánh hỏa công bằng thuyền gỗ chở thuốc súng và rơm nhưng bị liên quân phát hiện và đốt trước khi thuyền hỏa công đến gần tàu chiến Pháp.

[71] Nay là hai bên khu vực hầm Thủ Thiêm - theo Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh thì đồn Vàm Cỏ - tên chữ là ụ Hữu Bình nằm ở góc sông Sài Gòn - cầu Tân Thuận, nhưng theo bản đồ của Trần Văn Học vẽ năm 1815 thì có lẽ nằm ở hai bên hầm Thủ Thiêm. Khu vực Quận 2 cũ (nay là thành phố Thủ Đức), trên đường Nguyễn Cơ Thạch vẫn có cây cầu mang tên Cá Trê; đường Mai Chí Thọ có cây cầu Cá Trê Lớn.

Rạng sáng 17-2, sau khi chỉnh đốn lực lượng, toàn bộ liên quân dừng trên sông Sài Gòn (phía ngoài cảng Ba Son) và các tàu chiến đồng loạt nã pháo tấn công trực diện vào thành Gia Định[72] từ vị trí cách cổng chính hướng đông của thành khoảng 500 mét.

[72] Nay là khu vực ngã tư Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng.

Lúc ấy, phía ta có khoảng 1.000 - 2.000 quân (con số chưa thống nhất trong các nghiên cứu, sử liệu) trong thành đáp trả mãnh liệt với 200 khẩu pháo kiểu cũ nên ít nhiều gây tổn thất cho địch. Báo cáo sau đó của liên quân gửi về Pháp được Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh trích lại: "Người Việt Nam tự vệ mạnh mẽ, đường đạn của họ không phải là không chính xác, tàu La Dragonne bị trúng ba phát đạn, tàu Avalanche bị bảy phát..."[73].

[73] Nhiều tác giả, Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tập I, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.

Sau đó, liên quân bắc thang leo vô thành dễ dàng vì thành chỉ cao 4,7 mét. Kết quả là cổng thành phía đông nhanh chóng bị phá vỡ. Quân nhà Nguyễn trong thành lao ra đánh cận chiến bằng tất cả gươm hoặc súng đang có trong tay. Trong khi đó, phía liên quân tràn vào dùng súng bắn liên tục vào quân nhà Nguyễn vốn dùng súng hỏa mai, nạp đạn rất chậm.

Đến trưa ngày 17-2, thành Gia Định thất thủ hoàn toàn. Hộ đốc Võ Duy Ninh bị trọng thương. Sau khi ông lui quân về đến thôn Phước Lý (tổng Phước Lộc, huyện Tân Bình xưa) thì rút gươm tự sát. Bộ tướng là án sát Lê Từ cũng tự vẫn.

Trước đó, khi biết quân Pháp - Tây Ban Nha tiến vô cửa Cần Giờ, tướng Võ Duy Ninh[74] cấp báo năm tỉnh Nam kỳ để có thể phối hợp. Tuy nhiên, việc thành Gia Định thất thủ quá nhanh đã khiến quân đóng ngay tại thành Biên Hòa (vốn thuộc quyền của Tổng đốc Võ Duy Ninh) cũng không kịp kéo về tiếp ứng.

[74] Lúc này ông vừa nhậm chức tổng đốc hai tỉnh Gia Định và Biên Hòa hai ngày.

Ngay khi biết Gia Định thất thủ, Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long và Định Tường) Trương Văn Uyển lập tức gửi sớ về triều đình báo tin, đồng thời triệu tập các trấn thủ An Giang, Định Tường, Hà Tiên hợp sức lại rồi trực tiếp kéo quân tới đồn Lão Sầm (gần chùa Cây Mai) chờ phản công. Tuy nhiên, quân Pháp đã kịp tổ chức bao vây tấn công nên quân của Tổng đốc Long Tường phải lui về lại Vĩnh Long.

Nuối tiếc ngôi thành Phiên An cũ

Nguyên nhân thành Gia Định thất thủ nhanh chóng đã được nhiều sử gia phân tích.

Trong Việt Nam sử lược, sử gia Trần Trọng Kim cho rằng, "Ở Gia Định, bấy giờ tuy có nhiều binh khí, nhưng quân lính không luyện tập, việc võ bị bỏ trễ nải, cho nên khi quân Pháp ở cửa Cần Giờ tiến lên, quan hộ đốc là Vũ Duy Ninh vội vàng tự đi các tỉnh lấy binh về cứu viện" nhưng không kịp.

Theo GS. Trần Văn Giàu, "Lúc Pháp đến đánh, trong thành Gia Định chỉ có hơn 1.000 quân thủ thành, trong thành có đủ khí giới, lương thực cho 10.000 quân đóng giữ trong một năm. Điều đó chứng tỏ triều đình thờ ơ với sự phòng vệ, mặc dầu năm sáu tháng nay Pháp đánh Đà Nẵng, và từ hơn tuần nay đối phương vào Cần Giờ liên tiếp..."[75].

[75] Trần Văn Giàu, Tổng tập, tập I, Nxb. Quân đội Nhân dân, 2006, trang 70.

Ngoài những lý do mà các sử gia, nhà nghiên cứu đã nêu trên, chúng ta cũng cần kể đến yếu tố vũ khí hiện đại, vượt trội của các nước phương Tây. Tuy nhiên, nhiều người vẫn tiếc nuối cho rằng nếu còn ngôi thành cũ (thành Phiên An) thì có lẽ trận chiến đã không kết thúc nhanh như vậy.

Thành Phiên An (thường được gọi là thành Quy hoặc thành Bát Quái) được chúa Nguyễn Phúc Ánh cho xây năm 1790 khi ông chọn đất Sài Gòn làm kinh đô với tên Gia Định kinh. Thành do hai sĩ quan công binh Pháp là Olivier de Puymanel và Le Brun thiết kế, đốc công 30.000 dân phu bốn tỉnh Nam kỳ[76] lúc ấy là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long xây dựng.

[76] Nam kỳ thời điểm ấy có sáu tỉnh là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Thành theo kiến trúc Vauban hiện đại nhất của Pháp lúc ấy nhưng có hình bát quái theo phong cách Á Đông. Tường thành chính cao 4,8 mét xây bằng đá Biên Hòa, chịu đựng tốt với súng, đạn pháo hiện đại nhất thời đó.

Thành Phiên An có thiết kế và xây dựng rất phức tạp với thành trong thành, hào trong hào phòng khi đoạn thành nào thất thủ thì quân thủ thành có thể lùi sang đoạn thành trong mà vẫn tiếp tục kháng cự bình thường. Vì thành ngoài bằng đất, thành trong bằng đá nên kiên cố hơn. Mỗi cạnh thành có tám cửa, tám pháo đài, súng hay pháo bắn xen kẽ qua lại rất lợi hại. Đây là ngôi thành được nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu khẳng định là kiên cố, lớn nhất của triều Nguyễn.

Năm 1835, sau khi dẹp loạn Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng hạ lệnh phá hủy toàn bộ thành Phiên An. Một năm sau, vua cho xây một thành khác nhỏ hơn nằm ở phía đông bắc thành cũ, gọi là thành Gia Định (còn gọi là thành Phụng). Theo Đại Nam nhất thống chí, thành Gia Định mới có chu vi khoảng 1.960 mét (trong khi thành cũ là 4.000 mét) và diện tích chỉ bằng một phần tư so với thành cũ. Thành mới cũng được xây theo mẫu kiến trúc Vauban bằng đá ong Biên Hòa nhưng nhỏ và dễ bị bắn phá hơn vì chỉ có bốn pháo đài. Vì nhỏ và đơn giản nên thành mới chỉ cần 10.000 dân phu xây trong hai tháng đã xong.

Nhiều người cho rằng nếu còn thành Phiên An, quân dân Gia Định có thể thủ thành thêm ít nhất vài ngày nữa. Và khi ấy, hơn 5.000 quân của các tỉnh Nam kỳ có thể kịp tiếp viện với đầy đủ vũ khí và tinh thần chống xâm lược vốn có của dân tộc Việt.

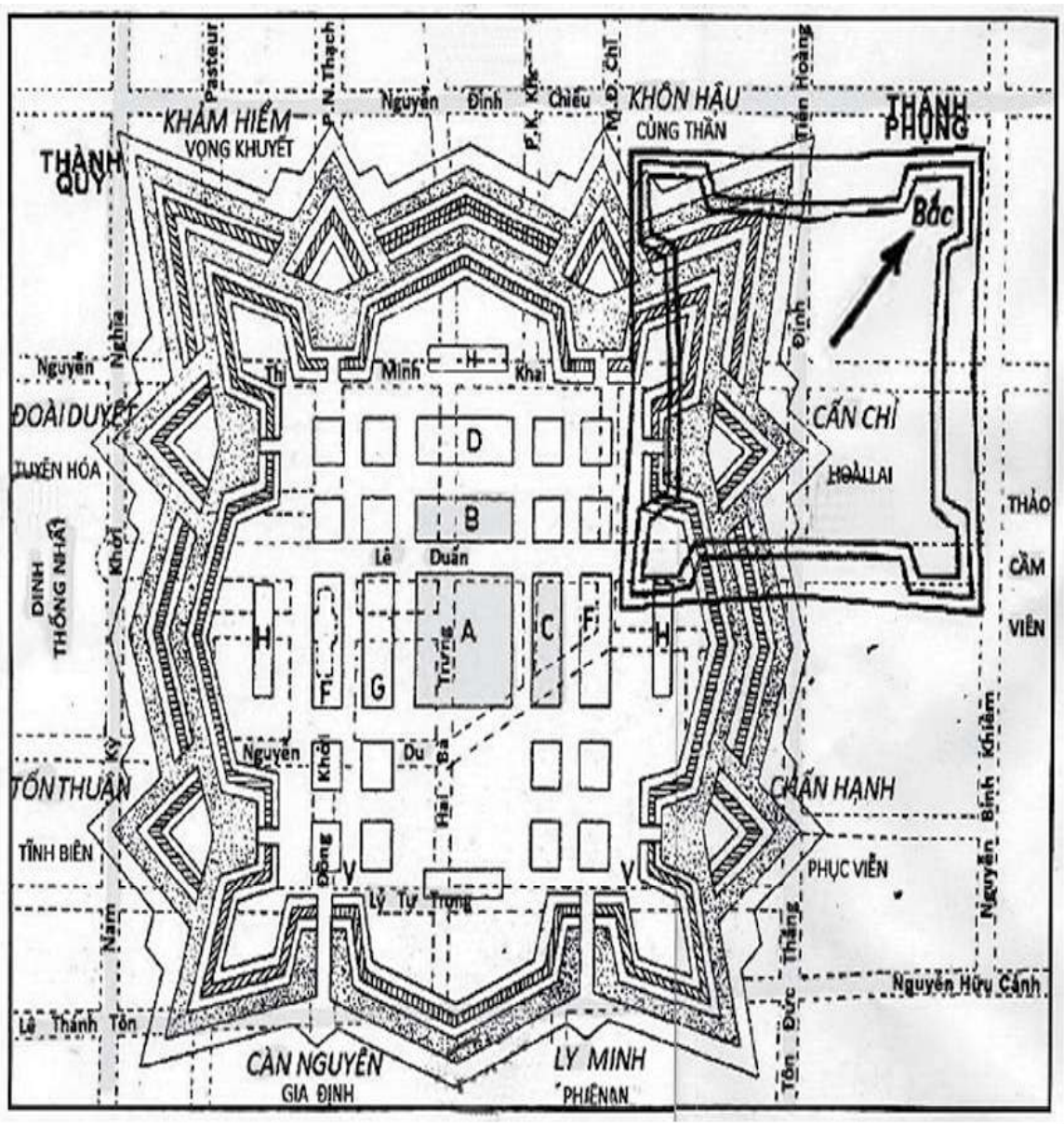

Vị trí hai ngôi thành Phiên An (thành Bát Quái) và thành Gia Định (thành Phụng) tương ứng với các con đường ngày nay. - Ảnh tư liệu.

Trần Văn Học - người vẽ trục đường đầu tiên của Sài Gòn

Năm 1790, chúa Nguyễn Phúc Ánh cho xây thành Phiên An từ thiết kế của hai sĩ quan công binh Pháp Olivier de Puymanel và Le Brun. Riêng Trần Văn Học được giao trách nhiệm "phác họa đường sá và phân khu phố phường" đường bên trong thành và cả quy hoạch phố thị nằm ngoài thành lũy. Những phác thảo này của ông dựa trên các cạnh của thành Phiên An và sau đó trở thành khung sườn cho các quy hoạch của Sài Gòn thời Pháp thuộc cho đến tận ngày nay.

Đường Catinat (trước 1975 là Tự Do, nay là Đồng Khởi) vốn là con đường từ một cổng thành Phiên An ra sông Sài Gòn. - Nguồn: Collection Poujade de Ladevèze.

Người Việt đầu tiên vẽ bản đồ theo kỹ thuật phương Tây

Trần Văn Học là người huyện Bình Dương, Gia Định[77]. Ông là một võ tướng tuy có công rất lớn từ khi chúa Nguyễn Phúc Ánh bôn tẩu đến lúc lên ngôi vua, như: từng đưa mẹ và gia quyến của Nguyễn Ánh chạy sang Cao Miên khi bị Tây Sơn truy đuổi; đưa hoàng tử Cảnh đi cầu viện nước ngoài... nhưng cuộc sống của ông lại khá bình lặng.

[77] Cụ thể là khu vực ngã năm Bình Hòa (Quận Bình Thạnh, TP. HCM) và ông cũng được chôn tại đây sau khi mất.

Tuy là võ tướng nhưng ông không chỉ biết chữ Nho mà còn giỏi Quốc ngữ và tiếng Latin nên luôn là trợ tá đắc lực cho chúa Nguyễn Phúc Ánh trong việc thông ngôn, dịch sách (nhất là các sách kỹ thuật phương Tây) và kiêm cả việc chế tạo hỏa xa, địa lôi và các loại binh khí. Ngoài ra, ông còn là người Việt đầu tiên vẽ bản đồ Sài Gòn - Gia Định theo phương pháp phương Tây nhờ học tập được kỹ thuật này trong quá trình bôn tẩu tại nhiều nước như Xiêm La (Thái Lan), Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Pháp, Bồ Đào Nha...

Khi Pháp chiếm xong Gia Định và bắt đầu những quy hoạch đầu tiên, các trục đường do Trần Văn Học vẽ ngay lập tức trở thành trục lộ chính của đô thị Sài Gòn. Chẳng hạn như đường Đồng Khởi[78] đã hiện hữu từ trước khi Pháp đánh chiếm Sài Gòn, vốn là con đường mà chúa Nguyễn từ trong thành đi ra bờ sông nghỉ mát và tắm (có tên xưa là Bến Ngự). Sau khi người Pháp chiếm Gia Định, ít nhất có 26 con đường của Trần Văn Học được đánh số thứ tự từ 1 đến 26. Mãi cho đến 1-2-1865, Đề đốc De La Grandière mới lần lượt bỏ dần những con số này và thay bằng tên đường.

[78] Thời Pháp ban đầu tên là đường số 16, sau đổi thành đường Catinat, nay là Đồng Khởi.

Các trục đường do ông thiết kế năm 1790 (vẽ năm 1815) hiện nay vẫn còn là những trục lộ chính của một TP. HCM hiện đại: hướng Đông lên các tỉnh miền Trung, miền Bắc; hướng Tây đi về các tỉnh miền Tây; hướng Bắc đi Campuchia và hướng Nam xuống khu vực Nhà Bè, Cần Giờ. Phố xá, khu nhà ở, khu buôn bán sắp đặt linh hoạt theo hệ thống sông nước vùng Sài Gòn xưa thể hiện rất rõ sự sáng tạo của một nhà quy hoạch tầm cỡ. Những hình dáng của Sài Gòn xưa ấy giờ vẫn là khung sườn của khu trung tâm TP. HCM hiện nay.

Năm 1792, Trần Văn Học vẽ họa đồ thành Mỹ Tho và đường phố quanh thành. Năm 1821, vua Minh Mạng sai ông vẽ bản đồ núi sông, đường sá các trấn của tỉnh Gia Định đến Tây Ninh[79] sát biên giới với Chân Lạp (Campuchia) với lời dụ: "Ngươi không còn sống bao lâu, há chẳng nghĩ đến việc lưu danh hậu thế?". Nhưng dự tính của vua Minh Mạng không thành vì chỉ ít lâu sau thì ông mất.

[79] Tỉnh Gia Định thời Gia Long bao gồm cả tỉnh Bình Dương, Tây Ninh hiện nay.

Dịp 300 năm Sài Gòn - TP. HCM năm 1998, Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật TP. HCM tổ chức hội thảo Vai trò khoa học và kỹ thuật của Trần Văn Học trong lịch sử 300 năm thành phố. Theo Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh: "Ông được đánh giá là người rất có tài vẽ địa đồ, họa đồ kỹ thuật. Đem so sánh bản đồ Sài Gòn 1799 của Dayot với bản đồ Gia Định 1815 của Trần Văn Học thì về kỹ thuật đồ bản như trắc địa hay tỉ lệ, bản đồ của ông Học chính xác hơn nhiều..."[80].

[80] Nhiều tác giả, Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tập I, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, trang 190.

Danh sách các di tích tại Cochinchine (Nam kỳ) thời Pháp do Học viện Viễn Đông - Pháp (École Française d'Extrême - Orient) được toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 19-5-1925, mộ Trần Văn Học ở xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định xếp thứ chín.

Sự nhầm lẫn hơn nửa thế kỷ

Tuy nhiên, từ giai đoạn thuộc Pháp cho đến trước 1975, người ta đã nhầm lẫn họ của ông từ họ Trần thành họ Nguyễn. Thậm chí trước 1975, từng có một con đường mang tên Nguyễn Văn Học (nay là Nơ Trang Long) và một bệnh viện mang tên Nguyễn Văn Học (nay là Bệnh viện Nhân dân Gia Định).

Theo tờ trình của ông H. Mauger, quản thủ Viện Bảo tàng Sài Gòn và kỷ yếu của Học viện Viễn Đông của Pháp, Vương Hồng Sển viết trong Sài Gòn năm xưa: "Trước kia Pháp gọi là 'tombeu du Maréchal Nguyễn Văn Học'. Nay truy ra không có công thần nào triều Nguyễn có tên họ như vậy. Có chăng là ông Trần Văn Học, tác giả bức địa đồ tỉnh Gia Định họa năm 1815"[81].

[81] Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 174-175.

Nhà nghiên cứu Nghiêm Thẩm giải thích: "Sở dĩ H. Mauger ghi Trần Văn Học họ Nguyễn, vì ông nghe những người ở xung quanh ngôi mộ

cổ nói vậy. Nhưng tra kỹ trong Đại Nam chính biên liệt truyện, chỉ thấy có giám thành Trần Văn Học, và không thấy chép việc ông Học được phép vua cho mang họ Nguyễn (quốc tính) bao giờ (...). Chắc vì ông Học không có con hay thân nhân và cũng vì các người ở gần khu mộ nhớ lộn họ của ông nên ông H. Mauger mới ghi sai”[82].

[82] Công trình sư Trần Văn Học, Tạp chí Văn hóa - Sài Gòn, 1962.

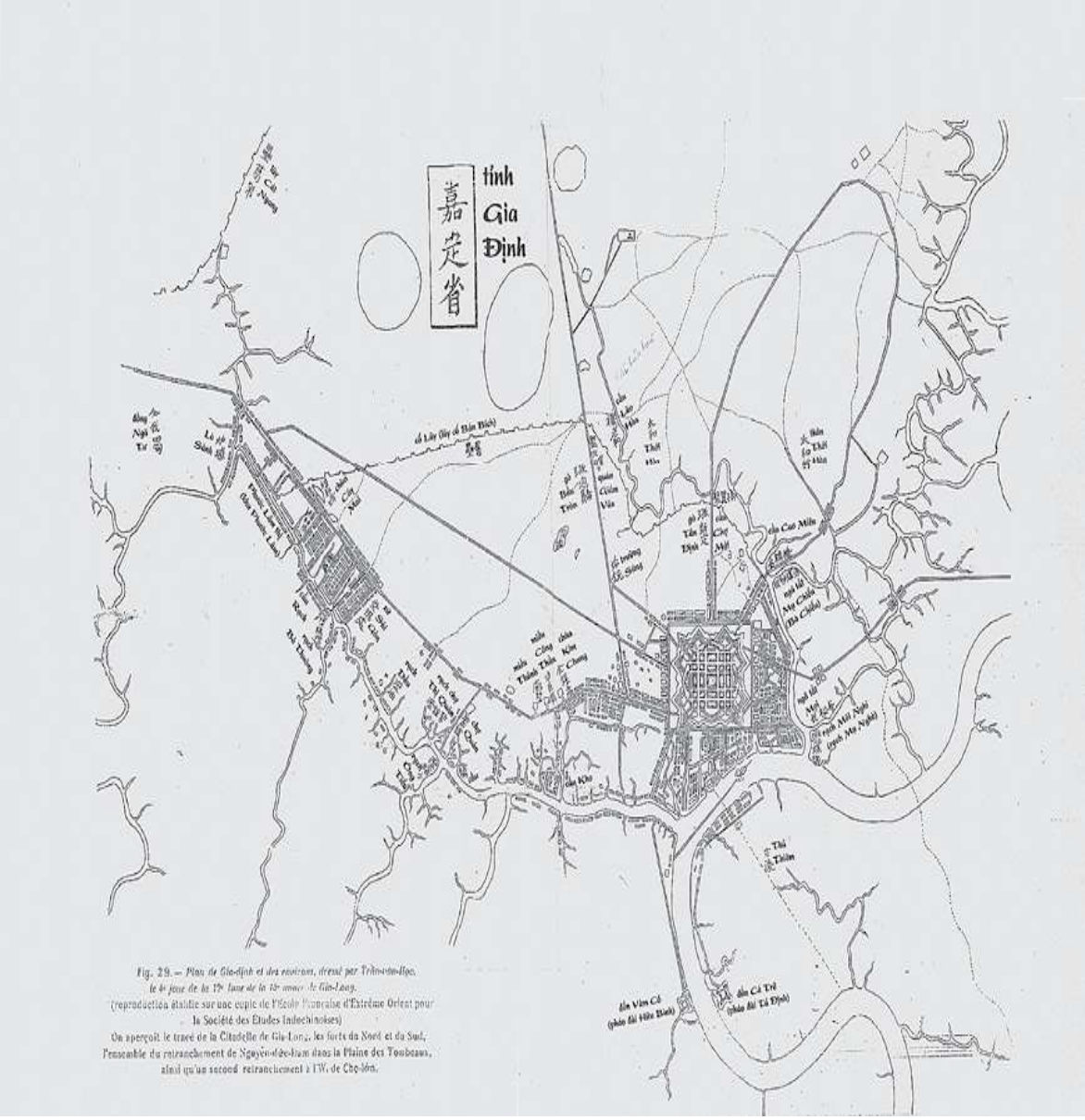

Nguyên bản họa đồ Gia Định - Sài Gòn - Chợ Lớn do Trần Văn Học vẽ năm 1815, Việt hóa bởi Nguyễn Đình Đầu.- Ảnh tư liệu.

Bí ẩn ba con đường xéo giữa một Sài Gòn xưa vuông vức

Đó là ba con đường[83] Trần Quang Khải (Quận 1), Lý Chính Thắng và Kỳ Đồng (Quận 3) với những hình ảnh lạ: chạy xéo, liền mạch nhau theo một hướng và dường như cao hơn khu vực xung quanh... Bí ẩn gì ở đây?

[83] Chỗ này chỉ nói ba con đường thuộc khu vực trung tâm Sài Gòn xưa vì thật ra còn một số tuyến đường liền mạch ba đoạn đường chính này.

Có thể thấy cả ba con đường đều không theo quy hoạch vuông vức của Sài Gòn thời Pháp thuộc bởi chúng vốn là một phần trong kế hoạch phòng thủ lẫn quy hoạch khá hoàn hảo trước đó vào năm 1772 của Nguyễn Cửu Đàm, đó là lũy Bán Bích.

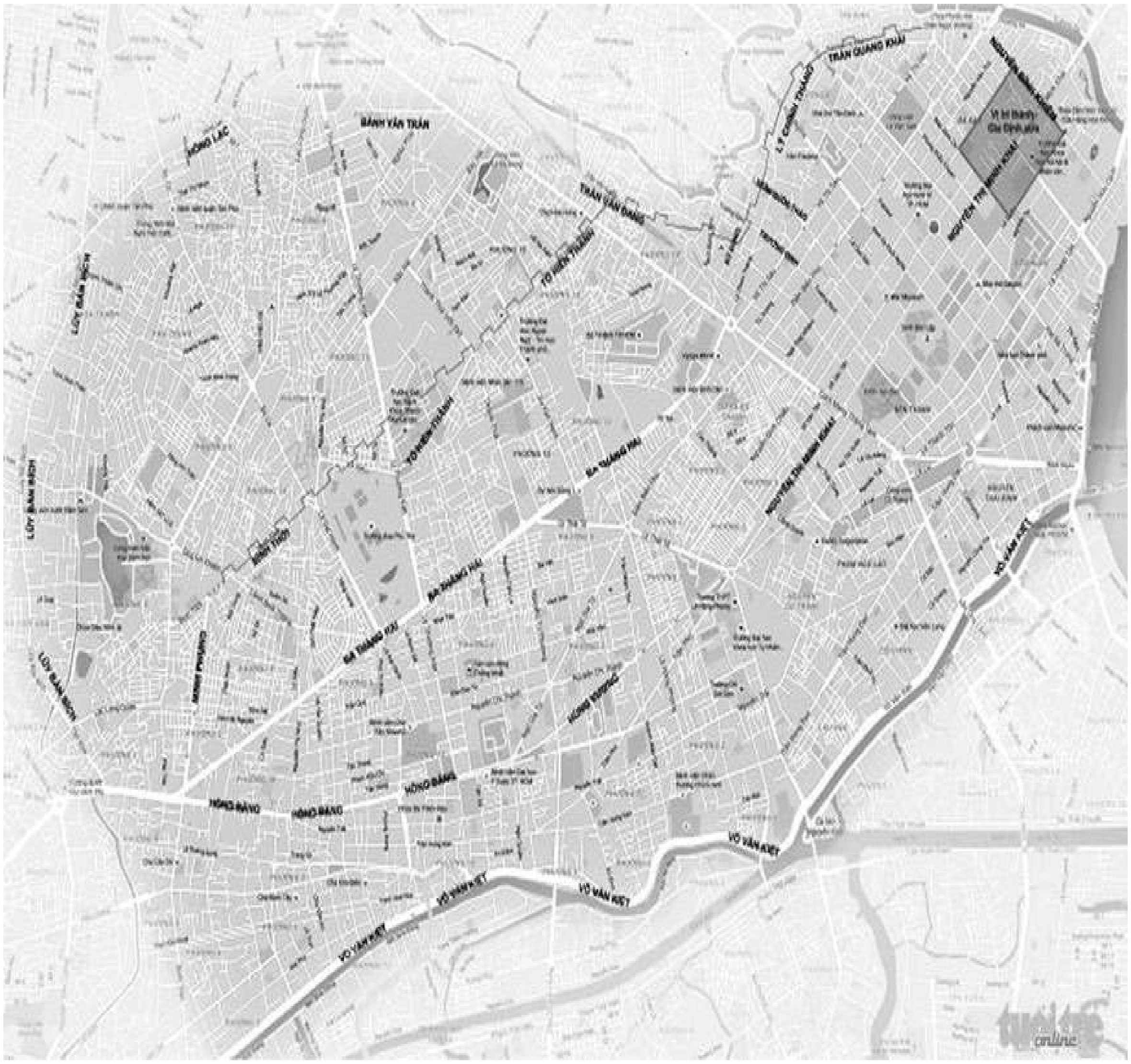

Vị trí lũy Bán Bích được xây dựng năm 1772 so với bản đồ hiện nay. Đồ họa: Trị Thiên.

Ra đời từ bao cơn binh lửa

Năm 1698, chúa Nguyễn cử Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam, thiết lập chính quyền, đơn vị hành chính, chia tỉnh lỵ... từ đó chính thức

xác lập chủ quyền của người Việt trên vùng đất mới: lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (Quảng Bình mới), đặt ra hai dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định).

Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (tức xóm Thủy Trại, gần đường Tôn Đức Thắng hiện nay), Tân Khai (khu vực cầu Mống), Long Điền, xóm Than, Bàu Sen (Cây Mai), Lò Bún, Cây Củi, Rẫy Cải, Ụ Ghe... với khoảng hơn 10.000 dân và là thủ phủ của dinh Phiên Trấn.

Tuy nhiên, ngay tên gọi trấn cũng cho thấy đây vẫn còn là khu vực quân sự khi liên tục có những cuộc giao tranh giữa nhiều thế lực quân sự trong nước như: chúa Nguyễn, quân Tây Sơn và những người Minh Hương[84] di cư từ Trung Quốc. Ngoài ra, khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn còn bị các thế lực ngoại bang như Xiêm La (Thái Lan), Chân Lạp (hay Cao Miên, tức Campuchia ngày nay) liên tục quấy nhiễu từ hướng Tây.

[84] Những người Hoa di cư sang Việt Nam do trung thành với nhà Minh và không thần phục nhà Thanh.

Trịnh Hoài Đức (1765-1825) ghi nhận trong Gia Định thành thông chí về nền lũy Hoa Phong do Thống suất Chưởng cơ Nguyễn Lễ (Nguyễn Hữu Cảnh) sai đắp năm 1700 để chống Cao Miên vẫn còn. Nghĩa là lũy Hoa Phong này từng tồn tại đến ít nhất 120 năm. Theo nhà văn Sơn Nam, người chỉ huy công trình là một thuộc tướng của Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh tên Cầm nên còn gọi là lũy Lão Cầm[85]. Ông cũng cho biết thêm, năm 1731, lũy Tây Hoa được đắp nối với lũy Lão Cầm do lúc ấy, một người Lào tên là Sa Tốt xách động một nhóm người Chân Lạp quấy nhiễu Bến Lức (Long An), 18 thôn Vườn Trầu (Hóc Môn)[86].

[85] Theo Sơn Nam thì lũy này hiện nay thuộc khu vực đường Địa Đạo, Quận Tân Phú, TP. HCM.

[86] Sơn Nam, Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm và Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Trẻ, 2008, trang 190.

Một người Gia Định dựng lũy Bán Bích

Nguyễn Cửu Đàm (?-1777) quê Gia Định, là một danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Thuần với hàm Hữu quân Phó tiết chế, tước Đàm Ưng hầu. Ông vốn là anh trai bà Thị Nghè (người đã xây cây cầu mà ngày nay vẫn mang tên bà).

Năm 1767, Miến Điện (Myanmar) tấn công Xiêm La và bắt vua Xiêm. Năm 1768, một người gốc Quảng Đông (Trung Quốc) tên Taksin (tức Trịnh Quốc Anh) khởi binh lên làm vua nước Xiêm La. Vua Cao Miên là Nặc Tôn cho rằng Taksin không phải người Xiêm nên không chịu cống nạp. Viện lý do này, Taksin kéo quân qua Cao Miên hạ bệ Nặc Tôn, thay bằng Nặc Nộn và chiếm đóng Nam Vang (Phnom Penh). Cuối năm 1771, Taksin đem binh thuyền vây Hà Tiên để bắt con vua Xiêm La cũ là Chiêu Thúy. Đô đốc Mạc Thiên Tứ chạy về Cần Thơ. Tháng 6-1772, chúa Nguyễn Phúc Thuần cử Thống suất Nguyễn Cửu Đàm đem quân tái chiếm Hà Tiên. Cả Taksin lẫn Nặc Nộn tháo chạy. Nguyễn Cửu Đàm phản công tới tận Nam Vang, đưa Nặc Tôn về làm vua lại, rồi rút quân về Gia Định.

Đề phòng quân Xiêm quay lại quấy rối, cuối năm 1772, Thống suất Nguyễn Cửu Đàm cho đắp lũy Bán Bích[87] dài khoảng tám cây số rưỡi từ cầu Cao Miên (cầu Bông) men theo rạch Thị Nghè[88], lên phía Bắc[89] cắt ngang đường thiên lý[90] đi thẳng và bao trọn khu vực Quận 5 hiện nay;

tạo thành một vòng cung bao quanh Sài Gòn - Chợ Lớn. Với rạch Thị Nghè (hướng Bắc), sông Sài Gòn (Đông), rạch Bến Nghé (Nam) và lũy Bán Bích (Tây), cả vùng Sài Gòn - Chợ Lớn nằm trong một khu vực phòng thủ từ xa có diện tích khoảng 25km².

[87] Hiện nay, tên võ tướng Nguyễn Cửu Đàm và lũy Bán Bích được đặt tên cho hai con đường ở Quận Tân Phú, TP. HCM. Riêng đường Lũy Bán Bích chạy dài từ Quận Tân Phú tới Quận 11 thuộc đoạn cuối của lũy Bán Bích.

[88] Gần khớp với ba con đường Trần Quang Khải, Lý Chính Thắng và Kỳ Đồng.

[89] Tương đương đường Trần Văn Đang ngày nay.

[90] Đường thiên lý xưa đi thẳng đến Campuchia, nay là đường Cách Mạng Tháng Tám - Trường Chinh - Quốc lộ 22.

Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, với tuyến phòng thủ sông rạch tự nhiên cùng với lũy Bán Bích, "thành phố này không còn sợ gì bất trắc nữa. Trong thực tế, quân Xiêm đã xâm phạm bờ cõi phía Nam nhiều lần, song lần nào cũng bị quân Việt đánh tan trước khi tới cửa ngõ thành phố".

Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ này không cản nổi lực lượng Tây Sơn từ biển Cần Giờ tấn công nhiều lần suốt 12 năm (1776-1788) để tận diệt dòng họ chúa Nguyễn.

Giai đoạn hình thành phố thị

Sau khi lũy Bán Bích xây dựng xong, khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn hoàn toàn vững vàng trước các thế lực quân sự nước ngoài muốn tấn công từ phía Bắc và phía Tây thành phố. Không dừng ở đó, cuối năm 1772, Thống suất Nguyễn Cửu Đàm cho đào kinh Ruột Ngựa[91] (tên chữ là Mã trường giang)thẳng "như ruột ngựa" chạy từ cửa Rạch Cát cho đến Lò Gốm (tức thông từ Bến Nghé ra miền Tây) để thuận tiện cho thuyền bè buôn bán, vận chuyển hàng hóa, gạo... xuống miền Tây.

[91] Theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức: "Nguyên xưa từ Rạch Cát ra phía Bắc đến Lò Gốm thì có một đường nước đọng móng trâu, ghe thuyền đi lại không được... Nguyễn Cửu Đàm có đào con kinh thẳng như ruột ngựa nên mới đặt tên ấy. Kinh này sau đó đã giúp cho thuyền bè qua lại giữa Sài Gòn với miền Tây thêm thuận lợi".

Thế là từ đó, hàng loạt những thôn xóm, khu dân cư trong tuyến phòng thủ này được hình thành và phát triển sầm uất mà bài Cổ Gia Định phong cảnh vịnh đầu thế kỷ 18 đã mở đầu bằng những vần thơ ca ngợi:

Phủ Gia Định, phủ Gia Định, nhà đủ người no chốn chốn

Xứ Sài Gòn, xứ Sài Gòn, ở ăn vui thú nơi nơi...

Kinh Ruột Ngựa giúp thông thương về miền Tây

Trước đó, độ tấp nập của ghe thuyền trên rạch Bến Nghé đã khiến hệ thống kinh rạch của Sài Gòn - Chợ Lớn có biểu hiện quá tải. Sau khi xây dựng lũy Bán Bích, Nguyễn Cửu Đàm đã cho đào kinh Ruột Ngựa giúp cho ghe thuyền qua lại giữa Sài Gòn với miền Tây được thuận lợi.

Với hệ thống đường thủy sẵn có và tuyến đường bộ thông thương từ tây sang đông, và xa hơn nữa là các tỉnh miền Trung và miền Bắc, nguồn hàng hóa và nhân lực từ hai hướng này không ngừng đổ về Sài Gòn - Chợ Lớn. Chỉ 18 năm sau (1790), Nguyễn Ánh đã có đủ nguồn lực kinh tế xây thành Gia Định đồ sộ, thậm chí lớn hơn cả kinh thành Huế được xây sau đó. Số lượng nhân công là 30.000, quá nửa là người đến từ các tỉnh khác.

Trải qua bao cơn bể dâu…

Ngay sau đó, suốt 12 năm từ 1776-1788, quân Tây Sơn nhiều lần xuôi thuyền vào Nam tìm diệt Nguyễn Ánh, đồng thời tàn phá cơ sở vật chất và đốt sạch các kho bãi ven rạch Bến Nghé. Tuy nhiên, Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn nhanh chóng gượng dậy phát triển mạnh mẽ và trở thành hậu phương cực lớn cả về kinh tế lẫn quân sự, tạo điều kiện cho chúa Nguyễn tiến ra miền Trung lật đổ nhà Tây Sơn và lập nên triều đại nhà Nguyễn.

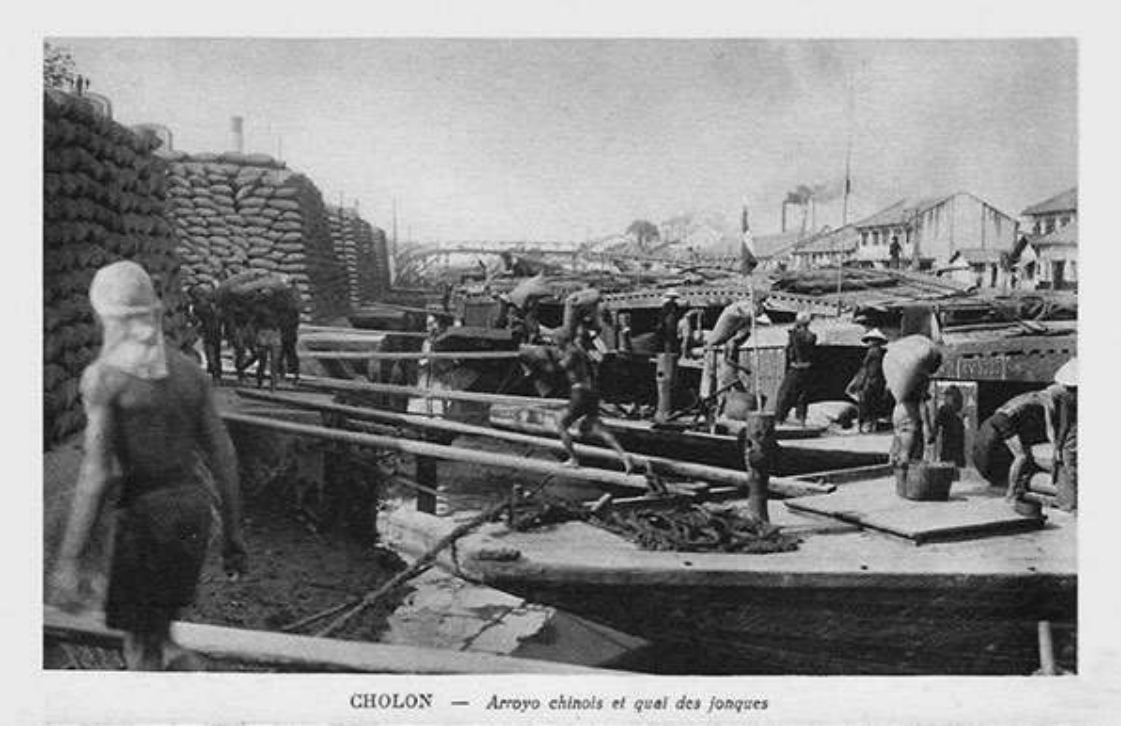

Bốc dỡ gạo từ các ghe đậu trên kinh Tàu Hủ lên các kho bãi dọc bến Bình Đông và bến Mỹ Tho (quai de Mytho) thời Pháp thuộc.

- Ảnh tư liệu.

Năm 1802, khi chiến tranh chấm dứt, ngay lập tức, Sài Gòn - Chợ Lớn nhanh chóng trở lại tấp nập. Hàng hóa hai bên rạch Bến Nghé lại dồi dào được thể hiện rõ trong Cổ Gia Định phong cảnh vịnh (đầu thế kỷ 19):

Đông đảo thay phường Mỹ Hội

Sum nghiêm bấy làng Tân Khai[92]

[92] Phường Mỹ Hội và làng Tân Khai thuộc khu trung tâm hành chính Quận 1 ra tới cầu Mống hiện nay.

Ngói liễn đuôi lân, phố thương khách nhà ngang nhà dọc

Hiên sè cánh én, nhà quan nhà dân hàng vắn hàng dài

Và khu vực Chợ Lớn cũng rộng "thinh thinh, góp nhóp bốn phương đủ hết loài rừng vật biển". Đường thủy thuận lợi nên hàng hóa từ khắp nơi cả trong và ngoài nước đã ngay lập tức tràn về Sài Gòn:

Thuyền An Nam lui tới,

ghe đen mũi ghe vàng mũi vào ra coi lòa nước,

Người phương Đông qua lại, tàu xanh mang,

tàu đỏ mang hàng hóa chất ngất trời.

Sau vài chục năm yên ổn phát triển, đến năm 1833, Sài Gòn lại dậy cơn binh lửa trong cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi (con nuôi Lê Văn Duyệt). Tuy trong thành Phiên An chỉ có 2.000 lính thủ thành, nhưng nhờ lợi thế lũy cao hào sâu, nguồn lực kinh tế dồi dào và tiềm lực quân sự vững chãi nên hàng vạn lính triều đình Huế phải mất hai năm mới hạ được

thành. Ngay sau đó, vua Minh Mạng ra lệnh: "chém đầu toàn bộ người trong thành cũng như ngoài thành vài dặm, bất kể già trẻ trai gái"[93].

[93] Tổng cộng 1.831 người, theo Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim).

Một năm sau (1836), thành Gia Định mới (thành Phụng) được xây nhỏ chỉ bằng một phần tư thành cũ do lúc này kinh đô của nhà Nguyễn đã đặt tại Huế. Tuy mất hàng ngàn người trong giai đoạn dân cư còn thưa thớt và cơ sở kinh tế bị tàn phá nặng nề, nhưng với tinh thần mạnh mẽ của những người miền ngoài đi mở cõi, Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ tạm ngưng trệ ít lâu rồi lại tiếp tục phát triển.

Hơn 20 năm sau, người Pháp dùng Gia Định để làm bàn đạp xâm chiếm Việt Nam. Tài nguyên của Sài Gòn - Chợ Lớn lúc ấy dồi dào đến mức cơn binh lửa đã làm tan nát một vùng kinh tế cung ứng của cải cho cả khu vực miền Trung lẫn kinh thành Huế. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã đau đớn thốt lên trong bài thơ Chạy giặc:

Bến Nghé[94] của tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây...

[94] Tên gọi của vùng Sài Gòn xưa.

Người Pháp đối mặt với các thách thức về quy hoạch của Sài Gòn - Chợ Lớn buổi đầu

“Từ tháng 6-1860, quan quân An Nam có ý cô lập người Pháp với thành phố Tàu (Chợ Lớn), nơi tồn trữ gạo mà người Pháp xuất đi từ cảng Sài Gòn (...). Chúng ta buộc phải giữ vững[95]...” - đó là ghi chép của trung úy hải quân Pháp Léopold Pallu, sĩ quan tùy viên Tổng hành dinh của Đề đốc Leonard Charner khi nói về cục diện quân sự giữa quân Pháp và quân dân Việt trước trận đánh đại đồn Chí Hòa (24-2-1861).

[95] Lịch sử cuộc viễn chinh Nam kỳ năm 1861 - Histoire de L’Expédition de Cochinchine en 1861, Nxb. Hachette, Pháp, 1864.

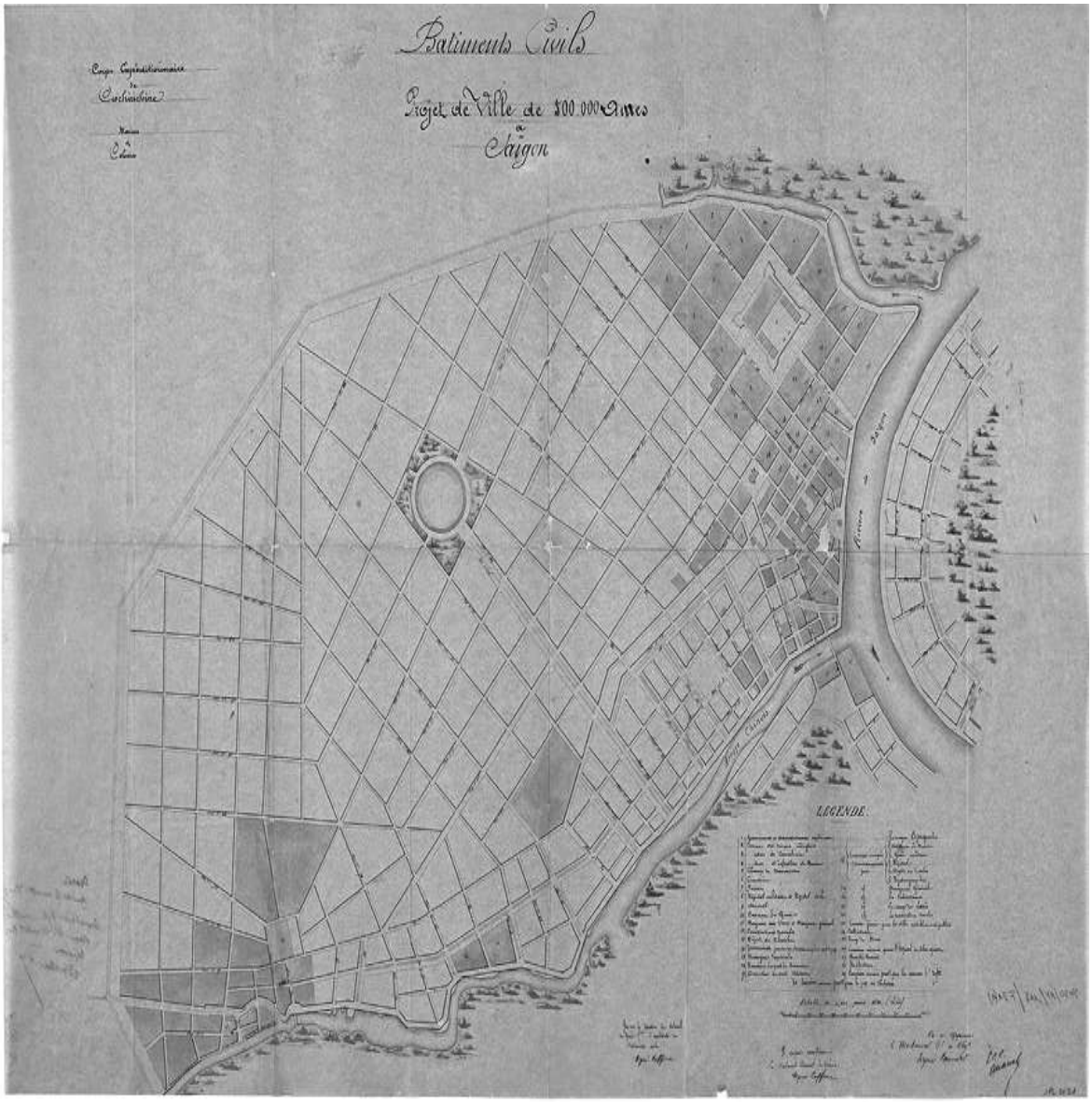

Dự án thành phố 500.000 dân của trung tá Coffyn năm 1862. Các con đường ngang dọc của thành phố hầu hết song song với bốn cạnh thành Gia Định. - Ảnh tư liệu.

Đoạn ghi chép này cho thấy rõ ngay sau khi đánh chiếm Gia Định, người Pháp đã hiểu được mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ giữa Sài Gòn và Chợ Lớn cũng như tầm quan trọng của đường thông thương cốt tử giữa

Sài Gòn - Chợ Lớn với khu vực miền Tây trù phú mà người Pháp có thể thu lợi ngay bằng cách xuất khẩu gạo.

Quy hoạch đầu tiên thất bại với tầm nhìn 500.000 dân

Sau khi Pháp hạ thành Gia Định (1859) và đại đồn Chí Hòa (1861), khu vực phòng thủ Sài Gòn - Chợ Lớn của Thống suất Nguyễn Cửu Đàm xác lập năm 1772 được người Pháp tiếp tục thừa kế và áp dụng cho quy hoạch mới. Ngày 11-4-1861, Phó đô đốc Léonard Charner ra nghị định xác định địa giới thành phố Sài Gòn (ville de Saigon) gồm phía đông là sông Sài Gòn; phía bắc là rạch Thị Nghè; phía nam là rạch Bến Nghé; phía tây từ chùa Cây Mai đến đồn Kỳ Hòa; diện tích khoảng 25km². Đây là vùng quy hoạch tương đương với địa giới phòng thủ mà tướng Nguyễn Cửu Đàm đã xác lập 89 năm trước đó.

Ngày 30-4-1862, để triển khai cụ thể nghị định dựa trên địa giới này, Trung tá công binh Coffyn đã lập một dự án quy hoạch nổi tiếng Thành phố Sài Gòn 500.000 dân (Saigon ville de 500.000 âmes), tức khoảng 20.000 dân/km² (50m²/người) gồm cả đường sá, công viên[96]... Cần lưu ý thời điểm đó dân số hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn chỉ khoảng 100.000 người. Với quy hoạch này, rõ ràng người Pháp muốn liên kết hai vùng dân cư đông đúc (nhưng cách nhau năm cây số) này để nằm dưới một bộ máy quản lý duy nhất.

[96] Xem hình trang 134.

Tuy nhiên, chính quyền Pháp sau đó nhận ra quy hoạch này quá lớn so với tổng dân số của Sài Gòn - Chợ Lớn thời điểm đó. Ngày 3-10-1865,

Chuẩn đô đốc Pierre Rose - quyền Thống đốc Nam kỳ - đã ban hành nghị định về một quy hoạch mới của Sài Gòn - Chợ Lớn[97].

[97] Xem hình trang 137.

Với nghị định này, thành phố Sài Gòn chỉ còn là khu vực bao quanh bởi rạch Thị Nghè ở hướng Bắc; sông Sài Gòn ở hướng Đông; rạch Bến Nghé ở hướng Nam và phía Tây là khu cầu Ông Lãnh ngày nay. Sài Gòn lúc này chỉ rộng khoảng 3km², tức gần một nửa Quận 1 hiện nay (8km²) với 24 đường phố lớn nhỏ và các cơ quan công quyền. Cách thành phố Sài Gòn năm cây số là thành phố Chợ Lớn có diện tích khoảng trên 3km² với 31 đường phố lớn nhỏ[98].

[98] Hiện là khu vực Quận 5 và một phần của Quận 6 - rộng 4 km².

Ngày 8-1-1877, Tổng thống Pháp Mac Mahon ra Sắc lệnh về tổ chức Thành phố Sài Gòn (Décret concernant l'organisation municipale de la Ville de Saigon) có hiệu lực từ 16-5-1877. Với sắc lệnh này, Sài Gòn rộng thêm về phía tây nam đến khu vực cầu Ông Lãnh, phía đông bắc đến đường Điện Biên Phủ, khu vực công viên Lê Văn Tám hiện nay[99].

[99] Xem hình trang 138.

Ngày 17-12-1894, một nghị định mới mở rộng địa giới thành phố Sài Gòn về phía Bắc đến khu vực Hòa Hưng hiện nay. Diện tích Sài Gòn rộng thêm 4km² bao gồm diện tích Quận Nhứt cũ[100] và Quận 3 ngày nay. Nghị định mới này cũng mở rộng Sài Gòn về hướng Bắc gần sát với lũy Bán Bích mà Nguyễn Cửu Đàm xây dựng năm 1772.

[100] Sau 1975, Quận Nhì sáp nhập vào Quận Nhứt trở thành Quận 1 hiện nay.

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra nghị định thành phố Sài Gòn nằm trong tỉnh Gia Định, còn thành phố Chợ Lớn nằm trong tỉnh Chợ Lớn. Lúc này, Sài Gòn và Chợ Lớn thuộc hai tỉnh với hai hệ thống hành chính và nền kinh tế khác nhau.

Bản đồ thành phố Sài Gòn 1867 khi phía Tây chỉ đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (lúc này mang tên Impératrice).

- Ảnh tư liệu.

Bản đồ thành phố Sài Gòn 1878, khi này ranh giới phía Bắc gần sát rạch Thị Nghè. - Ảnh tư liệu.

Thành lập Khu Sài Gòn - Chợ Lớn

Sau khi duy trì địa giới hành chính này được 11 năm, có lẽ người Pháp nhận thấy rằng khó có thể tách rời Sài Gòn và Chợ Lớn vốn luôn bổ trợ cho nhau không chỉ an ninh, quốc phòng mà cả kinh tế. Vì vậy, năm 1910, hai thành phố lại được mở rộng thêm diện tích bằng cách sáp nhập các xã thôn nằm giữa (vốn trước đó thuộc hai tỉnh Gia Định và Chợ Lớn), và dần tiếp giáp nhau tại vị trí mà nay là đường Nguyễn Văn Cừ và Nguyễn Thiện Thuật[101]. Trong khi đó, địa giới của thành phố Sài Gòn cũng được mở rộng về phía Nam, bao gồm Quận 4 và một phần Quận 7 ngày nay.

[101] Hiện nay, khu vực này các món ăn Việt - Hoa chung sống bên nhau rất thú vị, chẳng hạn quán cháo tiều Cô Út và tiệm giò chả Nghĩa khá gần nhau, cả hai đều đông khách.

Kết quả, vào ngày 27-4-1931, tổng thể Sài Gòn - Chợ Lớn đã chính thức sáp nhập với một sắc lệnh của Tổng thống Pháp lúc đó với tên Khu Sài Gòn - Chợ Lớn (Région de Saigon - Cholon), đứng đầu là Khu trưởng, do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm. Cuối năm 1941, các Tòa Thị chính của hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn bị giải thể. Thời điểm này, toàn Khu Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ có năm quận, rồi lên sáu quận (1948) và cuối cùng thành bảy quận (1952).

Kinh thắt lưng[102] cho Sài Gòn và tham vọng bị bỏ dở

[102] Người Pháp gọi là kinh Ceinture (canal de Ceinture) nghĩa là kinh Thắt Lưng. Dân Sài Gòn vào thập niên 1960, 1970 vẫn gọi là kinh Vòng Thành hoặc kinh Bao Ngạn.

Sau khi hạ đại đồn Chí Hòa (1861) và sau đó chiếm ba tỉnh miền Đông (1862), người Pháp cho đào ngay con kinh rất dài và rộng phía bắc Sài Gòn, gần như tương ứng với chiều dài của lũy Bán Bích trước đây. Kinh đào này là một phần trong dự án Thành phố Sài Gòn 500.000 dân năm 1862 của trung tá công binh Coffyn. Số dân công được huy động để đào con kinh này là 40.000 người - một lực lượng rất lớn trên tổng dân số Nam kỳ lúc đó - cho thấy người Pháp đã kỳ vọng ra sao với dự án này.

Kinh Vòng Thành nối đoạn đầu rạch Thị Nghè và đoạn cuối của rạch Chợ Lớn để tạo một đường nước bao kín vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, có nhiệm vụ tương tự như lũy Bán Bích năm 1772. Như vậy, với bốn mặt đều là sông nước, Sài Gòn - Chợ Lớn bỗng trở thành vùng cù lao.

Theo học giả Vương Hồng Sển, con kinh này theo kế hoạch "bề ngang hai mươi thước, bề sâu sáu thước (...). Nhưng công việc dở dang thất bại, và Đô đốc Bonard đành bỏ nửa chừng công tác ấy"[103]. Cụ Vương Hồng Sển không nói lý do tại sao thất bại. Nhưng trong Chuyên khảo tỉnh Gia Định năm 1902 (Monographie de la Province de Gia-Định, 1902) thì có hé lộ chi tiết rằng, kinh Vòng Thành đã được đào nhưng toàn kinh chưa được đem vào sử dụng vì bùn đất lên quá nhanh, ghe thuyền không đi được. Việc bỏ dở này có lẽ do quy mô con kinh thực tế nhỏ hơn nhiều so với ý định ban đầu là rộng tới hai mươi mét. Cũng theo Chuyên khảo tỉnh Gia Định: kinh dài bảy cây số, rộng mười mét, sâu ba mét, nhưng đến năm 1902, kinh chưa hề được sử dụng vì vùng Phú Thọ đáy sông bùn lên cao hơn mực thủy triều[104].

[103] Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, trang 124.

[104] Hội Nghiên cứu Đông Dương, Chuyên khảo tỉnh Gia Định, Nguyễn Nghị và Nguyễn Thanh Long dịch, Nxb. Trẻ, 2017.

Tuy bị bỏ dở giữa chừng nhưng con kinh này vẫn tiếp tục tồn tại cho đến năm 1975. Khi chúng ta xem trên các bản đồ của Pháp và Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn thấy sự hiện diện rất rõ ràng. Đầu thập niên 1990, tôi vẫn còn thấy nhiều đoạn kinh này dọc đường Bắc Hải (Quận 10) nằm bên dãy tường sát công viên Lê Thị Riêng nhưng chỉ nhỏ như rãnh nước (hiện nay là những dãy nhà nhỏ và không sâu).

Cầu Kinh nơi ngã ba kinh Lò Gốm và rạch Bãi Sậy năm 1918.

- Ảnh tư liệu.

Tại sao người Pháp giảm nhiệt huyết với con kinh hoành tráng có thể thông thủy, thông vùng kinh tế cho cả khu vực phía bắc, phía tây Sài Gòn? Cũng như vậy, về phía nam Sài Gòn, con đường Nguyễn Tất Thành chạy ra Quận 7, Nhà Bè, Cần Giờ hiện nay đến 1954 vẫn như một vùng đầm lầy?

Qua thực tế, nhiều thế hệ kiến trúc sư, nhà quy hoạch người Pháp gửi nhận định của mình cho nhà cầm quyền ở Nam kỳ rằng: Sài Gòn - Chợ Lớn phát triển mạnh theo hướng đông tây do gắn với nguồn nguyên vật liệu dồi dào, thị trường tiêu thụ cũng như nguồn nhân công. Theo đó, khu vực phía bắc và nam Sài Gòn không có những ưu điểm này cùng với nguồn nước ngọt thiếu thốn, thậm chí phía nam là vùng bị xâm nhập mặn nặng nề.

Mở rộng các tuyến đường thủy, đường bộ và đường sắt từ Sài Gòn đi về hướng tây

Những ngày đầu chiếm Sài Gòn, người Pháp thật ra không phải không có những sai lầm trong quy hoạch thiết kế Sài Gòn. Không chỉ kinh Vòng Thành mà nhiều con kinh khác ngay trung tâm Sài Gòn cũng đã được đào lên và lấp lại ngay sau đó như: kinh Lớn đào năm 1867 và lấp 1887 (thành đường Nguyễn Huệ ngày nay); kinh Coffyn[105] lấp năm 1892 (nay là đường Lê Lợi)... Nhưng quan trọng hơn, người Pháp đã nhanh chóng nhận ra một điều rằng không phải ngẫu nhiên mà trước đó người Việt tập trung phát triển Sài Gòn theo hai hướng đông tây. Thế là sau đó, chính quyền thành phố cho thành lập hàng loạt đường phố, kinh rạch, cầu... trải dài từ đông sang tây.

[105] Lấy tên trung tá công binh Coffyn - người lập quy hoạch Sài Gòn 500.000 dân năm 1862.

Về đường bộ, ngoài đường Trên[106] và đường Dưới[107] vốn đã có sẵn từ lâu, người Pháp đã mở thêm một số con đường khác nối dài Sài Gòn và Chợ Lớn như Stratégique/Chasseloup-Laubat (nay là Nguyễn Thị Minh Khai) vốn khi xưa là con đường từ cổng Đoài Duyệt nối với đường thiên lý; và Legrand de la Liraye (nay là Điện Biên Phủ) chạy song song với Nguyễn Thị Minh Khai.

[106] Đường Cái Quan, tức Nguyễn Trãi ngày nay.

[107] Ven theo rạch Bến Nghé, nay là đại lộ Võ Văn Kiệt.

Ngoài ra, chính quyền còn mở thêm một loạt con đường nhằm kết nối với khu vực phía bắc thành phố mà nay là: Hoàng Văn Thụ, Lý Thường Kiệt, Lạc Long Quân, Âu Cơ... chạy theo hướng tây bắc - đông nam, trong khi các con đường trước đó đa số theo hướng đông bắc - tây nam.

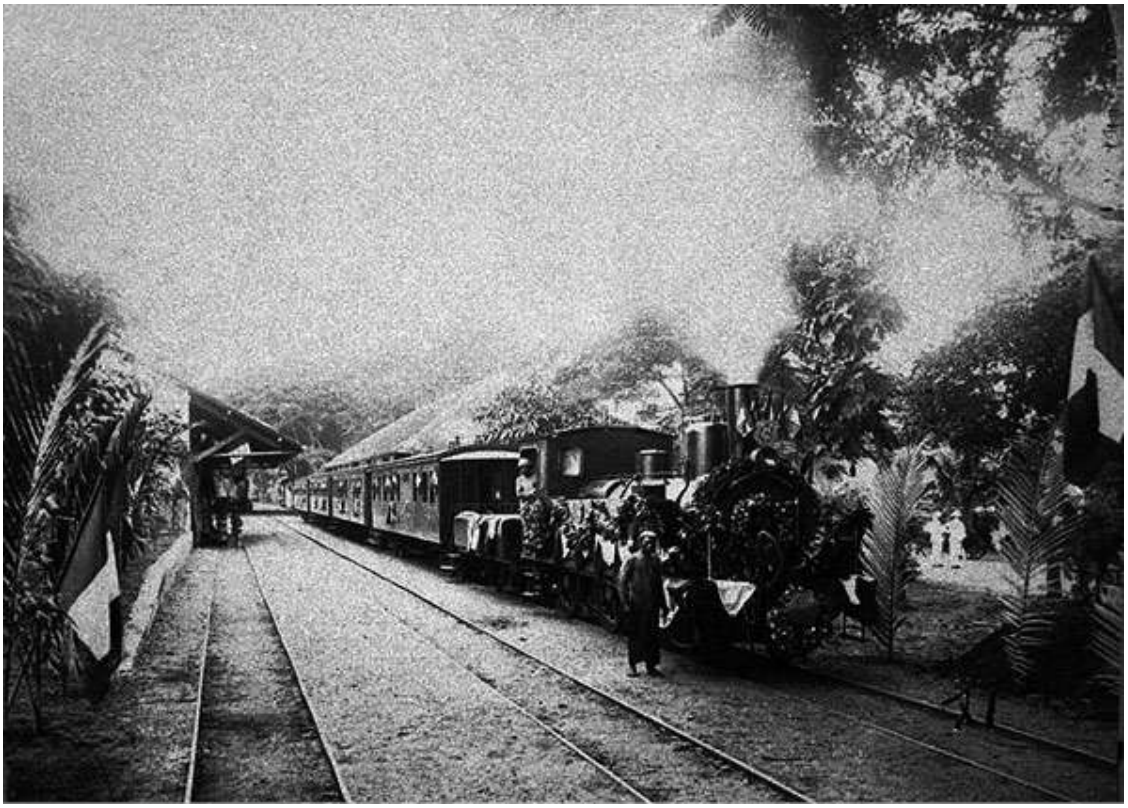

Khánh thành tuyến đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho ngày 20-7-1885. Vị trí ga đầu tiên tại đường Hàm Nghi.

- Nguồn: Maison Asie-Pacifique (MAP).

Sau khi chợ Bến Thành khai thị vào năm 1914, chính quyền thành phố đã có quyết định quy hoạch đột phá, đó là san lấp khu vực đầm lầy rộng lớn giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, đồng thời hình thành một đại lộ quan trọng là Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo). Từ đây, giao thông giữa Sài Gòn và Chợ Lớn đã vô cùng tiện lợi vì có thể đi từ nhiều hướng khác nhau với nhiều loại phương tiện vận chuyển, việc này giúp gia tăng lượng hàng hóa giữa chợ Bến Thành - Chợ Lớn - miền Tây.

Hai bên rạch Bến Nghé - kinh Tàu Hủ cũng hình thành một loạt bến bãi chạy dài từ Sài Gòn ra Chợ Lớn, không chỉ đơn thuần dành cho khách vãng lai mà còn đóng vai trò là tuyến vận chuyển hàng hóa giữa Sài Gòn - Chợ Lớn - miền Tây, bao gồm các con đường như Bến Bạch Đằng (nay là Tôn Đức Thắng), Hàm Tử - Bến Chương Dương (nay là đại lộ Võ Văn Kiệt), Bến Vân Đồn (Quận 4), Bến Bình Đông (Quận 8)…

Về đường sắt, tuyến đầu tiên chạy từ ga Sài Gòn về miền Tây: Sài Gòn - Mỹ Tho, do nhà thầu Joret xây dựng và khai thác dài 70 km bắt đầu hoạt động từ 1885. Sau ba năm (1888), hành khách và hàng hóa Sài Gòn - Mỹ Tho đi tuyến này nhiều đến mức Thống đốc Nam kỳ phải quyết định lấy lại quyền khai thác và đền bù cho nhà thầu 315.755 francs. Năm 1896, tổng lãi thu được từ tuyến đường sắt là 3,22 triệu francs, năm 1912 lãi 4 triệu francs[108] (để dễ hình dung, năm 1880, toàn bộ chi phí xây dựng, trang trí nội thất nhà thờ Đức Bà hết 2,5 triệu francs).

[108] Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Ký ức một thời xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho,

http://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/13090/ky-uc-mot-thoi-xe-lua-sai-gon-my-tho.html

Dù chính quyền tập trung nhiều nguồn lực để phát triển về hướng tây nhưng bên cạnh đó cũng có những công trình giúp Sài Gòn kết nối về hướng đông. Điển hình như cầu Bình Lợi - cây cầu đầu tiên vượt sông Sài Gòn - được đưa vào sử dụng từ năm 1902 giúp rút ngắn quãng đường và thời gian đi Thủ Đức, Biên Hòa và các tỉnh miền Trung, miền Bắc. Con đường thiên lý bắc-nam của Sài Gòn lúc này đã hoàn toàn thông suốt giúp cho việc đi lại thuận tiện hơn rất nhiều.

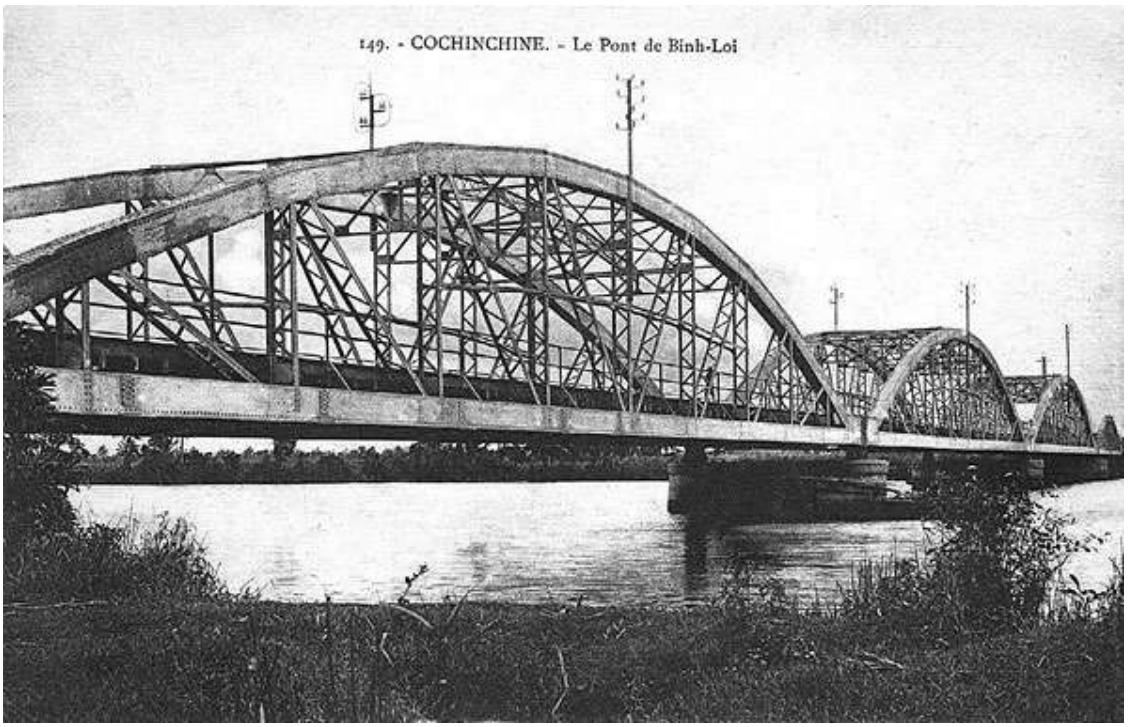

Cầu Bình Lợi đầu thế kỷ 20. - Ảnh tư liệu.

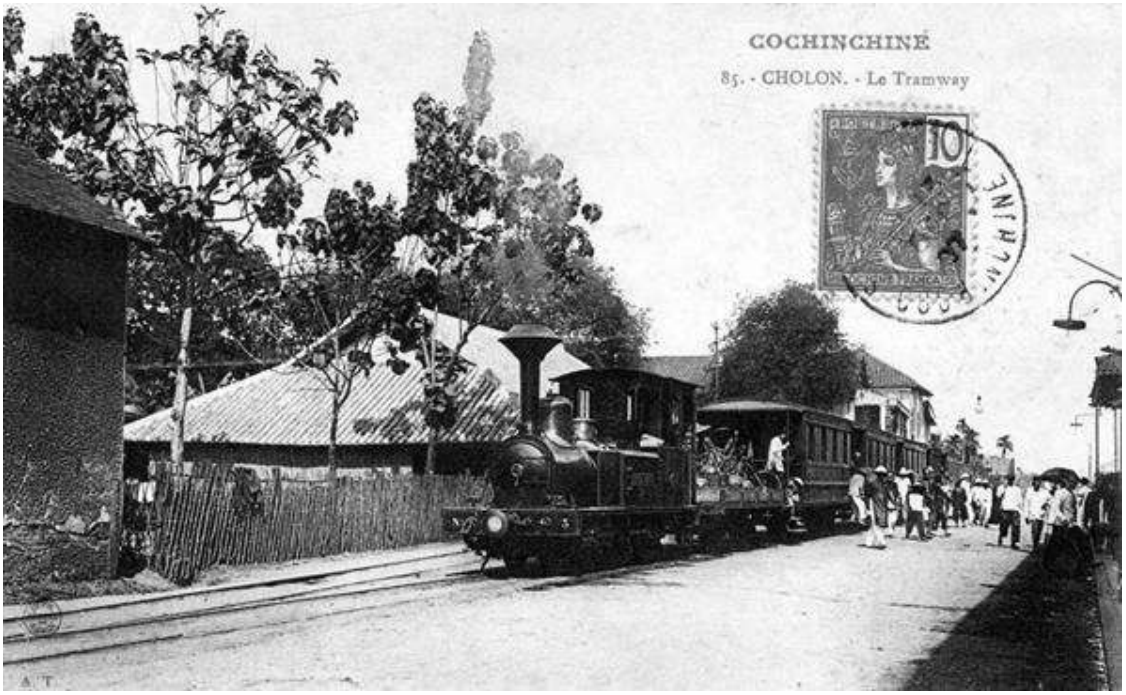

Xe chạy bằng hơi nước năm 1905, đang dừng tại trạm Chợ Lớn.

- Ảnh tư liệu.

Xe điện tramway tuyến Sài Gòn - Chợ Lớn chạy trên đường des Marins, lúc này đã chạy bằng điện. - Ảnh tư liệu.

Chợ Lớn sáp nhập vào Sài Gòn, không còn thành phố của riêng người Hoa

Trước khi đại lộ Galliéni hình thành, Sài Gòn và Chợ Lớn từng là hai thành phố tách biệt bị ngăn cách bởi vùng đầm lầy, bưng nước đọng. Thành phố Chợ Lớn[109] vốn được thành lập vào năm 1865, cùng thời điểm chính thức thành lập thành phố Sài Gòn. Còn tỉnh Chợ Lớn vốn được chính quyền Pháp thành lập trễ hơn vào ngày 20-12-1899 bao gồm vùng phụ cận của thành phố Chợ Lớn. Dân số tỉnh Chợ Lớn vào thập niên 1950 khoảng 1.000.000 dân, bao gồm cả người Việt, người Hoa...

[109] Khu vực Quận 5, Quận 6 và một phần Quận 8, Quận 11 hiện nay.

Chợ Bình Tây - biểu tượng thương mại của cộng đồng người Hoa Chợ Lớn. - Ảnh tư liệu.

Cộng đồng người Hoa đến miền Nam định cư từ rất sớm vào cuối thế kỷ 17 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Nhưng ít ai biết rằng, cho đến trước năm 1949, người Hoa tại Việt Nam vẫn giữ quốc tịch Trung Quốc. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc tuyên bố tất cả người Hoa ở nước ngoài đều là công dân Trung Quốc và Trung Quốc có quyền ngoài lãnh thổ: quyền can thiệp vào các quốc gia khác để bảo vệ công dân của mình. Đến 1950, sau khi đánh bại Quốc Dân Đảng và quản lý hoàn toàn đại lục Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Quốc mới chính thức thu hồi tuyên bố này.

Vào thời điểm 1955-1956, hầu hết người Hoa tại thành phố Chợ Lớn vẫn mang quốc tịch Trung Hoa[110]. Nhận thấy tác động ngấm ngầm của Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc lúc ấy cùng với sự manh động của các hội nhóm Tam Hoàng[111], chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện hai biện pháp nhằm kìm hãm sức ảnh hưởng cũng như sự chi phối nền kinh tế của người Hoa, đó là: hành chính và địa giới.

[110] Cụ thể là Trung Hoa Dân Quốc, tức Đài Loan ngày nay.

[111] Vốn là các nhóm Thiên Địa hội từ Trung Quốc tràn sang Việt Nam và rất manh động trong giới người Hoa ở miền Nam suốt thời Pháp thuộc.

1. Biện pháp hành chính: Giới hạn ngành nghề kinh doanh và bắt buộc Việt hóa tên họ đối với người Hoa.

Cụ thể Tổng thống Ngô Đình Diệm ra Đạo dụ[112] số 53 ngày 6-9-1956 quy định người nước ngoài không được hoạt động 11 ngành nghề, chủ yếu nhắm vào Hoa kiều:

[112] Một hình thức quy phạm pháp luật mang tính bắt buộc thời đó.

1) Buôn bán cá thịt.

2) Buôn bán tạp hóa.

3) Buôn bán than, củi.

4) Buôn bán xăng, dầu lửa và dầu nhớt.

5) Cầm đồ bình dân.

6) Buôn bán vải, tơ lụa, chỉ sợi.

7) Buôn bán sắt, đồng, thau vụn.

8) Nhà máy xay lúa.

9) Buôn bán ngũ cốc.

10) Chuyên chở hàng hóa, hành khách bằng xe hơi, hay tàu thuyền.

11) Trung gian ăn huê hồng.

Người Hoa vốn mê buôn bán, làm ăn, đây lại là những ngành nghề họ hoạt động kinh doanh bao lâu nay, cha truyền con nối. Giới Hoa kiều ở Chợ Lớn - Sài Gòn phản ứng khá dữ dội cả không chỉ chính trị mà cả với hoạt động kinh tế. Người Hoa xuống đường biểu tình, bạo động, phản đối chính sách của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Hè 1957, người Hoa vùng Chợ Lớn - Sài Gòn đóng cửa gần hết trường học, hoạt động thương mại, và rút tiền ra khỏi ngân hàng.

Khoảng 800 triệu đến 1,5 tỉ đồng Việt Nam Cộng Hòa lúc đó (gần 17% tiền tệ đang lưu hành ở miền Nam) biến khỏi thị trường. Thương mại ngưng trệ. Giữa tháng 5-1957, khoảng 6.000 cửa hàng của người Hoa đã đóng cửa, 200.000 người mất công ăn việc làm. Hoa kiều còn phản đối bằng việc ngừng vận tải hàng hóa (cần biết rằng các hãng vận tải lớn đều do họ nắm giữ). Với sự hỗ trợ của giới buôn lớn, chủ ngân hàng Hoa kiều ở Đông Nam Á và chính quyền Đài Loan, người Hoa nhất loạt đình chỉ hoạt động, tẩy chay không bốc dỡ gạo Việt Nam Cộng Hòa đã cập bến cảng nước ngoài. Việc này dẫn đến nông sản ứ đọng ở vùng quê, trong khi Sài Gòn - Chợ Lớn lại rất khan hiếm. Nền kinh tế Việt Nam Cộng Hòa tưởng chừng sụp đổ.

Ngay lập tức, tháng 5-1957, Bắc Kinh phản đối và cho là "sự xâm phạm tàn nhẫn các quyền hợp pháp của người Hoa". Chính quyền Ngô Đình Diệm không nao núng, vẫn tiếp tục quyết liệt chính sách của mình.

Một tiệm "chạp-phô" của người Hoa ở Chợ Lớn năm 1931.

- Ảnh tư liệu.

Đến năm 1961, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng Hòa đã báo cáo kết quả lên Tổng thống Ngô Đình Diệm là 99,8% trên tổng số hơn một triệu người Hoa ở thành phố Chợ Lớn cũng như toàn miền Nam đã xin nhập quốc tịch Việt Nam. Thế là họ trở thành người Việt gốc Hoa

như chúng ta thấy ngày nay, chứ không còn là Hoa kiều như trước đó. Một số ngoại kiều, không chỉ Hoa kiều nếu không đồng ý nhập quốc tịch Việt Nam thì cho về lại nguyên quán (tức trục xuất). Bên cạnh đó vẫn còn 2.000 người già yếu, bệnh tật không nhập quốc tịch (0,2%) nên cũng không cần trục xuất.

Trước đó, chỉ sau khi khai sinh Đệ nhất Cộng hòa (26-10-1955), để giải quyết dứt khoát vấn đề Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã ký ban hành Dụ số 10 quy định về Bộ Luật Quốc tịch Việt Nam (7-12-1955), trong đó Điều 12 ghi rõ: "Con chính thức mà mẹ là người Việt Nam, và cha là người Trung Hoa, nếu sinh đẻ ở Việt Nam thì là người Việt Nam".

Lúc đó, giới Hoa kiều ở miền Nam vẫn hy vọng Thống chế Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) Tưởng Giới Thạch sẽ can thiệp nên có ý coi thường và không chấp hành Đạo dụ này. Vì vậy, Tổng thống Ngô Đình Diệm ra tiếp Dụ số 48 (21-8-1956), sửa đổi Bộ Luật Quốc tịch Việt Nam, Điều 16 quy định: "Hoa kiều thổ sanh (sinh trưởng tại Việt Nam) sẽ là người Việt Nam, bắt buộc phải nhập và khai nhận quốc tịch Việt Nam, hoặc nếu không chịu nhập tịch thì có thể xin hồi hương (về Đài Loan) trước ngày 31-8-1957. Thời hạn ấn định cho những Hoa kiều sinh tại Việt Nam phải làm khai sinh để được cấp thẻ căn cước sẽ kết thúc ngày 8-4-1957, việc kiểm tra sẽ hoàn tất vào ngày 22-6-1957".

Ai không muốn nhập tịch thì ra đi, mỗi người sẽ được chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cấp 400 đồng để "hồi hương" đúng theo luật định. Ngày 29-8-1956, Tổng thống Ngô Đình Diệm lại ban hành Dụ số 52 quy định Hoa kiều sinh sống ở Việt Nam phải mang quốc tịch Việt để tự do giao dịch, đi lại và buôn bán. Người Hoa phải Việt hóa tên họ (như Trịnh, Quách, Mạch, Lâm, Giang, Diệp, Lưu, Vương, Hà, Hứa, Mã, Lý, Trần, Trương, v.v…) chứ không được xưng các tên

ngoại quốc hay tên gọi riêng (như Chú, A, Chế…) kể cả bí danh trong những văn kiện chính thức. Tên hiệu các cơ sở thương mại, văn hóa, phải viết bằng Việt ngữ. Và tám ngày sau nữa (6-9-1956), Tổng thống Ngô Đình Diệm tung đòn "knock-out" bằng Dụ số 53 như đã nói ở trên.

Loạt sự kiện này đã làm rung chuyển giới Hoa kiều Sài Gòn - Chợ Lớn lẫn miền Nam lúc ấy. Đến mức con nít Sài Gòn hát um sùm một bài hát ngắn gọn mà đến nay chắc chắn nhiều người Sài Gòn còn nhớ: "Các (mấy) chú Ba Tàu, thằng nào cũng như thằng nấy, Thằng nào không giấy (quốc tịch Việt), đuổi ngay nó đi về Tàu..." (chế từ một bản nhạc lời Pháp: Chérie je t'aime chérie je t'adore...).

2. Biện pháp địa giới: Thay đổi địa giới và xóa bỏ địa danh Chợ Lớn trong tên gọi chính thức.

Khu (région) Sài Gòn - Chợ Lớn vốn là đơn vị hành chính do Tổng thống Pháp ký thành lập năm 1931 (Région Saigon - Cholon hoặc Région de Saigon - Cholon). Ngày 30-6-1951, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu[113] ký sắc lệnh số 311-cab/SG đổi tên Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn (Préfecture Saigon - Cholon hoặc Préfecture de Saigon - Cholon hoặc Ville - capitale de Saigon - Cholon).

[113] Tháng 9-1951, Thủ tướng Trần Văn Hữu đã tuyên bố Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam trước thế giới tại Hòa hội Cựu Kim Sơn.

Ngày 22-10-1956, Tổng thống Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh 143/VN "Thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam". Với Sắc lệnh này, Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ còn Đô thành Sài Gòn. Theo đó, địa phận Việt Nam Cộng Hòa gồm Đô thành Sài Gòn và 22 tỉnh. Lúc này, tỉnh Tân An hợp nhất phần lớn đất đai tỉnh Chợ Lớn để thành lập tỉnh mới: Long An. Một số khu vực còn lại của tỉnh Chợ Lớn nhập vô tỉnh Gia Định.

Như vậy, thành phố Chợ Lớn tồn tại 91 năm (1865-1956) và tỉnh Chợ Lớn đã tồn tại 57 năm (1899-1956) đến đây là kết thúc. Tên gọi Chợ Lớn không còn được dùng chính thức trong các tên gọi hành chính cấp tỉnh thành nữa mà chỉ còn là địa danh lịch sử - văn hóa. Kể từ đây, địa danh Chợ Lớn chỉ còn được người dân dùng để chỉ khu vực Quận 5, Quận 6, Quận 11 và một phần Quận 8, Quận 10 của Đô thành Sài Gòn.

Quy hoạch Sài Gòn trước 1975: từ những cao ốc chọc trời đến khu ổ chuột

Đầu năm 1955, Thủ tướng[114] Ngô Đình Diệm đổi tên Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn. Cuối cùng, ngày 22-10-1956, khi đã chính thức trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, ông Diệm ký sắc lệnh rút gọn lại thành Đô thành Sài Gòn với tám quận.

[114] Lúc này là thủ tướng của Quốc gia Việt Nam - tiền thân của Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi sáp nhập hai thành phố Chợ Lớn và Sài Gòn, Đô thành Sài Gòn vẫn còn nằm trong tầm kiểm soát trong công cuộc tái thiết thủ đô của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, nhưng từ giữa thập niên 1960, Sài Gòn đã không còn theo ý muốn của nhà quy hoạch.

Khu Thủ Thiêm được quy hoạch từ thời Ngô Đình Diệm (1955-1963) nhưng không thực hiện được. - Ảnh tư liệu.

Nếu như thời Pháp thuộc, các nhà quy hoạch tập trung phát triển giao thông đường bộ, đường thủy về hướng tây (Chợ Lớn, miền Tây) thì sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn lại tập trung về hướng đông, song song với việc duy trì việc tu bổ kinh rạch, đường sá ở phía tây khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

"Cú đấm mạnh" về hướng đông

Ngày 27-3-1957, Bộ Công chánh và Giao thông Việt Nam Cộng Hòa khởi công xây dựng xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa[115] nhằm "Cải thiện một cách dứt khoát vấn đề bế tắc lối ra khỏi vùng Sài Gòn"[116]. Toàn bộ chi phí do Mỹ viện trợ và nhà thầu Mỹ là RMK-BRJ[117] phụ trách việc xây dựng này. Đến 28-4-1961, xa lộ Biên Hòa (dài 31 cây số, rộng 14 mét, tải trọng xe 32 tấn) hoàn thành, tạo chuyển biến khá mạnh trong liên kết khu vực và kinh tế vùng.

[115] Dân quen gọi là xa lộ Biên Hòa, hiện nay là xa lộ Hà Nội.

[116] Trích Tổng kết 5 năm 1954-1959 của Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa

[117] Người dân vẫn quen gọi ngã tư Xa lộ Hà Nội -Tây Hòa là ngã tư RMK do công ty này từng đóng trụ sở tại đây.

Các hạng mục thi công cùng với xa lộ Biên Hòa là cầu Sài Gòn, đường Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ) và cầu Đồng Nai. Trong đó, cầu Sài Gòn cũng do nhà thầu Mỹ RMK-BRJ thực hiện với công nghệ làm đường mới nhất của Mỹ và kinh phí từ viện trợ kinh tế của USOM[118].

[118] Phái bộ Viện trợ Kinh tế Hoa Kỳ (United States Operation Missions).

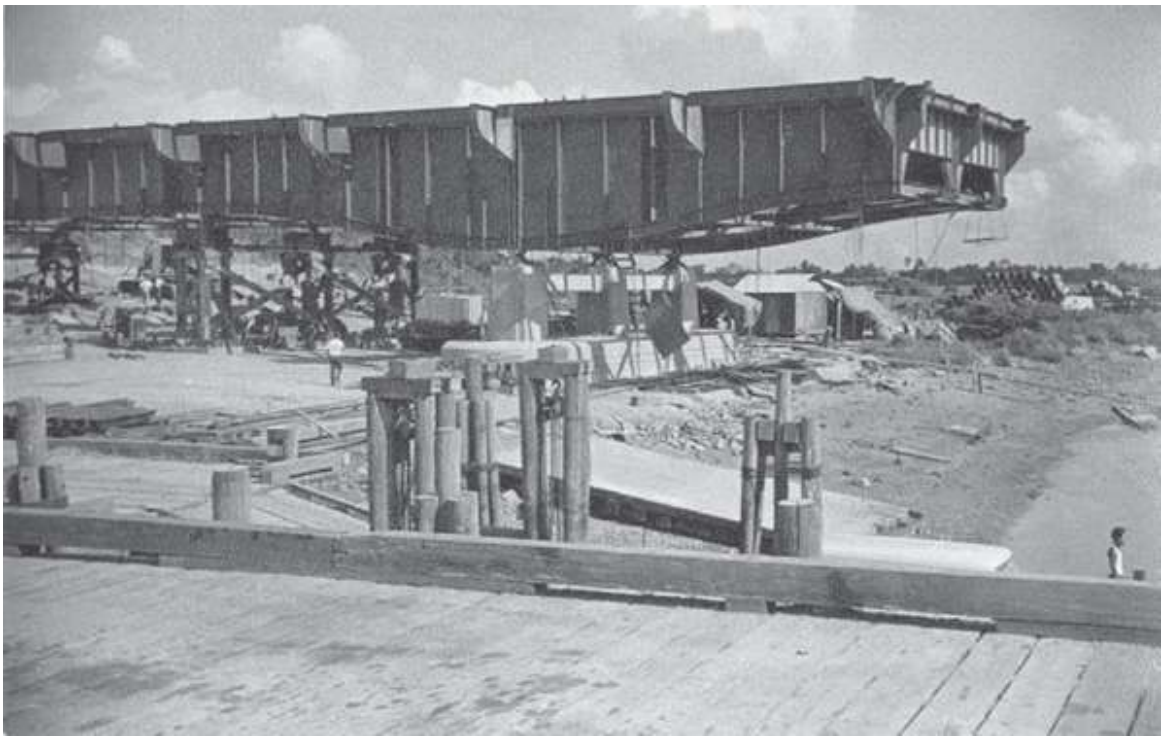

Cầu Đồng Nai trên xa lộ Biên Hòa đang được xây dựng năm 1959. - Nguồn: George E. Gray Collection.

Tuyến đường Phan Thanh Giản - cầu Sài Gòn - xa lộ Biên Hòa - cầu Đồng Nai đẩy Sài Gòn về hướng đông để mở mang vùng công nghiệp dọc tuyến đường qua vùng Thủ Đức, Biên Hòa (khu công nghiệp kỹ nghệ Biên Hòa) với nhiều ngành nghề: hóa học, mỹ phẩm, cơ khí và luyện kim, vật liệu xây dựng (Nhà máy ximăng Hà Tiên ở Thủ Đức), Vikimco (kim khí), Vinaton (tôn) và hàng tiêu dùng như Nhà máy giấy Cogido-An Hảo, Nhà máy dệt Vinatexco, Vimytex, Công ty sữa Foremost, Nhà máy đường Biên Hòa…

Đầu thập niên 1960, làng đại học Thủ Đức (hiện là khu vực Đại học Quốc gia TP. HCM) cũng được xây dựng theo thiết kế của Kiến trúc sư Ngô Viết Thụ[119]. "Ngôi làng" này không chỉ để phân tán số lượng sinh viên ra ngoài nội đô, sát các tỉnh lân cận mà theo dự tính của các nhà quy hoạch còn là nguồn cung ứng lao động có chất lượng cho Khu công nghiệp Biên Hòa cũng như các nhà máy khu vực phía đông.

[119] Ngô Viết Thụ cũng là người thiết kế Dinh Độc Lập.

Đi theo các dự án đường sá và khu công nghiệp, một số khu dân cư dọc tuyến xa lộ Biên Hòa cũng được hình thành với nhiều ưu đãi (phân lô bán nền với giá gần như cho không) nhằm cung ứng nguồn lao động chất lượng trung bình cho các nhà máy nơi đây như khu dân cư - trại chiếu Minh Đức (sát Khu du lịch văn hóa Suối Tiên hiện nay).

Trong một tầm nhìn lâu dài cho Thủ Thiêm[120], vào tháng 12-1966, Quận 1 thêm hai phường An Khánh và Thủ Thiêm từ xã An Khánh (quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định). Nhưng việc sáp nhập này có lẽ ít tác dụng cho sự phát triển của Thủ Thiêm nên chỉ một tháng sau (1-1967), hai phường mới của Quận 1 lại tách ra và lập thành quận thứ chín của Đô thành Sài Gòn.

[120] Nay thuộc thành phố Thủ Đức.

Tháng 7-1969, Sài Gòn thêm Quận 10 và Quận 11 từ việc tách một phần Quận 3, Quận 5 và Quận 6. Hai quận mới này vốn là khu vực xung quanh lũy Bán Bích xưa. Lúc này Sài Gòn có diện tích 67,53km² với số dân khoảng 2 triệu người.

Quy hoạch, chỉnh trang nội ô và ngoại ô Sài Gòn

Các nhà quản lý, quy hoạch đô thị Sài Gòn từ năm 1954-1975 hầu như không "đụng" tới đường sá, kiến trúc của người Pháp ở khu trung tâm mà tập trung xây dựng hàng loạt khu cư xá, chung cư ở các quận ven đô còn quỹ đất lớn như cư xá Đô Thành (Quận 3), cư xá Sĩ Quan (Tân Bình)[121], cư xá Tự Do, cư xá Nông Tín Cuộc, cư xá Việt Nam Thương Tín, cư xá Kiến Thiết, cư xá Ngân Hàng (Gia Định), chung cư Minh Mạng (Quận 10), chung cư Khánh Hội (Quận 4)...

[121] Nay là cư xá Bắc Hải, Quận Tân Bình.

Bên cạnh các khu chung cư và cư xá, còn có hàng ngàn căn nhà từ khu vực trung tâm cho đến khu phụ cận Sài Gòn như Dân Sinh (Quận 11), Kiến Thiết (Quận 3), Hòa Hưng (Quận 10), Phú Thọ (Quận 11), Thị Nghè (nay thuộc Quận Bình Thạnh), Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sỹ, Quận 3), Chánh Hưng (Quận 8)... giá từ 15.000-350.000

đồng[122] được xây dựng để "thỏa mãn nhu cầu của mọi tầng lớp dân chúng"[123].

[122] Giữa thập niên 1950, hối đoái 1 USD bằng 35 đồng (Việt Nam Cộng Hòa). Đầu thập niên 1960, hối đoái chính thức 1 USD ăn 73,5 đồng (thị trường tự do khoảng 130-180 đồng); lương giáo viên lúc đó khoảng 3.000-4.000 đồng/tháng.

[123] Trích Tổng kết 5 năm 1954-1959 của Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Việc xây dựng này được xúc tiến khá mạnh. Điển hình là trong thời gian từ 7-7-1958 đến 7-7-1959 đã có gần 1.000 căn được xây dựng và bán, mỗi căn có diện tích khoảng 4x20 (mét). Sở dĩ giá bán của những căn nhà này rẻ là do một phần nhận được từ viện trợ của Mỹ với kế hoạch "rút bớt dân số quá đông đúc tại kinh thành"[124] ra vùng phụ cận vẫn còn tương đối hoang vắng ở phía bên kia cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sỹ), cầu Công Lý... Hiện nay, tôi đi đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ cầu Thị Nghè đến ngã tư Hàng Xanh), Lê Văn Sỹ, Chánh Hưng, Cách Mạng Tháng Tám, Lý Thường Kiệt… vẫn còn thấy khá nhiều những ngôi nhà này với chiều ngang bốn, năm mét như nhau.

[124] Tức khu trung tâm thành phố (Trích Tổng kết 5 năm 1954-1959 của Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa).

Riêng khu vực trung tâm thành phố, một số công trình lớn được xây dựng, tạo điểm nhấn khu vực và mang dấu ấn kiến trúc khác hoàn toàn với kiến trúc Pháp, phối hợp nhuần nhuyễn và tuyệt đẹp nét hiện

đại với tính dân tộc, phù hợp với thời tiết nóng ẩm Sài Gòn như: Dinh Độc Lập, Thư viện Quốc gia, chùa Vĩnh Nghiêm...

Từ giữa thập niên 1960, Sài Gòn đã không còn theo ý muốn của nhà quy hoạch

Sau khi nền Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963) sụp đổ, hai năm sau liên tiếp nổ ra hàng loạt cuộc đảo chính, và sau đó hơn 500.000 lính đồng minh đổ bộ vào miền Nam vào năm 1965. Những hệ lụy này đã khiến mục tiêu quy hoạch ban đầu của Sài Gòn đã không còn kiểm soát được.

Trong khi quy hoạch ban đầu của Sài Gòn về hướng đông (Biên Hòa) đang mang lại kết quả tốt giúp cho việc liên kết nội ô - ngoại ô Sài Gòn có một ít thành quả, thì trái lại kể từ thời Đệ nhị Cộng hòa của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975) hầu như người dân... "tự quy hoạch". Kết quả là hàng vạn ngôi nhà mọc lên một cách tự phát ở vùng phụ cận quanh Sài Gòn phía bên kia cầu Thị Nghè (Bình Thạnh), cầu Khánh Hội (Quận 4), cầu chữ Y (Quận 8)... Những nơi này vừa mới thành lập đã trở thành "khu cứ điểm" chặn đường ra vào khu nội ô, thực tế nhiều nơi đã thành "khu ổ chuột".

Một khu nhà sàn trên rạch Thị Nghè. - Ảnh: Dale Ellingson.

Việc lấn chiếm không chỉ trên đất liền mà còn diễn ra trên hai con rạch huyết mạch của Sài Gòn là Thị Nghè và Bến Nghé, để lại một hậu quả lâu dài trong quy hoạch đô thị. Bên cạnh đó, từ giữa thập niên 1960 đến 1975, tình trạng thương phế binh (Việt Nam Cộng Hòa) "cắm dùi" trong phong trào "Người cày có ruộng, thương phế binh có nhà" ở các khu đất trống nhiều nơi, cộng thêm các công trình phục vụ chiến tranh xấu xí và ngổn ngang của quân đội Sài Gòn lẫn quân đội đồng minh ngay tại trung tâm thành phố Sài Gòn và tỉnh Gia Định.

Ở khu vực xung quanh nơi tôi ở chẳng hạn (vùng Ông Tạ, Quận Tân Bình), hàng trăm lô đất ở khu Chăn Nuôi, dọc đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ), đoạn từ ngã tư Bảy Hiền ra Lăng Cha Cả, Nguyễn Minh Chiếu (nay là Nguyễn Trọng Tuyển)… bị "cắm dùi" chỉ sau

một đêm. Hệ lụy là cả diện tích căn nhà và lối đi đều lung tung, không theo quy chuẩn nào. Thầy trò Trường Nguyễn Thượng Hiền, nơi tôi học, đầu thập niên 1970, ban đêm phải tổ chức canh giữ khu đất sau trường do Đài phát thanh Đại Hàn rút quân sau Hiệp định Paris 1973 giao lại.

Thực trạng này khiến người ta không thể nhận ra được nơi đây từng là một Sài Gòn hoa lệ. Ý tưởng quy hoạch Sài Gòn hình chùm nho, mỗi quận mới là một trái nho liên kết với chùm cũng bị phá sản.

Đường Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sỹ) năm 1966. Ống cống nằm ngổn ngang đoạn ranh giới Sài Gòn và tỉnh Gia Định.

- Ảnh: George Slater.

Cư xá ANNAPOLIS TRANSIT BEQ/BOQ cho Hải quân Mỹ trên đường Nguyễn Văn Thoại năm 1966. Vị trí này ngày nay đối diện chợ Tân Bình trên đường Lý Thường Kiệt. - Ảnh: Rich Krebs Capt, USNR Ret.

Cư xá hàng không dân sự gần cầu Công Lý năm 1966.

- Ảnh: Douglas Ross.

Chung cư Nguyễn Thiện Thuật xây dựng năm 1968. - Nguồn: Louis Weisner Collection.

Vết tích tường thành cuối cùng giữa lòng Sài Gòn

Vào ngày 8-3-1859, tức 19 ngày sau ngày thành Gia Định thất thủ, tướng De Genouilly đã ra lệnh cho phá tan nhiều đoạn tường thành bằng 32 ổ thuốc nổ. Các dinh thự và kho tàng lẫn thóc lúa trong thành đều bị đốt phá. Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh viết: "Kho thóc thành Gia Định cháy mãi hai năm mà khói còn nghi ngút". Sở dĩ quân Pháp phải phá thành ngay khi vừa chiếm được là vì họ không thể ở yên trong thành trước tình hình có thể bị những đội dân quân "ứng nghĩa" địa phương đột kích bất kỳ lúc nào, cộng thêm việc hàng vạn quân nhà Nguyễn đang kéo về từ Huế và miền Tây để hợp sức cùng tái chiếm thành.

Hàng chục năm sau đó, khu vực thành Gia Định này vẫn là bãi chiến trường tan hoang. Tuy nhiên, vết tích của tường thành Gia Định xưa vẫn hiện khá rõ trong các bản đồ thành phố Sài Gòn của Pháp 30 năm đầu. Đặc biệt là bức vẽ công phu năm 1881 của đại úy hải quân Pháp Fauvre, ông đã mất rất nhiều thời gian đi đến từng ngôi nhà và dinh thự khắp thành phố Sài Gòn lúc ấy để vẽ bức Sài Gòn 3D đầu tiên với độ chính xác cao. Nhờ bản đồ này, chúng ta có thể thấy tường thành Gia Định vẫn hiện ra rõ ràng và các tòa nhà do người Pháp mới xây dựng bên trong thành.

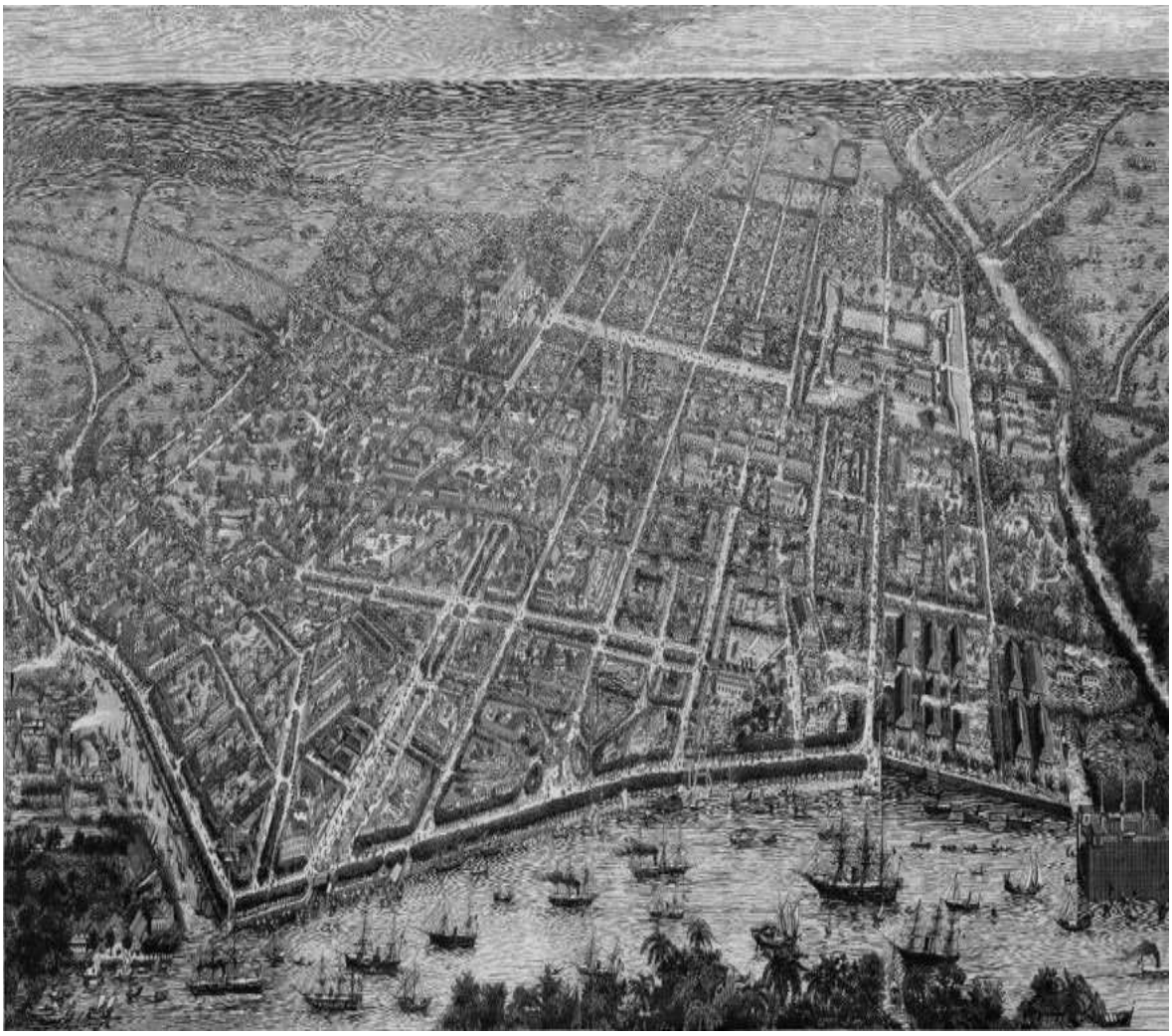

Những tòa nhà của tòa thành mới đã được xây dựng bên trong khuôn viên thành Gia Định. Bản đồ 3D của đại úy hải quân Pháp M. Favre vẽ năm 1881. - Ảnh tư liệu.

Người Pháp xây dựng ngôi thành mới

Vào năm 1870, một bản thiết kế ngôi thành mới của hai kiến trúc sư người Pháp là Varaigne và A. Dupommier đã được vẽ và thi công trên chính nền thành Gia Định xưa. Vật liệu xây thành mới được tận dụng từ

gạch, sắt của thành cũ đang còn nằm ngổn ngang sau khi bị quân Pháp cho nổ mìn phá hủy 11 năm trước.

Cổng thành Ông-dèm thời Pháp nhìn chính diện có thể thấy đủ ba khối kiến trúc. - Ảnh tư liệu.

Tuy nhiên, do gặp trở ngại từ các cuộc tập kích liên tục của dân địa phương từ đất Hộ (Đakao) sát vách thành nên việc xây thành phải kéo dài đến ba năm. Vào năm 1873, thành mới hoàn thành và được đặt tên là Martin des Pallières, theo tên một vị tướng Pháp là Charles Gabriel Félicité Martin des Pallières (1823-1876). Các bản vẽ xưa cho thấy thành mới chiếm diện tích chỉ bằng gần một nửa thành cũ. Vị trí ngôi thành mới của người Pháp nằm khớp trong bốn con đường hiện nay là: Lê Duẩn, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Ngôi thành mới này gồm ba khối kiến trúc chính: hai khối nhà dài một trệt một lầu nằm hai bên cổng và một khối nhà một trệt hai lầu xây cao hẳn trên nền đất ngay chính diện[125]. Tuy nhiên, phía ngoài tòa thành mới này vẫn còn giữ hệ thống lũy đất bao quanh của ngôi thành cũ. Kể từ sau 1900, hệ thống lũy đất này mới bị san bằng nên các bản đồ sau đó không còn thấy hình dáng thành Gia Định xưa nữa.

[125] Kiểu thành và mẫu nhà với hệ thống lam quả trám phía trước chống nóng này được một số kiến trúc Sài Gòn sau đó, như Bệnh viện Quân đội Pháp gần đó làm theo (nay là Bệnh viện Nhi đồng 2).

Thành Martin des Pallières là nơi đóng quân đầu tiên của Trung đoàn Dã chiến Nam kỳ (Régiment de Marche de Cochinchine) được thành lập năm 1869. Đến năm 1890, trước hàng loạt cuộc khởi nghĩa diễn ra khắp nơi của dân Việt, trung đoàn này phát triển thành ba Trung đoàn số 8, 10 và 11. Riêng Trung đoàn 11 (11ème régiment d'infanterie de marine - 11ème RIM) đóng tại thành Martin des Pallières. Năm 1900, trung đoàn này đổi tên là Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa 11[126] (11ème régiment d'infanterie coloniale - 11ème RIC). Vì lý do này mà cho đến năm 1955, người Sài Gòn vẫn gọi đó là thành Ông-dèm (phiên âm từ chữ số 11 - onzième).

[126] Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa 11 là đơn vị chủ lực của quân đội Pháp ở Nam kỳ, đã từng được đặt tên cho một con đường khu trung tâm Sài Gòn thời thuộc Pháp - nay là đường Trần Phú. Đây cũng là lực lượng được quân Anh thả ra (sau khi giải giáp quân Nhật) và trang bị vũ khí để cùng quân Anh nổ súng chiếm lại Sài Gòn trong ngày Nam bộ kháng chiến 23-9-1945.

Chứng kiến thăng trầm của thời cuộc

Sau khi Nhật đảo chính vào ngày 9-3-1945, trớ trêu thay thành Ông-dèm lại trở thành nơi giam giữ lính Pháp. Năm 1954, quân đội Pháp rút và bàn giao thành Ông-dèm cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngay sau đó vài tháng, đây lại là khu vực giao tranh giữa quân đội chính phủ và lực lượng Bình Xuyên.

Năm 1955, sau khi dẹp yên các lực lượng cát cứ và trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, Ngô Đình Diệm cho đổi tên ngôi thành này là thành Cộng Hòa và nơi đây trở thành nơi đóng quân của Tiểu đoàn Phòng vệ Phủ Tổng thống. Tiểu đoàn này nhanh chóng được nâng lên thành Liên đoàn và cuối cùng là Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ Phủ Tổng thống với quân đội được trang bị vũ khí, khí tài (pháo, xe tăng, xe thiết giáp, súng phòng không) cực mạnh, tương đương một sư đoàn.

Trong cuộc đảo chính lần thứ nhất (11-11-1960), chính lực lượng này đã kháng cự quyết liệt quân đảo chính và bảo vệ được Phủ Tổng thống. Đến cuộc đảo chính lần thứ hai (1-11-1963), dù quân đảo chính lần này tấn công dữ dội nhưng vẫn không thể chiếm được thành Cộng Hòa. Mãi rạng sáng ngày hôm sau, lực lượng này mới buông súng theo lệnh Tổng thống Ngô Đình Diệm sau khi ông bị bắt.

Thành Cộng Hòa trong tay lực lượng đảo chính sau cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963.- Nguồn: Lee Baker Collection.

Đây là thời điểm quyết định số phận thành Cộng Hòa. Ngày 14-12-1963, Hội đồng Quân nhân Cách mạng giao khu thành Cộng Hòa cho Bộ Quốc gia Giáo dục để lập khu đại học với Đại học Văn khoa, Đại học Nông Lâm Súc và Đại học Dược khoa.

Sau đó, tòa nhà lính ở phía sau bị phá hủy, còn thành Cộng Hòa thì bị cắt làm hai để thông đường Đinh Tiên Hoàng với đường Cường Để (nay là Tôn Đức Thắng). Năm 1966, khu vực nhà ăn cuối của thành Cộng Hòa trở thành Đài truyền hình Việt Nam Cộng Hòa kênh 9 và Đài truyền hình ARFVN kênh 11 (nay là khu vực Đài truyền hình TP. HCM).

Ngày 30-4-1975, hai tòa nhà cũng đã chứng kiến đoàn xe tăng của Quân Giải phóng đi ngang nó trên con đường Thống Nhứt[127] để tiến vào Dinh Độc Lập. Vết xích của đoàn xe tăng ấy, đến đầu thập niên 1980, tôi đạp xe đi học võ ở Nhà Văn hóa Thanh niên gần đó vẫn còn thấy rất rõ.

[127] Nay là Lê Duẩn.

Ngày nay, mỗi khi dừng đèn đỏ ở ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Lê Duẩn, ai cũng thấy hai tòa nhà nằm sừng sững như vết tích của ngôi thành cuối cùng giữa lòng Sài Gòn - một chứng nhân của bao thăng trầm, biến động thời cuộc. Đến năm sau, hai tòa nhà đúng 150 tuổi (1873-2023) vẫn còn đó với thời gian để tiếp tục chứng kiến những đổi thay của thành phố.

Từ ngôi nhà thờ "bí ẩn" đến ngôi thánh đường xưa nhất đất Gia Định

Khu Ông Tạ, Quận Tân Bình hiện nay có một con lộ "xưa thật là xưa". Nó vốn là đường mòn (sentier) đi giữa hai bờ ruộng sau này là đường trung tâm khu Ông Tạ: (lần lượt mang tên) Hương lộ 16 (thời Pháp thuộc đến đầu thập niên 1960) - Thoại Ngọc Hầu (giữa thập niên 1960) - Phạm Văn Hai (giữa thập niên 1980 đến nay).

Nhà thờ Chí Hòa thập niên 1920, khoảng 20 năm sau khi xây dựng. - Ảnh tư liệu.

Nhiều bản đồ xưa cuối thế kỷ 19, khi Pháp mới vào vài chục năm đã ghi nhận ở khoảng giữa con lộ toàn đầm lầy, ruộng nước này có một khoảnh đất khá cao khô ráo. Cụ thể ở bản đồ địa hình (plan topographique) Sài Gòn - Gia Định 1882 "- 20eme arrondissement et ses environs", cuối khoảnh đất đó có một công trình ký hiệu hình thập giá, ghi rõ "église" (nhà thờ). Lược sử giáo xứ Chí Hòa ghi:

"Họ Chí Hòa khởi đầu là họ nhánh của họ Chợ Quán (1771-1890) được Đức Giám mục Phêrô Bá Đa Lộc quy tụ, sau đó là họ nhánh của họ Tân Định.

Họ đạo được chính thức thành lập ngày 10-10-1890 với tên Thạnh Hòa, gồm có 100 giáo dân, do linh mục Jean Génibrel (Thượng - cha sở Tân Định) phụ trách.

Thánh đường đầu tiên cũng là thánh đường hiện tại, được Đức cha Mão (Mossard) xây vào năm 1890 (khánh thành ngày 7-10-1890) trên khu đất do ông Huyện Sỹ Lê Phát Đạt dâng cúng, khu đất này rộng tới 600 mẫu. (...) Năm 1910 đổi tên thành họ Chí Hòa…".

Đức cha Mão người Pháp, tức Đức giám mục xứ Tây Đàng Trong (Nam kỳ lục tỉnh). Lucien Emile Mossard vốn là linh mục chánh xứ Tân Định (1881-1882), chánh xứ Chợ Quán (1891-1898).

Nghĩa là theo nguồn này, nhà thờ Chí Hòa (trên đường Bành Văn Trân hiện nay) đã có từ năm 1890. Tuy nhiên, toàn bộ những bản đồ tôi có từ 1903 trở về trước, khu vực nhà thờ Chí Hòa hiện nay không hề ghi nhận ngôi nhà thờ nào. Nhưng đến hai tấm bản đồ cùng ra năm 1904: Service Geographique de l'Indo-Chine (Phục vụ địa lý) và Environs de la place de Saigon 1904 (Ngoại vi khu trung tâm Sài Gòn năm 1904; tỉ lệ lớn

1:20.000), chúng ta thấy đã có một công trình có hình thập giá ở ngôi nhà thờ tại vị trí nhà thờ Chí Hòa hiện nay.

Và ngôi nhà thờ ở vị trí "khoảng đất khá cao khô ráo" (nay là một phần khu chợ Phạm Văn Hai) dù vẫn còn hình dáng nhưng không còn dòng chữ "église" (nhà thờ). Khi bà con Bắc di cư tới đây năm 1954, hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, hầu như ít ai biết từng có một ngôi nhà thờ ở đó.

Khu vực có ngôi nhà thờ nay là chợ Phạm Văn Hai này trước 1983-1985 là khu vực có năm nghĩa địa: Thánh Minh tương tế, Trung Việt ái hữu, Vĩnh Long, Sa Đéc và Tân Định. Lúc ấy, tôi cũng như nhiều bà con Công giáo Ông Tạ những ngày lễ Các Thánh 1-11 thường đến nghĩa trang Tân Định thắp hương và dự thánh lễ do một linh mục ở giáo xứ Tân Định chủ tế. Bàn lễ đặt ở một công trình xây dựng đơn giản ở cuối nghĩa trang; không phải là một nhà thờ, nhà nguyện hay đền thánh gì.

Hiếm ai biết, khó ai nghĩ nơi đây từng có một nhà thờ vì lúc ấy đã không còn vết tích. Chuyện gì đã xảy ra với ngôi nhà thờ Công giáo đầu tiên ở làng Chí Hòa này?

Lật mở hồ sơ ngôi nhà thờ đầu tiên ở làng Chí Hòa

Quay trở lại ngôi nhà thờ trên đất Thạnh Hòa xưa (nay là khu trung tâm Ông Tạ). Nói về một nhà thờ, có lẽ trước hết phải tìm đến nguồn tư liệu của chính các vị linh mục đã từng là cha sở, chánh xứ nơi đó. Chúng tôi may mắn có được ảnh chụp hai bản tài liệu đánh máy trên giấy pơluya lưu ở văn khố Tòa Tổng Giám mục về Tiểu sử họ đạo Chí Hòa.

Một bản bốn trang có lẽ thực hiện khoảng năm 1980-1985 (vì vẫn ghi tên đường Thoại Ngọc Hầu chứ chưa là Phạm Văn Hai); giọng văn Nam bộ (như vẫn gọi Tân Sơn Nhứt). Bản sau gồm ba trang, tương tự bản kia, nhưng nói rõ hơn vị trí, quy cách, diện tích hai ngôi nhà thờ Thạnh Hòa và Chí Hòa. Bản này có lẽ thực hiện sau 1985, khi đường Thoại Ngọc Hầu đã đổi tên là Phạm Văn Hai và chủ quan tôi nghĩ đã được chỉnh sửa, bổ sung một vài chi tiết từ bản trước.

Tác giả hai bản tư liệu này là ai? Ý kiến cá nhân, tôi mạo muội nghĩ đó là linh mục Gioan Baotixita Hồ Văn Vui, từng là chánh xứ Chí Hòa sau 1975. Cha Vui sanh năm 1917; quê Đức Hòa, Long An; là người Việt Nam đầu tiên được bổ nhiệm là linh mục chánh sở Nhà thờ chánh tòa Đức Bà Sài Gòn (1955-1957). Cha là một nhà nghiên cứu uyên bác, từng trong nhóm 18 chính trị gia nổi tiếng miền Nam lúc ấy ký tên trong "Tuyên cáo Caravelle" 26-4-1960 cảnh báo chính quyền Ngô Đình Diệm về những chính sách độc đoán của chế độ.

Một góc bản đồ "Environs de Saïgon 1900" (Vùng phụ cận/ngoại ô Sài Gòn năm 1900). Giao lộ bên trái là ngã tư Bảy Hiền hiện nay. Giao lộ bên trên (có ghi chú "Tombeau de l'évêque d'Adran": mộ giám mục (hiệu tòa) Adran, tức Lăng Cha Cả). Khu mộ đã bị giải tỏa giữa thập niên 1980, nay là một nút giao thông. Ngã ba giữa ảnh bên dưới nay là ngã ba Ông Tạ. Bản đồ này ghi nhận có một nhà thờ (église) ở một khu vực cao ráo nay là chợ Phạm Văn Hai. Khu vực có nhà thờ Chí Hòa (hiện nay - góc trái bên dưới) còn là một trang trại (ferme). - Ảnh tư liệu.

Trong bản ghi chép này, cha Vui có nhắc đến một tường thuật của cha Phêrô Thái. Linh mục Phêrô Đặng Ngọc Thái sanh năm 1877, vốn là chánh xứ Chí Hòa hai năm 1942-1943. Xin mạn phép trích đăng một phần (nguyên văn, chỉ chỉnh sửa vài quy cách theo chính tả hiện nay):

"1/ Thành lập: Năm 1890, một họ đạo nhỏ được thành lập nhờ công sức của linh mục bổn sở Tân Định là Génibrel (cố Thượng). Đó là nhà thờ Thạnh Hòa. Nhà thờ này bề ngang 6m00, bề dài 20m00, mái lợp ngói âm dương, vách đóng ván bố kho, ở trên một khoản đất thuộc làng Tân Sơn Nhứt, nơi đất thánh của Tân Định, bây giờ là đường Phạm Văn Hai, quận Tân Bình. (…)

2/ Dời địa điểm: Năm 1900, Đức cha Lucien Mão (Mossard) đứng ra xây cất một nhà thờ mới khác, ở một địa điểm khác, bên làng Phú Thọ Hòa kế cận, số đất này lối 600 hecta, do lòng quảng đại của ông bà Lê Phát Đạt dâng cúng cho địa phận.

(…) Năm 1903, xây cất xong nhà thờ và nhà cha sở, Đức cha ra lệnh dời họ Thạnh Hòa về Chí Hòa, và đặt Đức Mẹ Môi Khôi làm bổn mạng".

Chí Hòa bấy giờ thuộc làng Tân Sơn Hòa, một làng mới được tách ra khỏi làng Tân Sơn Nhứt và Phú Thọ Hòa. Ngôi nhà thờ đầu tiên 1890 ở làng Chí Hòa, đầu tiên ở khu Ông Tạ như vậy đã phần nào rõ "tông tích". Và ngôi nhà thờ ấy đã không còn hơn thế kỷ nay, sau khi một ngôi thánh đường mới được xây dựng, thay thế năm 1903.

Chí Hòa, ngôi thánh đường hơn trăm năm của Gia Định xưa

Nhà thờ Chí Hòa là ngôi thánh đường nhiều người ở Sài Gòn - Gia Định xưa đều biết này có "anh em, bà con ruột thịt" với ba ngôi thánh đường Sài Gòn xưa nổi tiếng: Chợ Quán, Tân Định, Chợ Đũi (tức Huyện Sỹ); thậm chí như "anh em song sinh" với nhà thờ Huyện Sỹ.

Nhà thờ Chí Hòa hiện nay là một trong bảy ngôi nhà thờ, tu viện xưa nhất đất Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn: Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn (1863), nhà thờ Tân Định (1876), nhà thờ Đức Bà Sài Gòn (1880), nhà thờ Chợ Quán (1896), nhà thờ Cha Tam (1902), nhà thờ Chí Hòa (1903) và nhà thờ Huyện Sỹ (1905).

Lược sử giáo xứ Chí Hòa ghi: "Họ Chí Hòa khởi đầu là họ nhánh của họ Chợ Quán (1771-1890) được Đức Giám mục Phêrô Bá Đa Lộc quy tụ, sau đó là họ nhánh của họ Tân Định".

Cơ duyên "Đức Giám mục Phêrô Bá Đa Lộc quy tụ" là do khi đến khu vực Chí Hòa, nay là Lăng Cha Cả, lúc ấy thuộc làng Tân Sơn Nhứt, ngài đã gặp một số giáo dân ở đây. Tuy nhiên, không rõ khi là họ nhánh của Chợ Quán, khu vực này có nhà thờ chưa?

Có lẽ chưa. Kỷ yếu họ đạo Tân Định năm 2001 ghi: "Địa bàn An Hòa (phạm vi của nhà thờ Tân Định) lúc này rất rộng, gồm có những làng: Tân Định, Hiệp Hòa, Đất Hộ (Đakao), Phú Nhuận, Chí Hòa và Tân Sơn. Tại Chí Hòa có lăng Đức Cha Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine), thường gọi là Lăng Cha Cả. Cha Le Mée thỉnh thoảng đến đó dâng lễ cho các bổn đạo chung quanh tới dự, vì họ sống xa nhà thờ chánh". Nghĩa là trước đó giáo dân xung quanh Chí Hòa, bao gồm Thạnh Hòa, dự lễ tại Lăng Cha Cả.

Chỉ biết khi trở thành họ nhánh của họ Tân Định thì 14 năm sau khi xây dựng xong nhà thờ Tân Định[128] (1890), ngôi nhà thờ đầu tiên trên đất Gia Định có mặt ở khu vực nay là chợ Phạm Văn Hai (Tân Bình).

[128] Khánh thành ngày 16-12-1876, trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn bốn năm.

Nhà thờ lúc ấy mang tên Thạnh Hòa do nằm trên đất Thạnh Hòa, một thôn của làng Tân Sơn Nhứt với khuôn viên khá rộng. Tư liệu họ đạo Tân Định cho biết đất thánh (nghĩa trang) Tân Định có từ năm 1905, tức sau hai năm nhà thờ Thạnh Hòa dời về ngôi nhà thờ mang tên Chí Hòa hiện nay. Nghĩa trang họ Tân Định này tồn tại đến giữa thập niên 1980 với hơn 4.000 mộ; có hàng rào xây bao bọc xung quanh, cao hơn hai mét, tách biệt hẳn với bốn nghĩa địa khác bằng một con đường đất rộng hai, ba mét đi vào chùa Hải Quang (nay chùa vẫn còn).

Đất thánh này cách nhà tôi chừng trăm mét. Đến giữa thập niên 1980 vẫn là đất của giáo xứ Tân Định, không thuộc giáo hạt Chí Hòa của nhiều giáo xứ khu vực này. Lúc đó, cứ đến ngày lễ Các Thánh của Công giáo, các linh mục nhà thờ Tân Định đến làm lễ ở đây. Tôi vẫn thường ra đó dự lễ.

Building Đại Lợi đang xây giữa thập niên 1960 (hiện vẫn còn). Trước building là khu vực nghĩa trang Tân Định vốn có tiền thân là nhà thờ Thạnh Hòa xây dựng năm 1890. Khu nghĩa trang này đã giải tỏa năm 1984 (nay là chợ Phạm Văn Hai). Trong nghĩa trang xưa có ngôi nhà nguyện ở giữa mỗi dịp lễ Các Thánh đều có các linh mục giáo xứ Tân Định về làm lễ mà tôi thỉnh thoảng có dự. Nhà tôi lúc ấy là dãy nhà ngói bên dưới, góc trái ảnh.

- Ảnh tư liệu.

Nhà thờ mới, họ đạo mới

Trước năm 2000, có một con đường ở giáo xứ Nghĩa Hòa (nay là Phường 7, Quận Tân Bình) mang tên Lê Phát Đạt (nay là đường Đặng Lộ), gần nhà thờ Chí Hòa. Không phải ngẫu nhiên, một số tư liệu hiện nay trong xã hội, sách báo lẫn văn bản của các giáo xứ cho rằng: Đất đai, nhà thờ Thạnh Hòa nằm trong khu đất 600 hecta của ông Huyện Sỹ Lê Phát Đạt dâng cúng. Riêng báo Nam Kỳ Địa Phận, số 515, ngày 26-12-1918 (trang 807) và số 516, ngày 1-1-1919 (trang 07) ghi là 480 hecta. Lý do: họ nhánh Thạnh Hòa lúc ấy là một họ đạo nghèo với khoảng 100 giáo dân. Ông Huyện Sỹ dâng cúng đất để nhà thờ cho bà con nông dân thuê trồng trọt, giải quyết chi phí sinh hoạt trong họ đạo. Chi phí xây dựng ngôi nhà thờ này cũng do ông Huyện Sỹ dâng cúng.

Ông Huyện Sỹ Lê Phát Đạt là ông ngoại của Nam Phương hoàng hậu, vị hoàng hậu cuối cùng của Nhà Nguyễn, vợ vua Bảo Đại. Ông là người giàu nhất Sài Gòn xưa, thuở Pháp mới vô. Người ta thường truyền miệng: "Nhất Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định".

Tài liệu đánh máy lưu trong văn khố của Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn chép: "Năm 1903 việc xây cất xong. Đức cha Mão ra lịnh dời số bổn đạo từ nhà thờ Thạnh Hòa sang nhà thờ mới này để lo bề khai thác đất đai lấy huê lợi nuôi dưỡng các cha về hưu".

Tức những giáo dân đầu tiên của họ đạo sau này là Chí Hòa này vốn ở khu vực hiện nay là chợ Phạm Văn Hai, đường Bùi Thị Xuân… chuyển sang. Sở đất và chi phí xây dựng nhà thờ Thạnh Hòa mới chắc chắn được dâng cúng trước khi ông Lê Phát Đạt qua đời năm 1900. Các tài liệu ghi nhận việc xây dựng này thống nhất: Khi chuẩn bị xây dựng nhà thờ Huyện Sỹ, nghe thông tin nhà thờ Thạnh Hòa xuống cấp mà họ nhánh Thạnh Hòa này nghèo quá, không làm gì được, ông Lê Phát Đạt quyết định giảm quy mô thiết kế ban đầu của nhà thờ Huyện Sỹ từ năm gian, cắt bớt một gian còn bốn gian và dùng số tiền dư ra để xây nhà thờ Chí Hòa.

Nhà thờ Huyện Sỹ khá phức tạp, cầu kỳ nên mãi năm 1905 mới khánh thành. Trong khi đó, tính cấp bách lẫn đơn giản của ngôi nhà thờ mới khiến trước đó hai năm, năm 1903, nhà thờ Thạnh Hòa đã xây dựng xong. Hai bản tài liệu đánh máy trong văn khố lưu ở Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn ghi rõ điều này.

(Thực tế nhà thờ Huyện Sỹ khởi công năm 1902, vậy khó có thể hình dung nhà thờ Chí Hòa hiện nay xây xong trước đó 12 năm: 1890 - như hầu hết các thông tin hiện nay về năm xây dựng xong nhà thờ Chí Hòa).

Tư liệu trong văn khố của Tòa Tổng giám mục Sài Gòn ghi: "Nhà thờ mới này xây theo kiểu nhà thờ trong nhà thương Đồn Đất, bây giờ là bệnh viện Nhi Đồng 2, Quận 1. Sở phí xây cất lên tới 30.000 đồng, lấy bớt ra trong số tiền xây cất nhà thờ Chợ Đũi, vì thế nhà thờ này mất đi một căn. Nhà thờ Chí Hòa có diện tích ngang 18m, dài 40m, cao 18m".

Và vị trí ngôi nhà thờ mới này, dù vẫn tên Thạnh Hòa nhưng lúc đó đã không ở thôn Thạnh Hòa (thuộc làng Tân Sơn Nhứt) mà giờ đã thuộc làng Phú Thọ Hòa.

Về tổng thể, nhà thờ Chí Hòa không hoành tráng, cầu kỳ như một số nhà thờ xưa của Sài Gòn cùng thế hệ; cũng theo phong cách kiến trúc Gothic Pháp như nhà thờ Huyện Sỹ, nhà thờ Tân Định… nhưng đã được giản lược nhiều. Dễ hiểu thôi, sở phí xây dựng nhà thờ Chí Hòa chỉ bằng một phần mười sở phí xây dựng nhà thờ Huyện Sỹ.

Tuy nhiên, bù lại, khuôn viên nhà thờ Thạnh Hòa rất rộng. Xung quanh nhà thờ còn là hàng trăm hecta đất thuộc sở hữu nhà thờ. Số giáo dân tăng mạnh, từ 100 lên 700 người, do giáo dân xung quanh tìm đến thuê đất canh tác.

Linh mục Phêrô Nguyễn Thông Lý nhận bài sai (quyết định bổ nhiệm) làm linh mục chánh xứ tiên khởi của giáo họ mới này. Ban quới chức (ban chức việc) của giáo họ Chí Hòa với các ông trùm (đứng đầu ban quới chức), câu (phụ tá của ông trùm, lo đốc xuất công việc), biện (người đứng đầu một địa sở, một sở biện, một khu vực trong giáo họ; tương đương giáo khu) đa số là những gương mặt giáo dân từ Thạnh Hòa (cũ) sang.

Nhà thờ Chí Hòa còn gọi là Chí Hòa Nam, như một khẳng định sinh hoạt, lề lối tôn giáo theo phong cách miền Nam, cho tới nay vẫn là cách hành lễ, đọc kinh, sinh hoạt tôn giáo… rất riêng, rất Nam bộ, rất Sài Gòn - dù từ 1954, hàng loạt cộng đoàn giáo dân Bắc 54 tràn ngập khu vực. Thậm chí hàng ngàn giáo dân mới của giáo xứ Chí Hòa là dân Bắc 54. Và những giáo dân Bắc 54 này hoàn toàn hòa nhập một cách vui vẻ, thoải mái với cách hành lễ rất Nam bộ, rất Sài Gòn này, đến tận hôm nay. Nhà thờ cách Trường Tiểu học Mai Khôi tôi học hồi đầu thập niên 1970 dăm chục mét. Cứ sau giờ học, đám học trò chúng tôi lại kéo nhau vào đây chơi, Noel thì rủ nhau đi ngắm hang đá bên hông nhà thờ.

Ông bà Huyện Sỹ và cha mẹ, con cái được chôn cất, dựng tượng ở một số nhà thờ khu Sài Gòn - Gia Định

Con trai ông Huyện Sỹ là Lê Phát An cũng là người dâng cúng đất, toàn bộ chi phí xây dựng và bàn ghế, vật dụng trong nhà thờ Hạnh Thông Tây (1921). Để nhớ ơn, các giáo xứ Huyện Sỹ, Hạnh Thông Tây, Chí Hòa đều có chôn gia đình, thân nhân ông Huyện Sỹ ngay ở gian cung Thánh nhà thờ.

Nhà thờ Huyện Sỹ chôn cất vợ chồng ông Huyện Sỹ (1841-1900) phía sau gian cung Thánh, với hai bức tượng điêu khắc tinh xảo trên mộ.

Tượng toàn thân ông Huyện Sỹ kê đầu trên hai chiếc gối bằng đá cẩm thạch, đầu đội khăn đóng quay về cung Thánh nhà thờ, mình mặc áo dài gấm hoa văn tinh xảo, hai tay đan vào nhau trước ngực, chân đi giày. Đối diện bên kia là tượng vợ ông, bà Huỳnh Thị Tài (1845-1920), tóc búi, cũng dựa trên hai chiếc gối, hai tay nắm trước ngực, mặc áo dài gấm, chân mang hài.

Qua cổng sắt nhỏ là hai bức tượng bán thân bằng thạch cao của hai ông bà đặt trên vách đối diện nhau. Phía trong cùng là hai tượng bán thân bằng thạch cao của vợ chồng người con trai ông Huyện Sỹ là Jean Baptiste Lê Phát Thanh (1864-1948) và vợ là Anna Đỗ Thị Thao (1865-1922). Vợ chồng người con ông Huyện Sỹ được đặt tượng ở đây do dâng cúng hai quả chuông đồng (trong số bốn quả chuông trong nhà thờ này), đặt đúc bên Pháp.

Nhà thờ Hạnh Thông Tây chôn vợ chồng ông Lê Phát An ở hai bên cánh nhà thờ. Cả hai pho tượng điêu khắc kỳ công, đậm chất "Nam bộ". Trước mộ ông Denis Lê Phát An là tượng người vợ mặc áo dài Nam bộ, cầm bó hoa quỳ gối ôm choàng bia mộ. Ngược lại, trước mộ của bà Anna Trần Thị Thơ có tượng người chồng đang quỳ cầu nguyện và thương tiếc. Cả hai bức tượng đều được điêu khắc sống động, chi tiết trên đá cẩm thạch trắng. Riêng bia mộ bằng đá hoa cương, trên bia mộ ghi tên hai người thực hiện: kiến trúc sư người Pháp Paul Ducuing (cũng là người thực hiện hai pho tượng ở lăng vua Khải Định ở Huế) và nhà điêu khắc người Pháp A. Contenay.

Trong nhà thờ Chí Hòa cũng có mộ bà Mađalêna Phạm Thị Tin, thân mẫu ông Huyện Sỹ, mất năm 1886, thọ 69 tuổi và mộ cô Maria Lê Thị Hòa, con gái ông Huyện Sỹ, mất năm 1891, hưởng dương 10 tuổi.

Khu rừng cao su cuối cùng của Sài Gòn - Gia Định

Bà con Ông Tạ ở các giáo xứ Chí Hòa, Nghĩa Hòa, Nam Hòa, Sao Mai… cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960 hầu như ai cũng từng vào rừng cao su Phú Thọ dạo mát, lượm vỏ và cành cao su khô về nấu bếp...

Đám trẻ con tinh tướng hơn. Chúng kéo nhau hàng đàn, hàng lũ vào rừng tắm ao, câu cá, bắn chim… Thuở ấy, chim chóc còn nhiều. Có đứa còn băng qua rừng cao su bên kia ngã tư Bảy Hiền (khu xóm dệt, giáo xứ Phú Trung hiện nay - trước 1960 chưa có dân) để mò tới cả khu Bàu Cát gần Bà Quẹo.

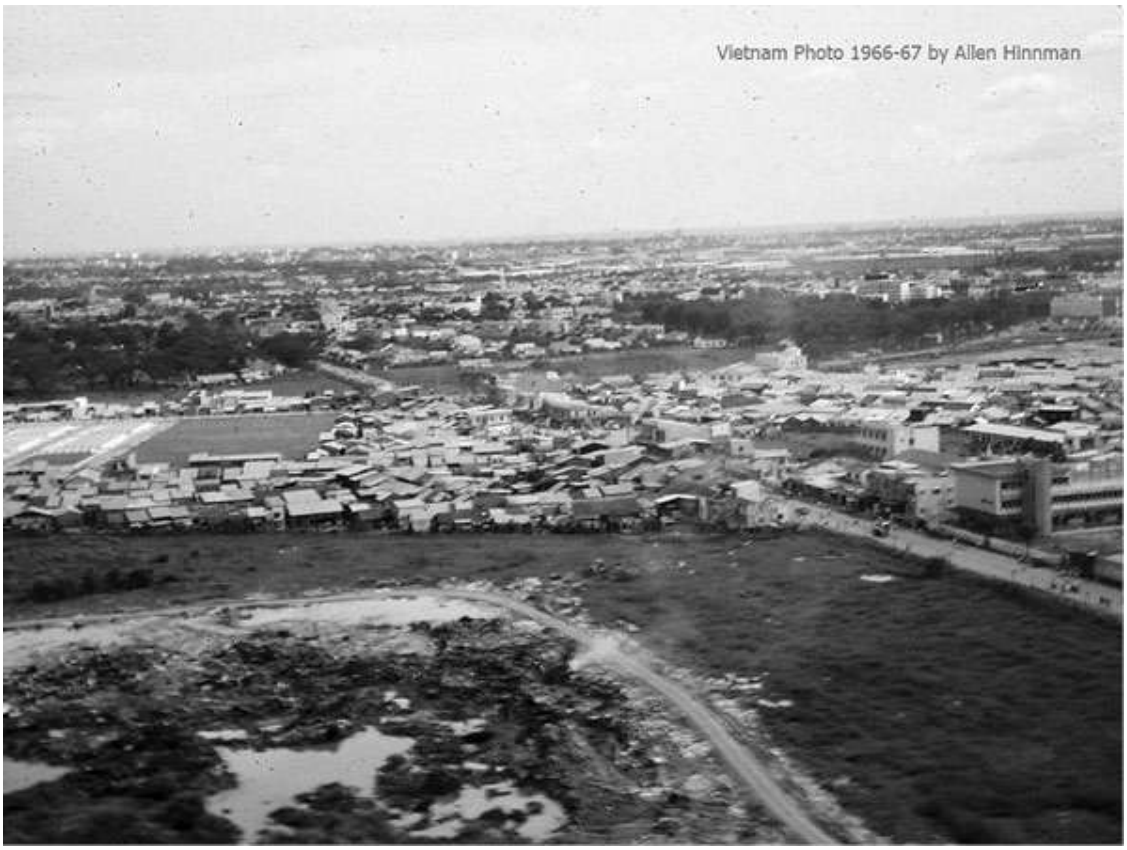

Khu vực ngã tư Bảy Hiền năm 1966-1967 từ khu vực Hoàng Hoa Thám hiện nay về phía ngã tư Bảy Hiền. Dãy nhà chạy ngang giữa ảnh là đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ). Đến thời điểm này, bên phải ảnh vẫn còn một khoảnh rừng cao su phía sau Bệnh viện Thống Nhất hiện nay. Mảng cây xanh bên trái là khu "rừng" điệp của Trung tâm Thực nghiệm Chăn nuôi (nay là khu Chăn Nuôi). Mảnh đất phía trước "rừng" điệp sau này là trường THPT Nguyễn Thượng Hiền. - Ảnh: Allen Hinnman.

Phía sau nhà thờ Chí Hòa gọi là Rừng 1. Thằng nhóc Trịnh Quang Tiến, con ông chủ tịch Hội nghiên cứu Văn hóa dân tộc của Sài Gòn trước 1975, thường đá banh ở đó và lượm thuốc đạn rất nhiều ở đây. Đây là loại thuốc mồi trong súng cà nông (pháo); không rõ của đơn vị pháo nào mà xài xong xả vương vãi khắp nơi. Đám con nít khu Ông Tạ ra đây, nhặt về chơi cả chục năm vẫn còn.

Có người bảo khu vực này nguyên xưa là vùng chiến lũy từ thời kháng Pháp, sau bị quân đội Pháp chiếm được và đặt trại lính ở đây nên số thuốc súng còn rơi rớt trong khu vực này nhiều lắm. Nhưng anh T. T., con trai trung tá Việt Nam Cộng Hòa N.V.N. ở ngõ Con Mắt lại bảo: "Có lẽ lúc đó binh chủng Nhảy dù bắt đầu được trang bị súng đại bác nhỏ 105mm, nên tiểu đoàn dù đóng ở trại Phạm Công Quân kéo ra rừng cao su bắn tập không có đầu đạn, những bao 'thuốc bồi súng đại bác' đó đôi khi không cháy hết vì bị xì ở nút đậy vỏ đạn 'blank' nên bị phun ra khỏi nòng tung tóe, có khi nguyên bao".

Trẻ con Ông Tạ không cần biết nguồn gốc của nó, chỉ thấy có là nhặt cho bằng hết. Thuốc đạn đem về bọc trong giấy bạc thuốc lá đốt, bay xè xè, cả đám vừa xô nhau chạy vừa ré lên cười. Có trúng đứa nào cũng chỉ nong nóng một chút. Có lúc chúng kéo nhau ra Rừng 1 đứng bên đường đất sỏi đỏ xem lính đi trên những chiếc xe GMC tập trận chống phục kích.

Đám trẻ con Ông Tạ còn lượm những hột cao su về chơi. Hột cao su cứng lắm, có mấy đốm đen trên nền vỏ nâu bóng, nhìn rất giống… đầu lâu. Đem về dọa trẻ con có đứa khóc thét. Có đứa mài xuống nền xi măng cho nóng xong dí vào nhau, nóng có khi phỏng tay. Giờ ra chơi ở Trường Trung Tiểu học Mai Khôi tôi học (nay là Trường Tiểu học Bành Văn Trân), có đứa bị dí, sưng cồ, xô vào vật nhau. Dì (soeur) Thúy tổng giám thị phải ra tay "trấn áp", trừng trị mỗi đứa mấy roi.

Anh Thế Sơn, em ca sĩ Giang Tử lúc ấy nhà ngay đầu hẻm Gà (nay là hẻm 264 Phạm Văn Hai) gần chợ Ông Tạ thì khi học Trường Tiểu học Nghĩa Hòa đã lò mò ra mấy khoảnh rừng cao su mới trồng sáu, bảy tuổi, cạo lấy mủ được rồi để gỡ mủ cao su còn dính ở thân và bát đựng mủ. Cả đám con nít cứ cuộn tròn, dần dần to bằng quả cam thì mang ra chia phe đá banh cao su. Sân banh là bìa Rừng 1 hoặc sân đền thánh Vincentê (giờ là nhà thờ Vinh Sơn 3). Có nhóm dàn trận đánh nhau bằng cách bẻ cành non cỡ ngón tay cái, quất nhau một hồi, cành nào cũng chỉ còn một khúc. Cành cao su non rất giòn, quất trúng người là gẫy nên cuộc chiến chỉ là mấy vết ran rát nhè nhẹ, về tắm bình thường…

Thỉnh thoảng Rừng 1 còn là nơi cắm trại của thanh thiếu nhi các giáo xứ, hội đoàn trong vùng. Cắm trại ngay gần nhà quả còn gì bằng. Có kẹt gì, thiếu gì chỉ cần chạy vài bước là về tới nhà.

Khu rừng ấy không rõ có từ khi nào, chỉ biết nó có sau khu rừng cao su đầu tiên ở Việt Nam, không phải ở Dầu Giây (Đồng Nai), Lộc Ninh, Tây Ninh… mà ở khu vực nay là công viên Gia Định (giáp ranh Phú Nhuận - Gò Vấp). Tại đây, ông Belland - cảnh sát trưởng Sài Gòn, từ năm 1897 đến năm 1901 - đã trồng thí nghiệm 10.000 gốc cao su giống Brastil mua ở đảo Tích Lan (Sri Lanka) mang về. Sau đó, một số nơi khu vực Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định cũng mọc lên các đồn điền cao su. Bản đồ Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1923 cho thấy rừng cao su đã mọc đầy khu vực

Phú Thọ, ăn qua đường Bắc Hải, bao trùm cả khu cư xá Bắc Hải, hai phần ba công viên Lê Thị Riêng hiện nay, tới sát Hòa Hưng.

Khu vực rừng cao su cuối cùng của Sài Gòn - Gia Định trên bản đồ năm 1959. Ngã tư bên trên là ngã tư Bảy Hiền. Đường chạy dọc giữa rừng

cao su hiện nay là đường Lý Thường Kiệt. Con kinh thẳng giữa ảnh đã bị lấp, hiện nay là đường Bắc Hải. - Ảnh tư liệu.

Ban đầu thấy dáng cây thẳng thớm, người Pháp còn trồng dọc một số con đường nay là Võ Thị Sáu, Trương Định, Tú Xương… Sau đó, hầu hết bị đốn bỏ vì cành nhánh giòn, lá rụng nhiều, tuổi thọ không cao, cây lớn gốc u sần không đẹp, không phù hợp với cây trồng trên đường phố đô thị.

Không hiểu sao, có thể do thập niên 1920-1930, phi trường Tân Sơn Nhứt xuất hiện, khu rừng cao su Phú Nhuận biến mất. Những nơi khác cũng không còn. Chỉ còn lại khu rừng cao su vùng Phú Thọ, ở hai bên đường Nguyễn Văn Thoại[129]. Từ ngã tư Bảy Hiền đến khu vực trường Đại học Bách Khoa TP. HCM ở Phú Thọ hiện nay trước khi bà con Bắc 54 tới, liên tiếp các cánh rừng cao su.

[129] Nay là Lý Thường Kiệt.

Nhưng trên bản đồ Sài Gòn 1947, rừng cao su khu vực Phú Thọ đã "rút" ra khỏi khu hiện nay là cư xá Bắc Hải, chỉ còn từ khu vực hồi 1954 là Nghĩa Hòa, Nam Hòa (hiện nay là Phường 6, Phường 7, Quận Tân Bình) lên Phú Thọ.

Chính bà con, cộng đoàn giáo xứ Nghĩa Hòa khi tạm cư ở "Phú Thọ lều" đã men theo những cánh rừng này để "phát hiện" ra Nghĩa Hòa, hình thành nên Ông Tạ hôm nay.

Diện tích ban đầu của các khu rừng này bao nhiêu tôi không rõ. Chỉ biết đến cuối thập niên 1950, bản đồ của Nha Địa dư Quốc gia, Sài Gòn,

xuất bản lần đầu năm 1958 cho thấy các khu rừng cao su vẫn còn khoảng trên dưới 100 hecta.

Từ đền thánh Micae, giáo xứ Nghĩa Hòa đến đường Âu Cơ (Tân Phú bây giờ) có mấy khu rừng cao su, gọi là Rừng 1, Rừng 2, Rừng 3 và Rừng 4. Rừng 1 ban đầu từ một phần khu vực giáo xứ Nghĩa Hòa hiện nay, cụ thể từ đường Nghĩa Phát, Trần Triệu Luật lên phía sau nhà thờ Chí Hòa, ăn lên Nguyễn Văn Thoại.

Góc đường Thánh Mẫu (nay là Bành Văn Trân) - Vân Côi lúc ấy vẫn còn vài gia đình hành nghề chạy xe ngựa. Gần đó có chuồng nuôi ngựa đua của bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy (cha cố MC Việt Dzũng nổi tiếng ở hải ngoại) với con Tina nhiều người biết tên. Bà con gọi là xóm Chuồng Ngựa.

Gần ngã ba Ông Tạ hiện nay còn một con hẻm nhỏ (thông từ đường Cách Mạng Tháng Tám ra Bành Văn Trân) tên Bác Sĩ Bảy, do nhà ông ngay đầu hẻm. Bác sĩ Bảy gốc Nghệ An, Công giáo, cựu dân biểu hạ nghị viện khu vực xã Tân Sơn Hòa (Ông Tạ); thiếu tá, y sĩ trưởng Bộ Tổng tham mưu và Sư đoàn 5 Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Rừng 2, 3 đối diện bên kia đường Nguyễn Văn Thoại, qua Lạc Long Quân hiện nay, sang bên kia ngã tư Bảy Hiền (nay là giáo xứ Phú Trung và một phần khu xóm dệt Quảng Nam, phần còn lại là ruộng rẫy) một khoảnh. Còn về hướng bắc nam, hai khu Rừng 2, 3 chạy dọc hai bên đường Nguyễn Văn Thoại, xuống tới sát cư xá Lữ Gia, gần tới trường đua Phú Thọ xây dựng năm 1932. Khu vực trước khi xây dựng trường đua ngựa này có phải là rừng cao su không thì tôi không rõ.

Từ năm 1965, khi Mỹ đổ quân vô miền Nam, các cánh rừng cao su bị đốn bỏ, giải tỏa dần để phân lô bán hoặc thành các chung cư, căn cứ lính

Mỹ. Theo anh Phạm Hùng Nghị (cháu rể hụt của bà lý Sóc ngõ Con Mắt), rừng cao su này thuộc sở hữu của Tòa Tổng giám mục Sài Gòn. Khi quân đội Mỹ sử dụng, họ lờ không đền bù thiệt hại. Sau có một người làm ở Đại sứ quán Mỹ giúp Tòa Tổng đòi được một số tiền lớn.

Trước đó, các khu rừng cao su thuộc trong khu đất 600 hecta ông Huyện Sỹ dâng cúng nhà thờ Chí Hòa hồi cuối thế kỷ 19.

Sau khi giải tỏa, một số sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa cũng mua đất nơi đây xây nhà. Một trong những căn nhà đầu tiên là nhà đại tá Bùi Dzinh. Ông Dzinh dân Công giáo, gốc làng Xuân Hòa, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình (cùng huyện với Tổng thống Ngô Đình Diệm và Đại tướng Võ Nguyên Giáp). Ông là người hai lần, 1960 và 1963, mang sư đoàn của mình từ miền Tây lên phản đảo chánh cứu Tổng thống Ngô Đình Diệm. Sau đó còn tham gia đảo chánh Quốc trưởng, tướng Nguyễn Khánh đầu năm 1965. Thất bại, đại tá Bùi Dzinh bị tuyên án tử hình, sau tha bổng, nhưng coi như kết thúc cuộc đời binh bị.

Đường Sở Mỹ khoảng năm 1968, 1969. Bên trái ảnh là nhà thờ Chí Hòa, khu nhà bên phải ảnh hiện nay vẫn còn.Ảnh: Nguyễn Thọ Quảng, người thuê nhà góc ngã tư Nguyễn Văn Thoại - Sở Mỹ.

Căn nhà của ông đầu đường Sở Mỹ (dân tự đặt, nay là Lê Minh Xuân) bị tịch thu. Gia đình ông trước đó đã mua căn nhà khác ở đối diện hồ tắm Cộng Hòa (một người thân trong gia đình hiện vẫn ở).

Rừng cao su bị đốn dần chứ không cùng lúc. Đến 1966, 1967 vẫn còn một khoảnh rừng sát trại lính Nhảy dù. Có người nói để làm hậu cứ cho trại lính nếu bị tấn công. Khi đốn, trẻ con Ông Tạ mò tới coi chỗ mình chơi ra sao. Ở Rừng 1, khu vực đường Đông Sơn hiện nay lộ ra mấy cái bồn lớn, không rõ là gì - chứa xăng dầu chăng? Mỗi bồn đường kính đến chục mét, chôn dưới đất, nhô lên trên chừng một mét.

Đốn xong, nhiều sở Mỹ, cư xá Mỹ… mọc lên. Một số bà con Nghĩa Hòa rủ nhau đi làm cho họ. Lương cao hơn làm công chức Việt Nam Cộng Hòa.

Những năm 1971, 1972, tôi và bạn bè học Trường Mai Khôi đi theo đường Vân Côi ra đó, thỉnh thoảng vẫn còn lượm được thuốc đạn về cuốn trong giấy bạc đốt bay vòng vòng chơi. Lúc ấy, khu vực này đã yên. Trước đó vài năm, tôi nghe bạn bè Mai Khôi của tôi kể trẻ con khu Nghĩa Hòa từng có nhiều trận đánh nhau thật sự ác liệt với đám con nít lượm rác Mỹ từ bên đường Lạc Long Quân hiện nay sang. Hai bên hẹn hò, bố trí, dàn trận… hẳn hoi. Mấy anh lính Sài Gòn ở xứ Nghĩa Hòa thay vì can ngăn còn nhào vô cầm đầu, hỗ trợ trẻ con xóm mình, chế súng bắn bi cho chúng (!).

Phác họa khu ngã tư Bảy Hiền cuối thập niên 1950 đến cuối thập niên 1960

Khu rừng Phú Thọ chỉ chịu dừng lại ở một trại lính Pháp trước 1954 ở ngã tư Bảy Hiền. Trại lính này sau là trại Tiểu đoàn 3 Nhảy dù Phạm Công Quân. Đến 1969, trại lính này cũng rút, lấy đất xây Bệnh viện Vì Dân (nay là Bệnh viện Thống Nhất). Trước khi là trại lính Pháp, khu vực này lại là đất khẩn hoang trước khi có phi trường Tân Sơn Nhứt của một gia đình ở Hạnh Thông Tây (Gò Vấp). Một người cháu của dòng tộc này, ông Giang Ngọc Phương, hiện là phó giám đốc Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước. Thời sau 1945, ông của Phương theo Việt Minh, bị bắt; miếng đất khẩn hoang này bị chính quyền Pháp tịch biên.

Dân Ông Tạ cũng đành chịu dừng việc "mở rộng lãnh thổ" mình ở trại lính này. Sang bên kia ngã tư Bảy Hiền, hồi mới di cư vào cũng là rừng cao su, tức đất đồn điền, không thể lấn chiếm. Thế là họ đi vòng qua với việc gián tiếp lập ra giáo xứ Tân Việt, đối diện trại Sư đoàn Nhảy dù Hoàng Hoa Thám (nay là chợ và đường Hoàng Hoa Thám).

Cụ thể linh mục chánh xứ Cổ Việt (Thái Bình) Đaminh Vũ Đức Triêm sau một thời gian khoảng hơn bốn tháng ở khu vực nay là giáo xứ Nam Thái - ngay ngã ba Ông Tạ - cùng một số con chiên mình từ Bắc vào đã chủ động rời khu này, đến khu đất ba hecta do Tòa Tổng giám mục Sài Gòn cấp và lập nên giáo xứ Tân Việt. Khu vực Nam Thái để lại cho bà con gốc giáo xứ Cổ Gia quê hương của cha.

Giữa thập niên 1960, khi rừng cao su bị phá bỏ, một số bà con Duy Xuyên, Điện Bàn (Quảng Nam) cùng ông nghè Diễn tiến vào, lập nên làng dệt Bảy Hiền, với số dân lúc đó khoảng vài ngàn; tập trung ở đường Võ Thành Trang, Năm Châu, Nguyễn Bá Tòng… (Phường 11 và một chút Phường 12, Quận Tân Bình hiện nay). Chợ Bà Hoa của bà con

Quảng Nam, bán nhiều món xứ Quảng, miền Trung có khá trễ, khoảng đầu thập niên 1970, sau chợ Ông Tạ hơn 15 năm.

Cộng đồng giáo xứ Nghĩa Hòa - Ông Tạ tiếp tục mở rộng "lãnh thổ" ra tới đường Nguyễn Văn Thoại: năm 1970, thành lập một ngôi trường nay là Nguyễn Gia Thiều. Thậm chí, một nhóm giáo sư, trong đó có cư dân Ông Tạ còn chung tay mở trường Nhân Chủ (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình).

Ngã tư Bảy Hiền năm 1966. Bên trái ảnh vẫn còn một khoảnh rừng cao su phía sau Bệnh viện Thống Nhất hiện nay. - Ảnh tư liệu.

Bên kia Quốc lộ 1, đối diện rừng cao su khu vực ngã tư Bảy Hiền là khu nghĩa địa Quân đội Pháp có khoảng đầu thập niên 1950. Đầu thập niên 1960, một số người Bắc 54 lấn chiếm khu vực tường rào quanh khu nghĩa địa này, nhìn ra đường Võ Tánh (nay là Hoàng Văn Thụ), Quốc lộ

1 (nay là Trường Chinh), dựng căn nhà gỗ, rồi lên nhà xây, đa số một trệt một lầu…

Bên kia trại lính Nhảy dù (nay là Bệnh viện Thống Nhất) trước 1969, tức khu vực là trường Nguyễn Thượng Hiền hiện nay, là Trung tâm Thực nghiệm Chăn nuôi, rộng đâu khoảng 20 - 30 hecta gì đó. Từ ngã tư Bảy Hiền, nếu theo đường Phạm Hồng Thái (nay là Cách Mạng Tháng Tám), trung tâm này tới sát hồ tắm Cộng Hòa; còn theo đường Võ Tánh, nó tới khoảng đường Nguyễn Đình Khơi hiện nay.

Trung tâm này hầu như không hoạt động. Hồi 1969, khi mới bảy tuổi, chữa bệnh nám phổi suốt nửa năm ở nhà thương Đại Hàn (sau trường Nguyễn Thượng Hiền - lúc ấy chưa xây - nay vẫn còn, là Bệnh viện Tân Bình), tôi đi qua nhìn vô như đất hoang. Trong đó toàn những cây điệp cổ thụ, có cây gốc hai vòng tay. Khoảng 1970-1971, trong phong trào tự phát "Người cày có ruộng - Thương phế binh có nhà" lẫn biến cố người Việt ở Campuchia bị kỳ thị đã ồ ạt hồi hương, khu này phân cho bà con Việt kiều và thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Một số dân cũng tranh thủ "cắm dùi", lập ra khu Chăn Nuôi (bên hông Trường Nguyễn Thượng Hiền, phía Phạm Hồng Thái) và giáo xứ Thương Binh (nay là giáo xứ Tân Dân, Phường 4, Quận Tân Bình).

Có thể thấy rõ, ít nhất đến giữa thập niên 1960, khi khu ngã ba Ông Tạ, hàng trăm nhà đã lên ba, bốn, năm tầng, dân cư chen chúc, buôn bán sầm uất thì khu ngã tư Bảy Hiền vẫn còn là vùng đất khá vắng vẻ; toàn lính tráng, thưa thớt dân. Chợ Bà Hoa chưa có. Xa xa có chợ Tân Việt cũng toàn Bắc 54, nhỏ hơn chợ Ông Tạ nhiều. Dân Tân Việt có nhiều bà con ở khu Ông Tạ; gần tết thế nào cũng cố đi chợ tết Ông Tạ.

Sau 1965, một số nhà mặt ngoài nghĩa địa Quân đội Pháp trên đường Võ Tánh làm nghề sửa quần áo lính và đi chợ… Ông Tạ. Có lẽ vì vậy nên bà con khu nhà thờ Chí Hòa, cư xá Tự Do gần ngã tư Bảy Hiền hơn ngã

ba Ông Tạ trước 1975 nhưng đều tự coi mình là dân Ông Tạ chứ không nghĩ mình là dân Bảy Hiền.

Tôi học lớp Bốn, Năm Trường Mai Khôi hai năm 1971-1973, chơi thân với Hoàng Hải Triều, con trai nhà văn Hoàng Hải Thủy nổi tiếng trước 1975. Nhà văn "Công tử Hà Đông" ở khu cư xá Tự Do, làm bài thơ "Áo vàng hoa" đã ghi rõ cuối bài thơ: "Hoàng Hải Thủy - Tháng 7, 1977 - Nhà 259/29 A Phạm Hồng Thái, cư xá Tự Do, Ngã ba Ông Tạ, Sài Gòn".

Đất khởi nguồn rạch Nhiêu Lộc[130]

Có ai dân Ông Tạ không từng đi qua ba cây cầu bắc qua con rạch chạy qua khu Ông Tạ ấy hàng trăm, hàng ngàn lần: cầu Sạn, cầu Ông Tạ và cầu Khuông Việt[131]. Có đứa trẻ con, ít nhất ở bốn, năm giáo xứ cận kề hai bên con rạch này (Nam Thái, An Lạc, Tân Chí Linh, Vinh Sơn, Thái Hòa) trước 1975 chưa từng tắm mưa, lội rạch Nhiêu Lộc?

[130] Bài này xin viết là rạch, không gọi kinh/kênh. Xưa giờ ai cũng biết sông rạch là dòng chảy tự nhiên, kinh/kênh mương là dòng chảy nhân tạo. Nhiêu Lộc rõ ràng là một dòng chảy tự nhiên. Tất cả bản đồ từ thời Pháp đến trước 1975 đều ghi là rạch Nhiêu Lộc.

[131] Từ khu Vinh Sơn, nay là Phường 3, Quận Tân Bình sang khu Khuông Việt - ngõ Cống Bom, nay là Phường 5, Quận Tân Bình.

Bà giáo Dũng thuở còn thiếu nữ lội rạch Nhiêu Lộc ở khu 6, Vinh Sơn, đầu nguồn hiện nay năm 1958. - Ảnh gia đình cung cấp.

Vùng đất "ngập lụt" ký ức

Thuở ấy… Mây trời đen kịt, chuyển mưa là đám trẻ con Ông Tạ đứa nào cũng đã rạo rực lắm rồi. Ngồi học bài không được, bố mẹ sai bảo gì thì cứ như "nước đổ đầu vịt". Miệng chúng "dạ" rõ to nhưng lòng chúng đã tán loạn, mắt chúng đã dáo dác đợi mưa…

Mưa. Trẻ con khắp nơi khu Ông Tạ túa ra đường, mò đi đẩu đi đâu thế nào thì đích đến vẫn chỉ là rạch Nhiêu Lộc. Không hiểu chúng ở đâu ra mà đông quá thể. Đứa chị bế đứa em, thằng lớn cõng thằng bé. Có đứa bị cõng, bị bế hãi nước, gào khóc lạc đi trong tiếng mưa. Kệ, "càng khóc to phổi càng khỏe" (!), đứa cõng, đứa bế bảo vậy và vẫn cứ chạy nhảy, lội mưa, té nước nhau.

Mưa gió là hết phân ranh xóm này xóm nọ. Đám trẻ con Tân Chí Linh, Vinh Sơn chúng tôi lội qua rạch sang bên kia, chúi đầu bắt cá bảy màu ở cánh đồng rau muống ông Nghi bên ngõ Con Mắt - An Lạc, cách nhà cũ của nhà thơ Đỗ Trung Quân vài chục mét.

Chúng té nước vào nhau, văng đầy nhà hai bên. Chủ nhà chửi mắng không xong, chỉ tốn hơi với chúng. Có thằng bé xóm Vinh Sơn tên Đặng Quốc Thông, tuổi tác vai anh cả, anh hai của tôi; nhà gần cầu Khuông Việt, mò qua khu chùa Khuông Việt bên ngõ Cổng Bom lội mưa, phá làng phá xóm. Một ông không rõ là cảnh sát, lính tráng gì đó dí bắt được "thủ phạm nhí", bê bổng, vén quần nó lên, dí nòng súng lục lạnh ngắt vào cái đùi trắng phếu của nó dọa bắn. Thằng bé Thông một phen mặt mũi tái xanh.

Có đấng bậc thầy bu thấy con xa xa, gào lên, át cả tiếng mưa: "Con với cái thế này có được không?! Chúng mày khôn hồn về ngay. Có về không thì bảo… ảo… ảo…". Nghe mà rụng rời, nhưng đứa nào cũng vờ như không nghe, nô đùa trong mưa tiếp, mặc cho "bản án" đã được "tuyên" ngay lúc ấy: "Giời ạ, về là chúng mày chỉ có mà nhừ đòn".

Mưa gió thế kia, không lội phí hoài. Nói cho ngay tình, có về lúc ấy cũng "nhừ đòn". Đàng nào chả "nhừ". "Liều công mất một buổi quỳ mà thôi" (Kiều). Roi mây, chổi lông gà đứa nào cũng ăn sạm cả mông rồi, dù lần nào thầy bu vừa rút cây roi mây mua ở chợ Ông Tạ giắt ở đầu giường là chúng đã van lấy van để, chỉ một "bài" quen: "Ối giời ơi… Con lạy thầy/con lạy bu… Chết con mất thầy ơi/bu ơi. Con biết tội rồi… Con chừa rồi". Lúc ấy, ai nghe cũng não cả ruột gan. Nhưng lần sau chúng có chừa thật không thì đố ai mà biết…

Xóm Đại Lợi của tôi cách rạch hơn trăm mét, thế đất cao nên không bao giờ bị ngập. Buồn thật, thế là cứ mưa, đám trẻ con xóm tôi lại lẻn bố mẹ, lò mò xuống rạch, lội từ cầu Khuông Việt, qua cầu Ông Tạ, ra tận cầu Sạn cho thỏa chí tang bồng hồ hải, roi vọt gì đó tính sau. Có hôm mưa lớn, nước ngập lên cả mặt cầu. Đứa trên cầu, lấy chân té nước xuống đứa dưới rạch; đứa dưới rạch lấy tay hắt nước lên… Cả một trời tung tóe tuổi thơ…

Sau này, từ 1969, 1970, khi có hồ tắm trong Đệ Nhất khách sạn[132] gần khu Lăng Cha Cả, trời nắng có khi nhiều đứa cũng lội rạch Nhiêu Lộc để sang hồ tắm Đệ Nhất cho gần, khỏi đi vòng. Hồ tắm này mới xây dựng, trong khuôn viên khách sạn Đệ Nhất sang trọng nên sạch sẽ hơn hồ tắm Cộng Hòa, Nguyễn Văn Thoại mà thanh thiếu niên Ông Tạ nhẵn mặt. Riêng hồ tắm Cộng Hòa thì đã cho Mỹ thuê từ 1965 (đến 1973, Mỹ rút quân, mới mở lại).

[132] Nay trên đường Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình.

Có tuổi niên thiếu khu Ông Tạ nào không nhớ đến thắt ruột thắt gan những ngày tắm mưa, lội rạch Nhiêu Lộc khu Ông Tạ?

Tìm về nơi khởi nguồn

Con rạch mang tên Nhiêu Lộc tính từ nơi nó khởi nguồn đến cầu Thị Nghè hiện nay. Từ cầu Thị Nghè, con rạch chảy ra sông Sài Gòn mang tên rạch Thị Nghè. Giờ người ta gom chung lại thành kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, dài 8.700m.

Theo Gia Định thành thông chí, quyển địa chí ra đầu thế kỷ 19 của Trịnh Hoài Đức (1765-1825), công thần triều Nguyễn, nhà thơ, nhà văn và là sử gia nổi tiếng của Việt Nam thế kỷ 18-19 thì Thị Nghè là tên gọi "con gái lớn của Khâm sai chính thống Vân Trường hầu tên là Nguyễn Thị Khánh, lấy chồng là thư kí mỗ, bấy giờ xưng là Bà Nghè, mà không gọi tên, vì bà là người mở đầu chiếm mở đất đó, bắt đầu bắc cái cầu ngang cho thông lối đi lại, người ta gọi là cầu Bà Nghè, cũng gọi con sông là sông Bà Nghè"[133].

[133] Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Viện Sử học dịch và chú giải, Nxb. Giáo dục, 1998, trang 33.

Đại Nam nhất thống chí, bộ sách lớn nhất và quan trọng nhất về địa chí Việt Nam trong thời phong kiến, khắc in lần đầu năm 1910 cũng viết tương tự: "Tương truyền Thị Nghi (Nghè) là con gái thống suất Nguyễn Cửu Vân, khai khẩn ruộng vườn, bắc cầu này tiện đi lại, nên tên thế"[134].

Thống suất Nguyễn Cửu Vân là danh tướng và là nhà doanh điền đời chúa Nguyễn Phúc Chu (ở ngôi từ 1691 đến 1725).

[134] Đại Nam nhất thống chí, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, trang 250.

Hai nhà bác học, nhà văn hóa và ngôn ngữ học sống trong thời rạch Thị Nghè mang tên chính thức là Thị Nghè (giữa thế kỷ 19) nói gọn: "Con rạch cũng mang tên Thị Nghè hay Bà Nghè"[135]; "Tên cầu qua làng Phú Mỹ, ở gần thành cũ Gia Định; lấy tước một bà làm nên cầu ấy mà đặt"[136].

[135] Trương Vĩnh Ký, 1837-1898, Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận, Nxb Trẻ, 1997, trang 29.

[136] Huỳnh Tịnh Của, 1830-1908, Đại Nam quấc âm tự vị - Tome 2, Imprimerie Rey, Saigon, 1896, trang 389.

Sau này, nhà văn Sơn Nam cũng nói vậy trong Bến Nghé xưa.

Khúc rạch Bà Nghè này rộng lắm, đầu rạch đổ ra sông Sài Gòn xưa rộng cả trăm mét, như một con sông nên tên chữ của nó là Bình Trị giang (sông Bình Trị), Nghi giang (sông Nghi). Rộng đến mức con tàu Avalanche[137] - tàu do thám đầu tiên của Pháp tiến vào rạch để thám sát trước khi đánh thành Gia Định năm 1859 và sau này các tàu chiến Pháp tấn công thành Gia Định ra vô thoải mái.

[137] Vì vậy, thời Pháp rạch này đổi tên là rạch Avalanche - arroyo de l'Avalanche.

Đó là đoạn rạch từ cầu Thị Nghè đổ ra sông Sài Gòn chỉ khoảng 800m. Còn từ đó trở về đầu nguồn gần 8.000m thì nó mang tên một ông là ông nhiêu tên Lộc. "Nhiêu" là một chức quan nhỏ thời Nhà Nguyễn. Sử sách không thấy ghi ông này là ai, còn dân gian truyền lại, xưa có ông nhiêu học tên Đặng Lộc bỏ tiền của, công sức ra sửa sang lại con rạch này để thuyền bè, dân chúng đi lại dễ dàng. Bà con nhớ ơn, gọi rạch này là Nhiêu Lộc.

Theo ông Nguyễn Minh Dũng, cựu giám đốc Sở Xây dựng TP. HCM, "Thời Nguyễn có một ông quan tên Đặng Lộc với chức quan nhiêu học hay được gọi tắt là nhiêu. Theo truyền miệng từ gia đình, ông quan ấy là ông tổ của tôi".

Trước đó cả trăm năm, hàng chục bản đồ vẽ kỹ, in rõ thời Pháp mà tôi có, khoảng thập niên 1880 và tới tận 1954, khi Pháp rút quân khỏi Sài Gòn, tất cả đều ghi rõ bằng tiếng Việt: rạch Nhiêu Lộc, rach Nhieu Loc. Tức tên Nhiêu Lộc chắc chắn có từ trước đó.

Rạch Nhiêu Lộc hiện chảy qua bốn quận: Quận 3, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình (Thị Nghè chạy qua Quận 1). Ở Tân Bình, nó qua Phường 3, Phường 5; trước 1975 là bốn ấp: Hàng Dầu, Khuông Việt, Tân Chí Linh và Vinh Sơn; đều thuộc khu trung tâm Ông Tạ.

Cầu Khuông Việt trước khi bị dỡ bỏ thay bằng cầu số 1 ngay đầu nguồn hiện nay gần đó. - Ảnh tư liệu.

Đoạn này thuở xưa không rõ rộng bao nhiêu. Mẹ tôi bảo rộng lắm, ghe thuyền chở bánh trái, củi nỏ… từ đâu tới không rõ, qua lại, trở đầu thoải mái. Các ghe củi cắm sào bên cầu Ông Tạ, đưa củi lên chất đầy hai bên cầu. Đó là hình ảnh đầu thập niên 1960. Trước đó, hồi 1957, 1958, ngay khúc đầu nguồn ở khu 6, Vinh Sơn hiện nay, cũng sâu đến ba, bốn mét. Đủ loại cá, nhiều nhất là cá rô bí. Hai bên rạch, cỏ cây xanh mơn mởn. Mấy tháng mùa khô, rạch cạn, nước mấp mé mắt cá chân; đi còn dễ hơn lội mưa ngập hiện nay.

Nhưng khi tôi lớn lên, từ giữa thập niên 1960, bắt đầu đã xuất hiện những nhà tôn áp sát rạch. Sau Mậu Thân 1968, tôi đi học qua đây hay ghé coi người ta dựng nhà ngay trên rạch. Một loạt cầu tõm dựng trên rạch. Sau thập niên 1970, rạch càng lúc càng nhỏ dần, tôi thấy ở khúc cầu Ông Tạ lên đầu nguồn hiện nay, có chỗ chỉ còn chừng vài mét. Ở

cầu Khuông Việt, cây trứng cá mọc um tùm hai bên, đứng trên cầu ngó về đầu nguồn tôi thấy như con hẻm cụt.

Chiến sự lan tràn, dân các nơi mất nhà đổ về, dựng nhà sàn trên rạch, lấn hết cả dòng chảy. Lúc này, nước rạch đã chuyển màu đen kịt. Trời nắng, đi ngang, bùn đen bốc mùi hôi thối nồng nặc. Cơ bản chỉ còn trùn chỉ sống được. Chỉ khi nào mưa lớn, nước mới tạm trong chút ít. Và đám trẻ con Ông Tạ vẫn lại cứ lội rạch tắm mưa.

Xin nói rõ là "đầu nguồn hiện nay" vì trước 1954 và cả trước khi Pháp vào, con rạch này đầu nguồn ở đâu lại là chuyện khác. Chỉ biết là ít nhất từ đầu thập niên 1970, con rạch đó đã teo tóp lại như một con mương, chảy yếu ớt qua khu Chăn Nuôi (nay ở Phường 4, Quận Tân Bình), lên phía sau Trường Nguyễn Thượng Hiền. Năm 1973-1975, tôi học ở đây, thỉnh thoảng ra con mương này chơi thấy nó chỉ rộng chừng hai, ba mét. Nước chảy liu riu. Trên rạch, lính Đại Hàn trước đó đóng quân ở đây nên có rào kẽm gai để bảo vệ an ninh. Rào kẽm gai này hồi tôi học Trường Nguyễn Thượng Hiền, 1977-1980, vẫn còn cùng điểm cuối con rạch. Và tới lúc ấy, đầu nguồn con rạch này vẫn nằm ở đó. Rạch bị lấp dần dà từ khoảng trước sau 1990.

Thử tìm hiểu ba chuyện quanh đất đầu nguồn rạch Nhiêu Lộc

Khu Ông Tạ xưa hầu như nhà nào cũng có giếng. Giếng nào cũng ăm ắp nước. Nhà tôi ở xóm Đại Lợi, thuộc vùng đất cao khu Ông Tạ, không bao giờ ngập, cũng có một cái trước nhà. Nước lên gần sát mặt giếng. Nhà nào ở khu giáo xứ/ấp Tân Chí Linh, Vinh Sơn, An Lạc (nay là Phường 3 và Phường 5, Quận Tân Bình)… sát bên rạch Nhiêu Lộc trước và sau 1975 một chút đều biết hàng chục giếng nước nơi đây tự phun trào lên mặt đất suốt ngày đêm. Càng gần rạch, nước trào càng mạnh.

Đến đầu thập niên 1970, tôi học lớp Ba Trường Chúa Cứu Thế trong ngõ Tân Chí Linh[138]. Xung quanh trường, tôi thấy có mấy giếng như vậy. Mùa mưa, nước từ các giếng trào lên ồ ạt, ngập cả xung quanh; trong vắt và rất ngọt. Đám học trò chúng tôi đi học, về học hay ghé qua rửa mặt, rửa chân và uống thẳng nước giếng ấy, tỉnh cả người. Lạ là lúc ấy chả đứa nào đau bụng, ngộ độc… gì sất.

[138] Nay là hẻm 107 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình.

1. Đất Ông Tạ xưa hầu hết là vùng thấp trũng, ruộng nước, đầm lầy

Và đây là câu trả lời cho thắc mắc của không ít người: nước đầu nguồn rạch Nhiêu Lộc từ đâu ra?

Sau khi chiếm đóng và tạm ổn định vùng đất Sài Gòn - Gia Định, chính quyền thực dân tổ chức khảo sát kỹ hơn về tình trạng đất đai. Năm 1900, một bộ bản đồ "Environs de Saïgon 1900" (Vùng phụ cận/ngoại ô Sài Gòn năm 1900) cỡ lớn về sông ngòi, kinh rạch, đường sá, khu dân cư… Sài Gòn - Gia Định gồm năm tấm ghép khổ lớn đã được Sở Địa lý Đông Dương (Géographique de l'Indo-Chine) thực hiện.

Tấm thứ ba của bộ bản đồ này ghi nhận khá cận cảnh ngoại ô của hai thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn; đầy đủ kinh rạch, sông ngòi, ruộng rẫy… Theo đó, đến 1900, toàn bộ khu vực bên phải đường Cách Mạng Tháng Tám, từ Lý Chính Thắng hiện nay xuống, qua ngã tư Bảy Hiền, đến phân nửa đoạn đường đến Bà Quẹo hầu hết là ruộng ngập nước (bên trái nay là cư xá Bắc Hải, đường Bành Văn Trân, xóm dệt Quảng Nam - Tân Bình, Hòa Hưng… thế đất cao hơn).

Riêng khu vực Ông Tạ, từ ngã ba Ông Tạ, theo đường Phạm Văn Hai đến Hoàng Văn Thụ hiện nay hầu như là ruộng ngập nước quanh năm, trừ một khoảnh/khu vực khá cao sau này, trước 1985 là xóm Đại Lợi, khu nghĩa địa trước rạp hát Đại Lợi của tôi (hiện nay là chợ Phạm Văn Hai, trung tâm hội nghị tiệc cưới đối diện chợ).

Rạch Nhiêu Lộc rộng, sâu; xung quanh là đầm lầy… Có lẽ đây là một trong những lý do quan trọng khiến đội quân viễn chinh Pháp - Tây Ban Nha khi tấn công đại đồn Chí Hòa 1861 đã không chọn hướng (bắc đại đồn) này mà chọn mặt bên kia: hướng nam, khu Phú Thọ hiện nay và đánh vòng lên Bà Quẹo, tấn công hậu cứ đại đồn. Hướng Phú Thọ, Tân Sơn Nhì, Bà Quẹo… này thế đất cao ráo, khô. Đặc biệt khi cuộc tấn công diễn ra vào hai ngày 24, 25-2-1861 cũng là thời gian bước vào cao điểm tháng mùa khô của miền Nam cũng như Sài Gòn - Gia Định.

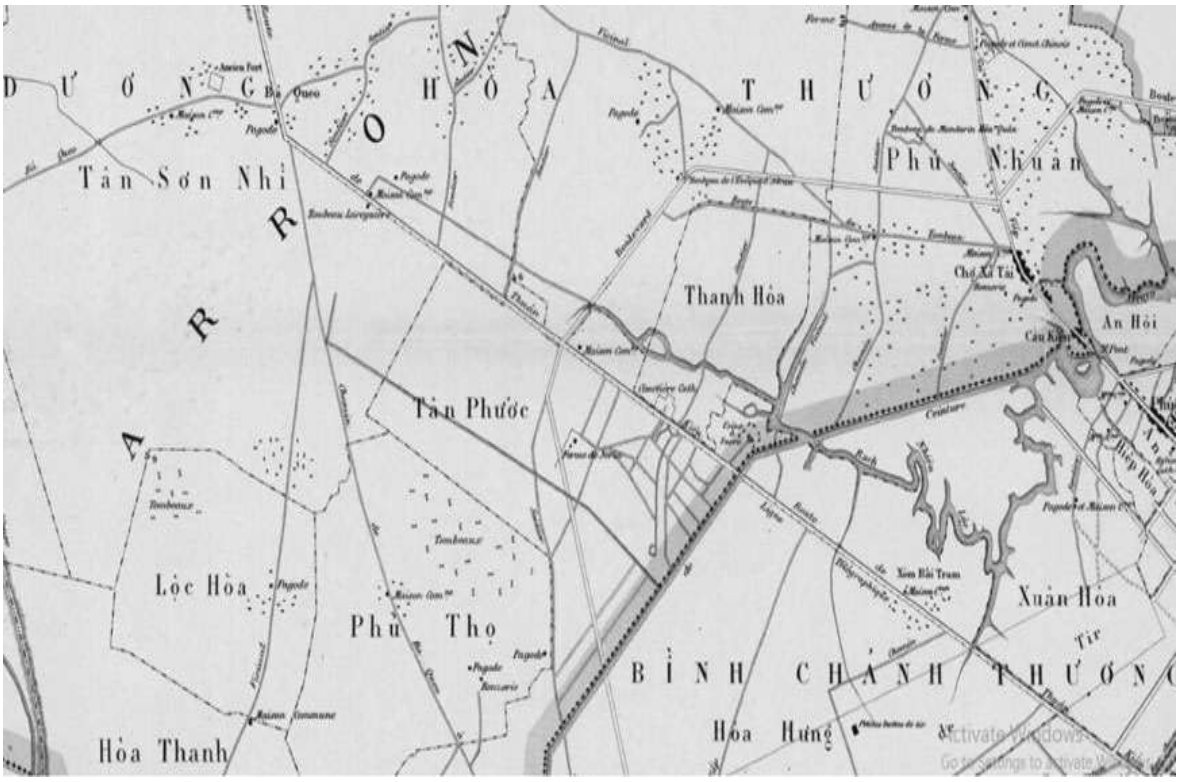

Trên bản đồ địa hình "20eme arrondissement et ses environs" năm 1882,rạch Nhiêu Lộc chỉ ăn qua ngã tư Bảy Hiền hiện nay một chút, trên nữa là hào nước đại đồn. - Ảnh tư liệu.

2. Ngoài rạch Nhiêu Lộc, ba cạnh còn lại của đại đồn Chí Hòa 1861 đều có hào nước nhân tạo

Rạch Nhiêu Lộc chảy giữa vùng ruộng nước, đầm lầy ấy. Tuy vậy, trong bản đồ "Environs de Saïgon 1900", nó chỉ mấp mé qua đường Hoàng Văn Thụ hiện nay một chút và bẻ sang trái cũng một chút.

Không chỉ tấm này, các tấm bản đồ thời Pháp cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 tôi có đều như vậy. Trước đó, năm 1882, 21 năm sau khi đại đồn Chí Hòa[139] thất thủ (1861), một tấm bản đồ địa hình (plan topographique) "20eme arrondissement et ses environs" vùng Sài Gòn - Gia Định tỉ lệ 1:20.000 rất lớn đã được thực hiện.

[139] Rộng 1 km, dài 3 km với khu vực cổng đại đồn nằm ngay ngã ba Ông Tạ.

Có ý kiến cho rằng đại đồn đã bị san bằng sau khi Pháp chiếm năm 1861. Nhưng hàng chục bản đồ Pháp vẽ và in sau đó 30, 40 năm cho thấy nó vẫn còn đó. Thậm chí nó trở thành một đồn trại của Pháp với một tháp canh cao nằm đúng vị trí của Trường Tân Bình hiện nay, ngay ngã ba Ông Tạ.

Tấm bản đồ xuất bản năm 1882 này cho thấy chạy dài theo cạnh bắc đại đồn ba cây số là rạch Nhiêu Lộc vẫn còn đó với một bất ngờ: cùng với một cạnh là rạch Nhiêu Lộc, ba cạnh còn lại, kể cả khu cổng đại đồn

phức tạp nhiều đường ngang ngõ tắt đều có hào nước (đến đầu thế kỷ 20, một số bản đồ thời Pháp vẫn vẽ đại đồn và hào nước, tức đến lúc đó, cả hai vẫn chưa bị san lấp hoàn toàn).

Hào nước bao quanh vốn là cách phòng thủ không thể thiếu ở hầu hết các thành lũy xưa trên thế giới, kể cả thành Gia Định thất thủ năm 1859.

Trong Lịch sử cuộc viễn chinh Nam kỳ[140] cũng có một đoạn ghi chép về hào nước khu vực quanh tường đại đồn. Theo Léopold Pallu, tường đại đồn cao 3,5m, dày 2m. Ông viết: "Có một mô đất duy nhất trong cánh đồng, cách tuyến địch độ 150m. (...) Tại vị trí mô đất quân lính bắt đầu nhận ra các hầm chông đầu tiên cách đó 50m, tức là cách bờ thành 100m. Các chướng ngại phòng thủ thứ yếu như hầm chông được phân bố hết sức tinh xảo. Sáu hàng hầm chông có các rào cản ngăn cách, tức là có bảy hàng cọc nhọn tất cả; tiếp theo là hai hào sâu sát tường thành có đóng chông tre vạt nhọn, nước và bùn ngập khoảng ba chân".

[140] Tác giả là trung úy hải quân Pháp Léopold Pallu, sĩ quan tổng hành dinh đề đốc chỉ huy Leonard Charner; bản thân ông cũng tham gia trận này vào buổi thứ hai của nó, 25-2-1861, đánh chiếm đại đồn Chí Hòa.

Mỗi "chân" (foot) bằng 0,3048m; "ba chân" tức khoảng gần một mét; trong tháng hai là tháng mùa khô, nước không nhiều. Tấm bản đồ vẽ tay, khổ lớn "Mansucript map of Saigon and Cholon 1902" ghi nhận rất chi tiết các đường nước xung quanh đại đồn Chí Hòa (vẫn còn tồn tại hơn 40 năm sau khi đại đồn thất thủ 1861). Và ngay trong tấm bản đồ 1882, rạch Nhiêu Lộc vẫn chỉ quanh quẩn khu ngã tư Bảy Hiền, áp sát đường Hoàng Văn Thụ hiện nay.

Cạnh hào nước dưới của đại đồn chạy qua khu Bàu Cát hiện nay, chắc chắn không thuộc rạch Nhiêu Lộc. Cạnh trên của hào nước ăn từ đoạn

rạch đầu nguồn này lên tới gần Bà Quẹo, chạy thẳng tắp. Khó nói con rạch Nhiêu Lộc vốn cong quẹo lại có thể tự dưng chạy một mạch như vậy tới gần Bà Quẹo, nếu không có bàn tay tác động của con người.

"Mansucript map of Saigon and Cholon", một bản đồ vẽ tay năm 1902 cũng ghi nhận rạch Nhiêu Lộc lúc ấy chỉ chớm qua ngã tư Bảy Hiền hiện nay. Tấm bản đồ này "lộ" ra một chứng cứ: tường bao của đại đồn Chí Hòa đoạn ngã tư Bảy Hiền hiện nay "chừa" ra đoạn rạch Nhiêu Lộc, thay bằng hào nước. Và đây có thể là một chứng minh rạch Nhiêu Lộc không chạy sâu lên Bà Quẹo như một số ý kiến xưa nay.

Trước đó gần nửa thế kỷ, năm 1815, võ tướng Nhà Nguyễn và là người Việt đầu tiên vẽ bản đồ Sài Gòn - Gia Định xưa theo phương pháp phương Tây là Trần Văn Học. Trong tấm bản đồ của mình, ông đã vẽ rạch Nhiêu Lộc dài qua đường Hoàng Văn Thụ hiện nay, chạy lên phía Bà Quẹo. Ông Học là dân Sài Gòn - Gia Định gốc. Có lẽ đó là một trong những cơ sở nhà văn, nhà nghiên cứu Sài Gòn - Gia Định xưa nổi tiếng Sơn Nam viết trong Bến Nghé xưa: "Kênh Nhiêu Lộc bắt nguồn từ khu vực Bàu Cát, Quận Tân Bình".

Tuy nhiên, nếu lấy khu vực Bàu Cát hiện nay nằm bên trái đường Trường Chinh (tính từ ngã tư Bảy Hiền lên Bà Quẹo) thì có thể nhà văn Sơn Nam nhầm với hào nước mặt tây do quân dân Nhà Nguyễn đào để phòng thủ đại đồn vẫn còn ở đó mấy chục năm sau? Vì thực tế rạch Nhiêu Lộc trong bản đồ Trần Văn Học 1815 nằm bên phải đường Trường Chinh hiện nay, bắt đầu bằng một cái bàu/ao rộng vài chục, dài cả trăm mét.

Con rạch Nhiêu Lộc đoạn này khi ấy nếu có, có lẽ cũng cạn, ngắn và đứt đoạn nên quân dân Nhà Nguyễn khi xây dựng đại đồn đã khơi dòng, nối dài nó đi thẳng tắp (chứ không quanh quẹo như rạch tự nhiên) dọc theo tường đại đồn, tới gần Bà Quẹo. Các bản đồ Pháp nhất loạt vẽ chi tiết

hình ảnh "thẳng tắp" này. Ở các bản đồ vẽ cuối thế kỷ 19 đều ghi nhận rạch Nhiêu Lộc chỉ "nhích" qua đường Hoàng Văn Thụ hiện nay một chút, đâu khoảng trên dưới 100m và bẻ hướng sang trái về phía đường Trường Chinh hiện nay - sát khu vực trước 1983 là nghĩa trang Quân đội Pháp (nay là Trung tâm Triển lãm và hội chợ Tân Bình).

Chính đường bẻ hướng này tạo điều kiện cho sau này người ta nối dài một đoạn rạch sang khu ruộng (nay là khu Tân Việt, Tân Thành - Phường 12, 13, Quận Tân Bình) và khu rừng cao su[141] bên kia đường Trường Chinh để "dẫn thủy nhập điền" hay thoát nước gì đó khu vực này.

[141] Từ giữa thập niên 1960, rừng cao su nơi đây bị đốn bỏ; hình thành khu xóm dệt Quảng Nam hiện nay.

Cái bàu/ao rộng vài chục, dài cả trăm mét chảy ra rạch Nhiêu Lộc trước 1975 là trại Sư đoàn Nhảy dù Hoàng Hoa Thám (hiện là đường và chợ Hoàng Hoa Thám). Ai dân Tân Việt, Tân Thành hẳn còn nhớ nhiều khu vực trong trại này mỗi lần mưa là ngập lõng bõng nước vì không thoát ra rạch Nhiêu Lộc được. Và giữa thập niên 1950, hàng ngàn lính Pháp tử trận khắp nơi trong cuộc chiến Đông Dương được cải táng, chôn cất ở cạnh bên con rạch này, lập nên nghĩa trang Quân đội Pháp (năm 1983 giải tỏa). Xung quanh nghĩa trang có các hào thoát nước theo hướng rạch Nhiêu Lộc.

Nói thêm, ở bản đồ "Environs de Saïgon 1900" (Vùng phụ cận/ngoại ô Sài Gòn năm 1900) vẽ ghi rõ hệ thống rào gai và hào nước quanh đại đồn đã thành "ligne de défense" (tuyến phòng thủ) của người Pháp. Nhưng một số đoạn đã bị san bằng, dỡ bỏ. Có lẽ khi ấy, đội quân xâm lược đã tạm làm chủ an ninh Sài Gòn - Gia Định, trong đó có khu vực này.

3. Nhiêu Lộc từng là rạch thoát nước cho một nửa phi trường Tân Sơn Nhứt

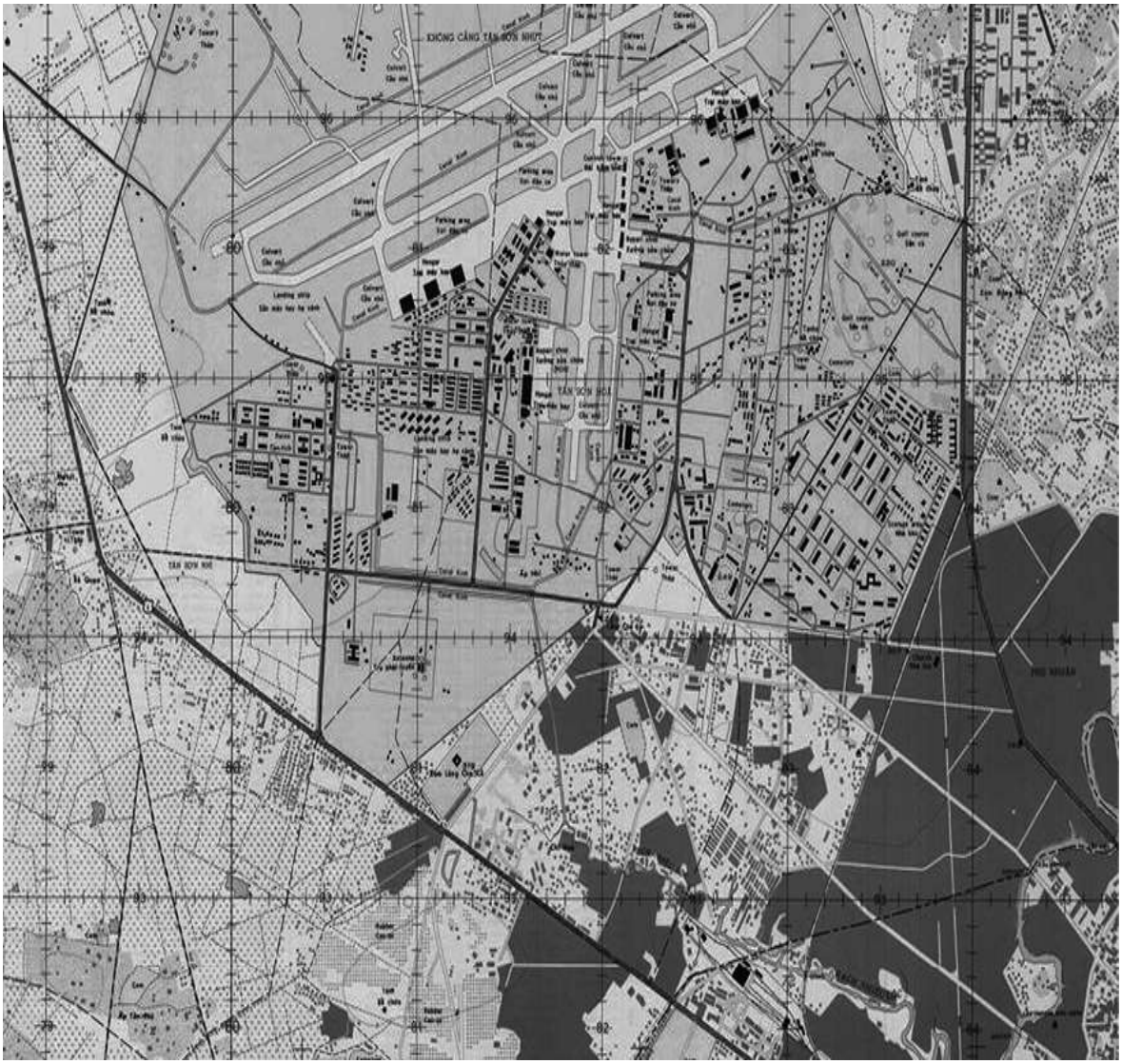

Bản đồ của Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ ở Viễn Đông - USAMSFE 1962 vẽ rất chi tiết hệ thống kinh thoát nước sân bay vào rạch Nhiêu Lộc.

- Ảnh tư liệu.

Một số người cứ ngỡ rạch Nhiêu Lộc tự nhiên xưa chạy tới Tân Sơn Nhứt bởi nếu khi lội ngược dòng rạch, đúng là nó chạy tuốt tới sát cạnh dài chu vi sân bay, phía nam.

Thật ra dòng chính của rạch hiện nay đã bị lấp, thành đường Lê Bình và thay rạch bằng cống hộp. Đoạn "rạch" dẫn sang khu Hoàng Việt (Phường 4, Quận Tân Bình) nay cũng bị lấp, chuyển thành cống hộp dưới đường Út Tịch trước khi đến phi trường thật ra là một con kinh đào sau năm 1954. Có lẽ để thoát nước cạnh nam phi trường cho ra rạch Nhiêu Lộc (cạnh bắc phi trường cũng có một hệ thống kinh, nhưng thoát theo hướng khác).

Các bản đồ Sài Gòn trước 1954 không hề có đoạn kinh này. Nó chính thức xuất hiện trong tấm bản đồ chi tiết in năm 1958 của Nha Địa dư Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa, dựa theo không ảnh 1953 và điều chỉnh năm 1956, "bổ túc trắc họa Đô thành năm 1957". Tỉ lệ 1:15.000 - một tỉ lệ lớn cho toàn khu vực Sài Gòn - Gia Định.

Sau đó, tấm bản đồ năm 1962 của Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ ở Viễn Đông - USAMSFE vẽ chi tiết hơn theo không ảnh lúc ấy cho thấy đoạn này, bản đồ ghi rõ là canal (kinh). Đường đi của đoạn kinh này nay là đường Út Tịch, từ đoạn đầu nguồn rạch Nhiêu Lộc hiện nay ở Phường 3, 5, Quận Tân Bình đi lên hướng chệch bắc, qua Võ Tánh, sát cơ xưởng sản xuất xe Puch của một doanh nhân lớn khu Ông Tạ: Đặng Đình Đáng. Đoạn chạy qua đường Võ Tánh qua một cống ngầm lớn (culvert) đổ vào "đầu nguồn" rạch Nhiêu Lộc hiện nay, chỗ giao thủy rạch Nhiêu Lộc - Lê Bình - Út Tịch.

Nước từ sân bay (lúc ấy chưa có dân) đổ về chỉ là nước mưa tự nhiên. Và đó là lý do trước 1975 và tận thập niên 1980, dù lúc ấy rạch Nhiêu

Lộc đã ô nhiễm lắm rồi, nhưng khi mưa, nước rạch vẫn khá trong. Con nít Ông Tạ vẫn vô tư tắm mưa, lội rạch và tranh thủ bắt cá trôi về từ khu vực phi trường.

Qua khỏi đường Võ Tánh chừng 500m là vô phạm vi phi trường, đoạn kinh/mương này tách ra làm đôi: nhánh phải sang khu nghĩa trang Bắc Việt trên đường Phổ Quang hiện nay, nhánh trái tiếp tục đi sâu, bẻ góc 90 độ mấy lần trước khi thành một đoạn kinh mặt nam phi trường.

Năm 1976, một bản đồ của Liên Xô đã in lại từ bản đồ quân sự của Mỹ trước 1975 cho thấy đoạn rạch Nhiêu Lộc nay là đường Lê Bình đã thu hẹp lại rất nhỏ sau khi khu Chăn Nuôi hình thành từ 1971. Nhưng nó vẫn ăn qua đường Hoàng Văn Thụ hiện nay để thoát nước cho khu nghĩa trang Quân đội Pháp. Còn đoạn kinh đào thoát nước khu vực sân bay vẫn còn nguyên vẹn, kể cả con đường Út Tịch hiện nay.

Bây giờ thì cả nhánh rạch đầu nguồn Nhiêu Lộc ở Bảy Hiền lẫn nhánh kinh vô phi trường đều không còn; hoặc thành cống hộp gì đó. Và thế là đầu nguồn rạch Nhiêu Lộc bị "di dời", lọt thỏm giữa khu trung tâm Ông Tạ, gần cầu số 1 như chúng ta biết hiện nay.

LỜI KẾT

Trải qua hơn 300 năm, vùng đất Sài Gòn - Gia Định năm xưa giờ đã trở thành một "siêu đô thị" của hơn 10 triệu người sinh sống với nhiều thay đổi đáng kinh ngạc.

Đường Dưới - con đường nhỏ hẹp và ẩm ướt từ Sài Gòn vào Chợ Lớn xưa kia - nay đã trở thành đại lộ Đông Tây với hơn 10 làn xe. Chiếc cầu Bình Lợi đầu tiên bắc qua sông Sài Gòn hơn 100 năm trước giờ cũng đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử và nhường chỗ cho những chiếc cầu mới hiện đại hơn. "Đại lộ cà phê" Charner tuy hiện nay đã trở thành phố đi bộ Nguyễn Huệ nhưng vẫn luôn là con đường sầm uất bậc nhất Sài Gòn với hàng trăm quán xá hai bên đường nhộn nhịp ngày đêm.

Bên cạnh đó, mọi thứ đều không thể cưỡng lại được quy luật đào thải của thời gian. Thời điểm quyển sách này ra đời, dấu vết cuối cùng còn sót lại của ngôi chợ Cũ "hơn một thế kỷ lừng lẫy trên vỉa hè" ở đường Tôn Thất Đạm vừa bị xóa sổ. Vẫn còn nhớ cách đây không lâu, người Sài Gòn cũng đã phải nói lời giã biệt hàng cây cổ thụ trên đường Tôn Đức Thắng, vốn là những chứng nhân lịch sử của Sài Gòn từ những ngày đầu hình thành. Dẫu biết rằng "cái cũ không đi sao cái mới lại" nhưng chứng kiến một phần đời của mình mất đi, ai mà không cảm thấy tiếc nuối, huống chi đó là kỷ niệm của nhiều thế hệ!

Nhưng rồi, dưới ánh nắng sớm rực rỡ của một ngày mới, Sài Gòn lại tinh khôi và tràn đầy sức sống như ngày đầu tiên, như cách mà

nó đã từng vượt qua bao cuộc thăng trầm trong suốt hơn ba thế kỷ.